

SỐ 2 - 3 NGÀY 15 - 2 - 1965

I
Đ
I
T
H
Ờ
I
BACH
KHOA

năm thứ chín

VŨ BẢO *một hội nghị vẽ lại khuôn mặt thế giới*
20 năm trước đây * LÊ VĂN HẢO *tìm về đình*
chùa xứ Bắc * NGUYỄN HIỂN LÊ *Alexander Fleming* *
TUỆ TRUNG *Hoa - Đình thiền sư* * NGUYỄN GIA
TƯỜNG *cách mạng dân tộc trong phạm vi học*
đường * VÕ QUANG YẾN *kim cương nhân tạo* *
THÀNH TÔN — HÀ NGUYỄN THẠCH — ĐÌNH
TRẦM CA *thơ* * TRÙNG DƯƠNG *vừa đi vừa ngược*
nhìn * NGUYỄN NGU Í *sống và viết với Sơn Nam* *
THANH TÂM TUYỀN *cát*
lầy * SINH HOẠT *giải*
thường Nobel Y học 1964.

195

Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DÉSORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{TE} F^{ABRIQUE} DES DISTILLERIES DE L'I.C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC



BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 195 ngày 15 - 2 - 1965

VŨ BẢO <i>một hội nghị vẽ lại khuôn mặt thế giới 20 năm trước đây</i>	3
LÊ VĂN HẢO <i>tìm về đình chùa xứ Bắc</i>	17
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Alexander Fleming</i>	29
TUỆ TRUNG <i>Hoa-Đình thiền-sư</i>	37
NGUYỄN GIA TƯỜNG <i>cách mạng dân tộc trong phạm vi học đường</i>	42
VÕ QUANG YẾN <i>kim cương nhân tạo</i>	51
TRÙNG DƯƠNG <i>vừa đi vừa ngược nhìn (truyện 2 kỳ)</i>	57
HÀ NGUYÊN THẠCH <i>lời khát vọng (thơ)</i>	68
NGUYỄN NGU Í <i>sống và viết với Sơn Nam</i>	69
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy (truyện dài)</i>	77
ĐYNH TRẦM CA <i>lời ca quê hương (thơ)</i>	81
THÀNH TÔN <i>nghìn năm sa mạc (thơ)</i>	82
SINH HOẠT	
NGUYỄN TRẦN HUÂN <i>giải thưởng Nobel Y học 1964</i>	83
THẾ NHÂN <i>liệt kê các biến cố đầu năm 1965</i>	85

BÁCH - KHOA

từ số này đổi thành

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

Trong số kỷ niệm 8 năm, tạp chí Bách-Khoa đã có dịp xác định về nhiệm vụ chính yếu của Bách-Khoa là trình bày những kiến-thức và ghi lại những biến cố thời đại.

Cũng bởi muốn đánh dấu thời đại bằng những vấn đề thời sự, bằng những kiến-thức hiện tại, bằng những sáng tác văn nghệ mang tình cảm và sắc thái thời đại, nên nhóm chủ trương Bách-Khoa nhấn mạnh vào tính chất « thời-đại » của tờ báo, đã thỏa thuận thêm hai tiếng đó vào sau tên Bách-Khoa, thành « Bách-Khoa Thời-Đại » bắt đầu từ số tân niên này.

CHỮ Ý :

Các việc thanh toán tiền nong, nếu thuận tiện, từ nay xin quý vị gửi cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại, Trương mục 27-46 Chánh Trung Khu Chi Phiếu Saigon.

Thẻ tài của tờ báo, ban biên-tập, báo quán v.v... tất nhiên vẫn không có gì thay đổi. Vậy xin kính báo cùng quý vị độc giả, các cơ quan đặt mua dài hạn, quý vị đăng quảng cáo cùng quý vị phát hành, cổ động cho tạp chí Bách Khoa rõ.

BÁCH - KHOA

CÁCH ĐÂY HAI MƯƠI NĂM
CŨNG THÁNG NÀY
MỘT HỘI NGHỊ LỊCH SỬ
ĐỊNH ĐOẠT VẬN MỆNH THẾ GIỚI

HỘI NGHỊ YALTA

- VŨ BẢO

Trong lịch sử nhân loại, không có hội nghị nào bi thảm hơn hội nghị Yalta.

Bi thảm là vì cả bộ mặt thế giới đã bị vẽ lại. Số phận hàng trăm triệu người đã chỉ do có 3 người định đoạt.

Bi thảm là vì người lãnh đạo của thế giới tự do, Tổng Thống Hoa Kỳ Franklin Roosevelt, đã đến dự Hội Nghị mệt mỏi và đau yếu như một người gần kề miệng lỗ (ông chết đúng hai tháng sau), và ông đã sẵn sàng nhượng bộ trước các yêu sách của Staline.

Bi thảm là vì thế giới vừa thoát ra khỏi ách đế quốc trắng đã rơi ngay vào tròng đế quốc đỏ. Hàng chục nước ở Âu Châu « giải phóng » từ nay chỉ sẽ còn là những hành tinh quay theo quỹ đạo Nga Sô.

Hội Nghị Yalta đã chứng tỏ rằng các nước tự do ngồi vào bàn hội nghị với các nước Cộng Sản là nắm chắc phần thất bại vì hai bên không dùng một ngôn ngữ và không cùng một thành tâm thiện chí.

Hội Nghị Yalta cũng chứng tỏ rằng thắng trong chiến tranh còn là dễ, thắng trong hòa bình mới thật là khó.

ĐẦU năm 1945, ngồi làm việc trong một cái hầm, mái dầy tới 8 thước xi măng cốt sắt, Hitler bắt đầu có cái cảm giác của con thú bị săn. Sau cuộc đổ bộ của Đồng Minh trên đất Pháp, sau cuộc tấn công vũ bão của Hồng quân, vòng vây mỗi ngày một khép chặt lại, và việc Berlin thất thủ chỉ còn tính từng ngày.

Trong khi Anh, Nga và Hoa Kỳ đã nắm chắc phần thắng trong tay thì còn rất nhiều vấn đề chính trị chưa được giải quyết : quy chế của nước Đức sau chiến tranh, vấn đề Ba Lan và các nước Đông Âu, vấn đề ấn định một chính sách chung với Nhật Bản, việc thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc, v.v...

Ngay từ giữa năm 1944, Roosevelt đã điện cho Churchill và Staline đề nghị một hội nghị tay ba để giải quyết các vấn đề đó.

Nhưng Staline lần lựa mãi và chỉ chịu nhận lời sau khi Anh và Mỹ bằng lòng chọn họp trên đất Nga. Và hội nghị đã được triệu tập vào ngày 4 tháng 2 năm 1945 tại Yalta một nơi nghỉ mát trên bờ Hắc Hải.

Thiên thời, địa lợi

Staline đã tính toán rất kỹ khi chọn lựa địa điểm và thời gian hội nghị.

Tam cường hợp trên đất Nga, Staline đương nhiên đóng vai chủ nhân ông đãi khách. Và Anh, Mỹ không thể nào tới ngủ trọ và ăn cơm rồi lại không làm đẹp ý chủ nhà.

Hơn nữa họp tại Yalta sẽ làm tăng thêm uy thế của Nga Xô rất nhiều. Tổng Thống đế nhất cường quốc Hoa Kỳ và

Thủ Tướng của đế nhất đế quốc Anh, sẽ phải lóc cóc dẫn thân già tới phó hội, một ông từ Hoa Thịnh Đốn sang, đường dài gần vạn cây số, một ông từ Luân Đôn tới, ngắn hơn cũng mất 5 ngàn cây, trong khi đó Staline chỉ việc ngồi nhà, chờ khách tới mới thủng thẳng mặc áo bước ra cũng vừa kịp.

Chính Staline cũng đã đích thân lựa chọn nơi trú ngụ cho các phái đoàn. Tổng Thống Roosevelt và phái đoàn Hoa Kỳ ở biệt thự Livadia, Thủ Tướng Churchill và phái đoàn Anh ở biệt thự Vorontsov, hai nơi cách xa nhau 5 cây số, còn Staline và phái đoàn Nga thì ở biệt thự Koreis, nằm ở giữa đường đi từ Livadia và Vorontsov.

Chủ ý của Staline là ngăn cho phái đoàn Anh và Hoa Kỳ khó gặp nhau để khó mà thống nhất lập trường. Và lại hai bên có lò mò đi tìm nhau thì thế nào cũng phải đi ngang qua biệt thự Koreis, nơi Staline ngụ.

Thời gian Hội nghị cũng đã được tính toán rất kỹ. Triệu tập sớm hơn thì Anh và Hoa Kỳ sẽ lên chân vì vừa mới đổ bộ ào ạt lên nước Pháp. Và lại Roosevelt đang ở thời vận động ra tái ứng cử Tổng Thống Hoa Kỳ sẽ không thể nhẫn nại nghe Staline thuyết phục. Trái lại đề tới tháng hai 1945 thì Roosevelt vừa được tái cử lần thứ 3, đang say sưa với thắng lợi của mình, sẵn sàng rộng rãi không cò kè với Staline. Hơn nữa Hồng quân vừa phản công dữ dội đánh quân Đức tới bờ khiến cho kẻ lên chân bây giờ không còn là Anh, Mỹ mà lại là Nga Xô.

Sau hết đề cho khỏi quên một chi

tiết nào trong việc tiếp rước các thượng khách, Staline cho chở đến Yalta 16 tấn Caviar và cử đầu bếp chính của điện Kremlin với 2 phụ tá trông coi cơm nước, ngoài ra lại có thêm chuyên viên phụ trách chọn rượu Vodka và những Xâm-banh hảo hạng của xứ Caucase.

Bây giờ đã có « địa lợi » và « thiên thời », Staline chỉ còn có việc gây cho « nhân bất hòa » giữa Anh và Mỹ là có thể yên hưởng kết quả của cuộc hội nghị tay ba này.

Các phái đoàn phó hội

— Staline và phái đoàn Nga :

Khi đi phó hội, Staline đã lên tới tột đỉnh quyền uy. Chủ tịch Hội đồng Chính phủ, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô, Thống chế Hồng quân,

Tổng chỉ huy đạo lực quân mạnh nhất thế giới, nắm trong tay quyền sinh sát 180 triệu dân, và có tới gần khắp thế giới 5 triệu đảng viên trung kiên sẵn sàng thi hành mọi mệnh lệnh, Staline thực đã biết sự đắc thắng của mọi sự đắc thắng.

Ông ta không còn là một con người với những tình cảm thường nhật nữa. Ông ta chỉ còn là hiện thân lạnh lùng của duy vật biện chứng pháp.

Theo đúng những giáo điều của Mác, Lê-nin, ông ta tin một cách mãnh liệt rằng xã hội tư bản do những mâu thuẫn nội tại của nó sẽ đi đến chỗ hủy diệt. Nhưng trước khi nó chết nó còn đủ sức vẫy vùng lồng lộn một cách nguy hiểm. Vậy điều cần nhất là phải tránh những sự đẩy dụa cơ giạt của nó.

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 25.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn — Hỏa Hoạn — Hàng Hải — Lũ B. Tĩnh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE-DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantao — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Abidjan Douala

Với luận cứ như trên, Staline đi dự hội nghị với một chiến lược và chiến thuật hết sức rõ rệt trong đầu.

Một mặt mở rộng biên giới Nga Xô đến mức tối đa bằng cách lan tràn ảnh hưởng đến các quốc gia vòng đai, kiểm soát Trung Âu và Đông Âu đến tận cùng giới hạn mà Tây Phương có thể chịu đựng được.

Một mặt khác ru ngủ những sự lo ngại của Tây Phương bằng cách không để cho họ Mao có vẻ thắng thế ở Trung Hoa, buộc các lãnh tụ Cộng Sản khác như, Thorez, Togliatti, Gottwald, Tito, Hồ Chí Minh không được đề lộ tính chất cách mạng vô sản ra mà phải đóng vai các « chiến sĩ quốc gia » hiền hòa vô hại, thành lập các Mặt Trận Dân Tộc và phát động « Chiến Dịch Nụ Cười ».

Bộ tham mưu của Staline tại Hội nghị gồm có Molotov nổi tiếng về sự nhẫn nại, có thể thảo luận giằng co đến 2 tiếng đồng hồ về một chữ dùng trong bản thông cáo ; Vychinsky, một luật gia có bản lĩnh ; Gromyko với bộ mặt lạnh như tiền ; Maisky con một nghiên cứu hồ sơ ; tư lệnh không quân Khuryakov, tư lệnh Hải quân Kuznetsov và tổng tư lệnh Antonov.

Bên cạnh bộ tham mưu «nồi» đó có một bộ tham mưu «chìm» mà những vai chính là Vorochilov, người độc nhất có thể vào phòng giấy Staline mà không cần gõ cửa ; Béria, trùm mật vụ G.P.U. và Malenkov bí thư của Staline.

— Roosevelt và phái đoàn Hoa Kỳ :

Người ta có cảm tưởng là sự giàu mạnh của Hoa Kỳ không có giới hạn

nữa khi người ta chỉ việc nhắc tới một phần các con số viện trợ của Hoa Kỳ cho Nga Xô là cũng đủ thấy chóng mặt rồi : 16 triệu tấn khí cụ chiến tranh, 500.000 xe camion, 2.000 đầu xe lửa, 11.200 toa, 2.600.000 tấn ét sắt, 4.500.000 tấn thịt, đường, v.v...

Lãnh đạo một cường quốc như vậy, Roosevelt lại còn có thể tự hào là đã giữ kỷ lục về thời gian ngồi ở Bạch Cung vì khi đi dự hội nghị Yalta, ông ta bắt đầu nhiệm kỳ thứ 4 của mình. Nhưng ông không có cái sắc diện và dáng vóc đề biểu dương cái sức mạnh đó. Ông bị đau ốm đã hơn một năm nay, lại vừa phải dùng sức quá độ trong cuộc tranh cử, nên khi ông vừa tới Yalta người ta đã phải ẵm ông lên một chiếc xe díp để ông duyệt binh. Mặt xanh nhợt, quần áo rộng thùng thình ông ta chỉ còn như là một cái xác không hồn Ông ngại không muốn dờ coi một hồ sơ nào chỉ muốn nằm cho người ta đấm bóp.

Ông Roosevelt đến dự hội với hai ý định trong đầu : chấm dứt chiến tranh cho thật mau và tổ chức hòa bình cho thật lâu dài. Tất cả những vấn đề khác đều là phụ thuộc và có nhắc tới chỉ làm cho người bệnh hoạn đó cáu kỉnh.

Sự thật thì cả hai ý kiến chấm dứt chiến tranh và tổ chức hòa bình đều là những ý kiến hết sức cao đẹp. Chỉ có một điều là Roosevelt quan niệm một cách hết sức hời hợt. Chấm dứt chiến tranh đối với Roosevelt nghĩa là làm sao cho Hitler và Nhật Bản đầu hàng một cách mau chóng bất cứ với một giá nào. Và mặc dầu Mac Arthur đang phản công dữ dội sắp sửa đè bẹp Nhật Bản, Roose-

velt trong Hội nghị Yalta cũng cố nài cho bằng được Staline tuyên chiến với Nhật Bản để cho về sau này Nga gần như không phải đánh chác gì đã thu về được những quyền lợi rất lớn lao.

Còn tổ chức hòa bình vĩnh cửu đối với Roosevelt có nghĩa là thành lập Liên Hiệp Quốc. Các nước sẽ kết hợp với nhau như là các tiểu bang của Hoa Kỳ. Và không có lý do nào một liên bang như Hoa Kỳ đã thành công mà Liên Hiệp Quốc lại không làm nổi thứ nhất là trong Liên Hiệp Quốc sẽ có hai nước cột trụ như Nga Sô và Hoa Kỳ.

Roosevelt mang cái mộng lớn đó đi phó hội cùng với sự tự đắc của một Tổng Thống Hoa Kỳ đã 4 lần thắng cử và tai hại hơn nữa, họp với hai người đối thoại Staline và Churchill thì Roosevelt xét lầm cả hai người. Cái lầm thứ nhất là không trông thấy Staline là cả một chủ nghĩa mà vẫn coi Staline là một con người và chỉ cần sự tiếp xúc giữa con người với con người (human touch) là có thể hoán cải được cả Staline. Chính Roosevelt đã tâm sự với các người thân tín : « Tôi yêu Staline và tôi nghĩ rằng ông ta cũng yêu tôi (I like him and I think he likes me) và trong hội nghị, Roosevelt sẵn sàng nhận các ý kiến của Staline và bác bỏ những đề nghị của Churchill.

Cái lầm thứ hai là đáng lẽ đứng hẳn về một phe với Churchill để làm những phản đề nghị của Tây Phương đối với các yêu sách quá đáng của Staline, Roosevelt trái lại đã nghi kỵ Churchill và bất đồng ý kiến về nhiều điểm trong đó có 2 điểm chính :

Trước hết Roosevelt cho là Churchill còn thiết tha với những quan niệm đế quốc lỗi thời không biết đến sự đòi hỏi độc lập của thuộc địa. Churchill trái lại thấy Roosevelt rất ngây thơ và không trông rõ mưu mô thâm lược của Staline. Đã có lần Churchill kêu lên : « Tôi không có đánh nhau với Hitler để ngày hôm nay chủ tọa cuộc thanh toán đế quốc Anh ».

Một quan niệm của Churchill cũng bị Roosevelt coi là lỗi thời. Đó là chính sách « chia những khu ảnh hưởng ». Roosevelt như đại đa số dân chúng Hoa Kỳ luôn luôn khur khur với ý kiến mà gần đây Walter Lippmann (một bình luận gia nổi tiếng của Hoa Kỳ về chính trị thế giới) vẫn còn lớn tiếng bình vực. Ý kiến đó là « không bao giờ công nhận sự tương tranh giữa các quốc gia như là điều kiện sinh hoạt thường nhật của nhân loại ». Churchill trái lại cho rằng hòa bình cũng phải tranh đấu gay go mới có, chẳng khác gì chiến tranh, còn nghi khác là ảo tưởng.

Những nhân viên trong phái đoàn Hoa Kỳ cũng đều chia sẻ quan niệm của Roosevelt. Người đầu tiên là cố vấn Hopkins. Mặc dầu chỉ mang danh hiệu chính thức là « đặc phái viên của Tổng Thống », Hopkins từ bao năm nay ăn ở trong Tòa Bạch Cung và ngủ ở phòng dùng làm bàn giấy cho Tổng-Thống Lincoln trước đây. Hopkins quyền hành lớn đến nỗi có thể ký nhiều công điện quan trọng gửi các quốc trưởng khác, các Đại sứ, các tư lệnh mà không cần hỏi ý Roosevelt.

Hopkins bị bệnh ung thư rất nặng, luôn luôn nhăn nhó vì đau đớn

đã nhiều lần vào điện Kremliu hay dinh Thủ Tướng Anh họp bàn mà phải để người ta không bằng bằng ca. Có thể nói là Roosevelt không quyết định việc chi mà không hỏi Hopkins.

Trong đoàn của cô Stettinius, bộ trưởng Ngoại giao vừa mới nhậm chức, Harriman đại sứ Hoa Kỳ tại Mạc Tư Khoa, một trong những người được chọn là lịch sử nhất thế giới ;

Alger Hiss đã được Roosevelt tin cậy, người chủ trương rằng Staline không phải là một con người Cộng Sản mà là con người quốc gia, và cả Mao Trạch Đông cũng là quốc gia tốt ; Bohlen giữ vai thông dịch viên ; a đô đốc Leahy và Joseph King cũng a tướng Watson và Marshall.

Trừ một Bohlen rất thông thạo tiếng Nga và hiểu rõ chiến thuật của Staline (nhưng lại không có vai trò gì quyết định), tất cả các thành viên của phái đoàn Hoa Kỳ đều rất thiếu quan điểm của Roosevelt về Stalin. Họ càng gặt gù khen ngợi là "ông Roosevelt" tuyên bố :

"Tôi có ấn tượng rằng Staline không phải là người dễ hiểu hay thường phê bình Hopkins cũng đồng ý kiến như vậy. Tôi nghĩ rằng phải tôi thuận cho Staline tất cả những gì gì có thể cho ông ta được và người ta tôi không đòi hỏi gì ông ta hết dù noblesse oblige (chỗ này Roosevelt đồng ý với Pháp) ông ta sẽ không nghĩ đến chiếm đoạt đất đai lung tung dân và sẽ cộng tác với tôi để xây dựng một thế giới dân chủ và hòa bình."

— Churchill và phái đoàn Anh :

Churchill không phải là một nhân vật

mà người ta có thể tóm tắt cuộc đời trong vài câu

Ông luôn luôn coi chiến tranh chỉ là một phương tiện chánh trị dùng vào những mục tiêu chánh trị. Cuộc chiến thắng gần tới sẽ không có nghĩa lý gì hết nếu nó không giải quyết tổ chức chánh trị của Âu Châu và của thế giới. Ông cũng nghĩ rằng trong Hội Nghị Yalta quyết định về số phận chính trị của nhiều nước, Anh và Hoa Kỳ phải đứng vào một khối keo sơn vì nhiều lẽ :

— Hai nước cùng một ngôn ngữ và cùng chia sẻ sự tôn trọng các quyền tự do căn bản.

— Trước một hiệp ước mới, khối Đại Tây Dương phải là một gia đình gắn bó vì Staline đang chờ đợi khai thác những xích mích nhỏ nhất.

— Âu Châu già nua và bị tàn phá vì chiến tranh (như Pháp, Ý, Đức Anh) phải dựa vào vai thanh niên cường tráng của Mỹ Quốc để lấy lại hơi sức, hàn gắn các vết thương,

— Hoa Kỳ ngây thơ và dễ tin, nếu đơn thương độc mã gặp đối thủ Staline, sẽ dẫn thế giới không biết đi về đâu.

Cho nên Churchill đã hết sức cố gắng để tạo nên một khối Anh-Mỹ có một lập trường chung vững chắc ở Hội Nghị. Nhưng Churchill cũng thừa hiểu là Roosevelt và phái đoàn Hoa Kỳ vẫn nghi kỵ ông ta cho ông ta chỉ là một anh già biền lận muốn giữ kho tàng đế quốc của mình, dù có phải hi sinh tánh mạng binh sĩ Hoa Kỳ cũng mặc. Dưới mắt Roosevelt, Anh quốc chỉ còn là một nước cần cỗi, bảo thủ, luôn luôn lên

mặt khuyên bảo Hoa Kỳ trong khi chính mình chẳng có một tư tưởng nào tiến bộ.

Churchill biết rõ tâm lý của Hoa Kỳ như vậy nên trước Hội Nghị Yalta, không còn có chiến lược nào khác là phải tự lo bảo vệ lấy mình. Churchill có ba mối ưu tư chính :

Trước hết là phải gìn giữ một cách lâu dài nền an ninh của Anh quốc. Muốn vậy có hai cách : giữ lấy một khu vực chiếm đóng quan trọng ở phía Bắc nước Đức, và củng cố tình hữu nghị với nước Pháp.

Do đó trước Hội nghị, Churchill đã bênh vực ráo riết các quyền lợi của nước Pháp trong khi cả Staline và Roosevelt đều coi De Gaulle bằng con mắt lạnh nhạt nếu không là rẻ rúng.

Ưu tư thứ hai là bảo đảm an ninh đường đi từ Anh quốc tới Ấn Độ. Mà an ninh đó sẽ bị đe dọa nếu Staline có thể đóng quân ở một địa điểm nào trên bờ Địa Trung Hải. Do đó mà trước đây khi nghiên cứu kế hoạch đồ bộ lên Âu châu, Churchill đã chủ trương tấn công từ phía Nam lên nhưng Roosevelt và Marshall đã nhất mực cho đồ bộ lên miền Bắc nước Pháp nên vấn đề Địa trung hải càng làm cho Churchill bận trí.

Ưu tư thứ ba là vấn đề Viễn Đông. Trong khi Roosevelt muốn thống nhất Trung hoa và võ trang hùng hậu cho nước này thì Churchill thâm trầm hơn lại thăm nghĩ rằng nên để cho Quốc Cộng sâu xé nhau còn hơn là có một Trung Hoa thống nhất và quá mạnh vì cán cân thăng bằng ở Viễn Đông sẽ đảo lộn, thứ nhất là Nhật bản sắp thua không còn nước nào kháng cự được với Trung Hoa nữa.

Nhưng với ba mối ưu tư đó, Churchill không có một lá bài nào để giữ thế công một khi Roosevelt đã nghi kỵ mình. Và Churchill chỉ còn biết nằm trong thế thủ với những ý nghĩ tức tối của một lão tướng tự thấy mình nhỏ bé trước hai kẻ đối thoại kiêu căng và giàu phương tiện.

Anthony Eden thì bao giờ cũng bình nhiên như mặt nước hồ thu. Người ta có cảm tưởng là Trời sinh ra Eden chỉ để cho thế giới càng nhìn rõ thấy hoạt khí của cái núi lửa Churchill. Nhưng Eden đã nhiều lần tỏ tài gỡ những mối khó khăn rối rắm.

Ngoài ra phái đoàn Anh gồm có các ông Cadogan coi về tình báo ở bộ Ngoại giao ; Archibald Kerr, đại sứ Anh tại Mạc tư Khoa, thống chế Alan Brooke, một vị tướng lỗi lạc cổ vấn quân sự của Churchill ; thống chế không quân Portal ; tư lệnh hải quân Cunningham và thống chế Alexander.

Điềm qua về thành phần, tâm lý và lập trường của mỗi phái đoàn rồi, người ta bắt đầu có đủ yếu tố để theo dõi Hội nghị một cách rõ ràng hơn.

Sự diễn tiến của Hội nghị

Chủ nhật mừng 4 tháng 2

Trước khi Hội nghị khai mạc, Staline gặp riêng Roosevelt vào hồi 16 giờ 15. Trong câu chuyện hai người đề cập đến De Gaulle và nước Pháp. Staline nhún vai : « De Gaulle không thực tế một chút nào khi ông ta đòi cho nước Pháp những quyền lợi ngang với Anh, Nga, Mỹ ».

Roosevelt ướm hỏi :

— Có thể cho Pháp một khu vực chiếm đóng ở nước Đức không ?

— Tại sao lại cho ?

— Đề tỏ lòng rộng rãi của chúng ta.
Molotov đi theo Staline chêm vào :

— Đối với Pháp thì chắc chắn không còn lý do nào khác hơn là lòng độ lượng

Staline chấm dứt câu chuyện bằng cách phản đối ý nghĩ trên của Roosevelt sau đó hai người vào phòng nhóm đề họp với Churchill.

Hội nghị Yalta đã khai mạc đúng lúc 17 giờ 10 phút ngày mùng 4 tháng 2 năm 1945. Staline đề nghị ngay là Roosevelt sẽ chủ tọa hội nghị từ ngày đầu đến ngày cuối đề khỏi phải luân phiên chủ tọa cho thêm phiền phức. Đề nghị đó vừa gài vào lòng tự ái của Hoa Kỳ, vừa làm cho Hoa Kỳ càng nể nang Nga Sô và xa cách thêm Anh quốc.

Các phái đoàn nghe 2 bản thuyết trình : một của tướng Antonov về mặt trận Đông Âu, một của tướng Marshall về mặt trận sông Rhin.

Trong suốt buổi Staline chỉ cầm bút chì đồ nguyệt ch nguyệt các đầu con chó sói trên một mảnh giấy trắng. Churchill hút xì gà hết điếu này sang điếu khác và Roosevelt lơ lửng không biết nghĩ đi đâu.

Ngày đầu tiên không có chi đáng đề ý.

Thứ hai mùng 5

Buổi sáng các chuyên viên quân sự họp, buổi trưa các bộ trưởng ngoại giao và từ 4 giờ chiều các trưởng phái đoàn tới.

Ngày hôm nay quyết định về số phận của nước Đức. Hai đề nghị chính được nêu ra : các khu vực chiếm đóng và các khoản bồi thường Đức phải trả.

Về khu chiếm đóng, Staline vẫn giữ nguyên lập trường không cho Pháp được dự phần—Churchill trở hết tài hùng biện đề bênh vực nước Pháp. Roosevelt đáng lý phải liên kết với Churchill, gây lại địa vị cho nước Pháp để lập lại thế quân bình tại Châu Âu, thì đã ngồi im nếu không nói là hơi ngả về ý kiến Staline. Sau cùng Staline thuận cho Pháp một khu vực chiếm đóng nhưng phải trích lấy ra ở khu dành cho Anh và Hoa Kỳ.

Về các khoản bồi thường, Nga đưa đề nghị gồm 2 phần : trong phần đầu, thực hiện làm 2 năm, lấy hết các nhà máy của Đức đã sản xuất cho chiến tranh, các máy móc nặng, các máy sản xuất dụng cụ, các phương tiện chuyên chở, các khoản đầu tư tại ngoại quốc ; trong phần thứ hai trả góp hằng năm các khoản bồi thường bằng hàng hóa hay sản phẩm. Nga ước lượng các khoản bồi thường vào khoảng 10 tỷ mỹ kim và một nửa số đó sẽ phải trả cho Nga.

Churchill cho rằng lấy hết như vậy, Đức sẽ đói rồi lại đến Đồng Minh phải nuôi mà thôi. Cần phải thực tế hơn và theo lời Churchill :

— Muốn cho con ngựa kéo nổi cái xe thì phải cho nó có đủ cỏ ăn.

Staline đáp ngay :

— Cho nó ăn nó đá lại thì sao ?

Sau cùng Hội nghị quyết định giao vấn đề bồi thường cho một Ủy ban chuyên viên

sẽ họp tại Mạc Tư Khoa để xét lại và lấy con số 10 tỷ Mỹ kim do Nga đề nghị làm căn bản thảo luận.

Thứ ba mồng 6

Hôm nay bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ thuyết trình về dự án tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Roosevelt trông linh hoạt hơn mọi ngày. Staline vẫn ngồi vẽ chó sói và Churchill vẫn hút xì gà. Không có điệu xì gà thì Churchill không còn phải là Churchill nữa. Điệu xì gà diễn tả hết mọi cảm nghĩ của ông ta. Khi thì điệu xì gà đó mỉm cười, khi thì nó nổi giận, khi nó khiêu khích, khi nó xoa dịu, khi nó nghĩ ngợi...

Stettinus thuyết trình xong, Churchill tỏ ý tán thành dự án. Staline trái lại tỏ vẻ ngạc nhiên, không thấy sự cần thiết cho Tam Cường phải ngồi thảo luận với các nước nhỏ. Thế giới mà hòa bình hay chiến tranh là do nơi 3 nước lớn hòa thuận với nhau hay không, chứ không do các nước nhỏ.

Roosevelt thất vọng vô cùng vì tổ chức Liên Hiệp Quốc chính là giấc mộng bình sinh của ông ta và ông đến Yalta với ý muốn để lại cho hậu thế một tổ chức hòa bình gắn liền với tên tuổi ông ta. Nhưng Staline vẫn không chịu thảo luận, lấy cớ là chưa xem kỹ hồ sơ.

Và Hội Nghị phải quay sang bàn về vấn đề Ba Lan. Vấn đề này càng làm cho không khí ngột ngạt hơn. Staline đòi 2 điều : biên giới phía đông của Ba Lan phải lùi lại đường Curzon (1) và Đồng Minh phải công nhận Ủy Ban Giải Phóng Lublin (trong đó có nhiều tay

chân của Staline) là Chính phủ hợp pháp của Ba Lan.

Anh quốc trái lại ủng hộ Chính phủ Ba Lan đang bị nạn tại Luân Đôn. Chính phủ này đã đóng góp 150.000 quân lính Ba Lan trong các lực lượng của Anh. Còn Hoa Kỳ không thể nào quên được là trên đất mình có từ 5 đến 6.000.000 cử tri gốc người Ba Lan đang mong mỏi cho nước này được độc lập và tự do. Những người này cũng không bao giờ chấp nhận cho Nga cắt xén vào đất tổ của họ.

Giờ đã muộn mà cuộc bàn cãi vẫn không đi tới. Hội Nghị tạm ngưng và 3 người rời phòng họp chào nhau một cách hết sức lạnh nhạt.

Thứ tư mồng 7

Hội nghị trở lại dự án tổ chức Liên Hiệp Quốc, và tự nhiên thấy phái đoàn Nga tuyên bố : « Ya soglasnan » (chúng tôi đồng ý). Đó là một câu nói ít khi người ta thấy ở miệng một người Nga khi nói chuyện với Anh Mỹ. Nhưng trong tổ chức Liên Hiệp Quốc, Nga lại đòi ngoài lá phiếu của Nga ra phải dành 3 lá phiếu nữa cho xứ Ukraine, Biélorussie và Lituanie, 3 xứ này được coi như là sáng lập viên của Liên Hiệp Quốc.

Mặc dầu thấy Staline đòi hỏi quá đáng Roosevelt cũng vui mừng khi được Nga nhận nguyên tắc gia nhập Liên Hiệp Quốc. Nhưng Staline nhận như vậy là chỉ cốt để trở lại các yêu sách về Ba-

(1) Đường này là biên giới của Ba Lan sau đại chiến thứ nhất do Clémenceau (Pháp) và Curzon (Anh) ấn định. Đẩy lui biên giới Ba Lan lại như vậy thì các mỏ dầu hỏa ở Lwow của Ba Lan sẽ thuộc về Nga.

Lan. Staline lại đòi đẩy lui biên giới theo đường Curzon và nhiều nhất là Nga có thể nhận cho một vài đại diện của chánh phủ Ba Lan lưu vong tại Anh quốc được dự vào Ủy ban giải phóng Lublin mở rộng, từ nay được coi là chánh phủ hợp pháp của Ba Lan. Hội nghị phải tạm ngưng đề nghị giải lao. Khi trở lại phòng họp, Churchill không đề ý là mình chưa cài nút quần. Sir Cadogan viết một mảnh giấy đề trước mặt Churchill « Trình Thủ Tướng, lồng chim đề ngỏ cửa », Churchill kín đáo đưa tay xuống làm những biện pháp cần thiết rồi viết trả lời trên cùng mảnh giấy đó : « Việc chi mà lo. Chim này đâu có biết bay ». Sir Cadogan, bộ mặt tỉnh khô như người Ăng Lê, xem xong rồi xé mảnh giấy ra làm bốn, khẽ vút vào sọt, nhưng trong bụng không khỏi cười thầm khi nghĩ đến lúc tan phiên nhóm, các chuyên viên tình báo của Nga sẽ nhặt những mảnh giấy ráp lại coi xem hai người trao đổi ý kiến về chuyện quốc-tế gì mà quan trọng vậy.

Thứ năm mồng 8

Nửa giờ trước phiên họp thường lệ, Roosevelt và Staline lại gặp nhau riêng, không có Churchill.

Vào đề, Roosevelt yêu cầu ngay Staline tuyên chiến với Nhật bản. Staline nhận nguyên tắc nhưng hỏi lại sẽ được đền bù như thế nào ? Roosevelt hứa sẽ đề cho Nga nửa phía nam đảo Sakhaline và quần đảo Kouriles, tất cả đường hỏa xa của Mãn Châu và hải cảng Đại Liên.

Thế là chỉ trong có vài phút thỏa ước quái gở nhất trong lịch sử đã được thành hình. Chỉ vì muốn chóng

kết liễu chiến tranh với Nhật bản, một nước mà sự thất bại chỉ còn là chuyện ngày giờ, một nước đang kiếm cách điều đình, Tổng thống Roosevelt nhà lãnh đạo của khối tự do, nguyên thủ của quốc gia đầu tiên có bom nguyên tử, đã thấy cần phải nài nỉ Nga sô tuyên chiến để Nga có dịp không phải dây máu mà cũng được ăn phần. Mà phần đâu có nhỏ !

Đáng buồn hơn nữa là Roosevelt đã tặng món quà đó cho Nga Sô trên lưng ông bạn thâm giao của Hoa Kỳ : thống chế Tưởng giới Thạch.

Tới đây thì Roosevelt cho là tất cả các mục tiêu của mình khi tới hội nghị Yalta nay đều đã đạt tới : giải quyết chiến tranh với sự đầu hàng không điều kiện của Đức và sự tuyên chiến của Nga với Nhật, giải quyết hòa bình bằng cách thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc. Tất cả những vấn đề khác chỉ còn là phụ thuộc và có thể bàn cãi mau chóng.

Thứ sáu mồng 9

Trước khi vào họp, 3 nhà lãnh tụ ra ngồi trước máy ảnh, máy quay phim để cho các nhiếp ảnh gia thu hình lại cho lịch sử. Churchill cúi kính vì không tìm được một đáng ngồi thuận lợi, Roosevelt hốc hác và Staline lăm lăm.

Trở lại phòng nhóm, vấn đề Ba Lan lại được mang ra nhưng cũng vẫn chưa đi đến sự thỏa thuận. Người ta lại gác Ba Lan đó và đem thảo luận bản tuyên ngôn chung về « Âu Châu được giải phóng ». Bản này được chấp nhận một cách mau chóng. Kể ra theo cách hành văn thì các nước Âu Châu, trước đây bị phát xít xâm lăng, không còn có

điều gì mà phàn nàn vì Tam Cường cam kết « giúp đỡ các nước đó giải quyết vấn đề chính trị và kinh tế bằng các phương tiện dân chủ.

« Tam Cường sẽ giúp :

- 1) Giữ an ninh trong nước ;
- 2) Trù liệu các biện pháp cấp thời để cứu trợ dân chúng ;
- 3) Lập các chánh phủ lâm thời gồm một cách rộng rãi các thành phần dân chủ rồi qua các cuộc tuyển cử tự do thành lập mau chóng các chánh phủ hợp với ý nguyện của nhân dân ».

Chỉ có một điều là câu văn như vậy nhưng mỗi người hiểu một cách. Trong quan niệm của Anh Mỹ, các nước Âu Châu sẽ tìm thấy trở lại các thể chế chính trị cũ để sớm ổn định tình thế và kiến thiết xứ sở,

Nhưng qua tia mắt tinh quái của Staline cả một mưu mô thôn tính « Châu Âu vừa giải phóng » đã được dựng lên trong đầu óc nhà độc tài. « Giữ an ninh trong nước » là thế nào khi tại hầu hết các nước đó, Hồng quân đang đóng ngay ở các thủ đô, « tuyển cử tự do » là thế nào thì chỉ trong một thời gian ngắn các nước Âu Châu sẽ rút được một kinh nghiệm ê chề đau đớn. Và qua lời văn bóng bẩy của bản tuyên ngôn chung thực ra Staline đã được Đồng Minh long trọng thừa nhận những chinh phục mới của Nga Sô tại Trung Âu.

Thứ bảy mồng 10

Một lần nữa, Staline với sự kiên nhẫn và gan lì của mình lại đạt được kết quả về vấn đề Ba Lan. Anh Mỹ mỗi một đã phải chấp nhận đường Curzon



CHURCHILL

... cáu kỉnh

ROOSEVELT

... hốc hác

STALINE

... làm lì

Cả ba nay đều không còn nữa : Roosevelt chết 2 tháng sau Yalta, Staline 8 năm sau và Churchill — bao giờ cũng phải có cái gì hơn người — 20 năm sau

cùng Ủy ban giải phóng Lublin. Churchill và Roosevelt chỉ thay được có một chữ trong bản đề nghị của Nga Xô. Ủy Ban Lublin sẽ được « cải tổ » (chứ không phải « mở rộng » như trước đã ghi) trên một căn bản dân chủ gồm các lãnh tụ ở trong và ở ngoài nước Ba Lan.

Staline thừa biết hơn ai là những lãnh tụ ở Luân Đôn có trở về tham dự chính phủ đi chăng nữa thì cũng chỉ trong một thời gian là họ sẽ bị nuốt trửng.

Vấn đề chính là Staline đã giữ được nguyên vẹn chính phủ tay sai trong Ủy Ban Giải Phóng để làm công cụ sáp nhập Ba Lan vào khu vực ảnh hưởng của Nga Xô. Tất cả các vấn đề ranh giới, độc lập, tự do, chủ quyền điều lệ thuộc vào sự công nhận Ủy Ban Lublin như là chính phủ hợp pháp của Ba Lan.

Chủ nhật 11 tháng hai 1945.

Ngày chót của Hội nghị hôm nay các phái đoàn họp sớm hơn mọi ngày và phiên nhóm cuối cùng của hội nghị đã bắt đầu lúc 12 giờ trưa. Mục đích phiên nhóm là để chấp thuận bản thông cáo chung về công việc của Hội nghị.

Bộ trưởng Ngoại giao Hoa kỳ Stettinus đọc bản dự thảo.

Churchill cho là tiếng Ăng Lê của Hoa Kỳ không phải là Ăng Lê chính cống nên sửa lại một vài danh từ. Thí dụ như chữ joint communiqué (thông cáo chung), Churchill đòi phải bỏ chữ joint vì người Anh dùng tiếng này để chỉ miếng thịt cừu quay mà các công dân của Nữ Hoàng hay ăn vào ngày chủ nhật.

Staline không có nhận xét gì riêng

biệt cả và bản văn được chấp thuận. Stettinus giao ngay cho ban đánh máy và phiên dịch.

Rồi mọi người vào bàn dùng tiệc. Lúc đó mới 12 giờ 50.

Tiệc đến nửa chừng, mọi người vừa mới dùng xong món caviar, sắp sửa ăn đến món thịt bò nướng thì ban thư ký đã mang vào bản thông cáo đánh máy sạch sẽ và phiên dịch hẳn hoi. Thế là Franklin Roosevelt, Joseph Staline và Winston Churchill gạt đĩa, ly ra một bên để lấy chỗ ngay trên mặt bàn ăn, đặt bút ký một trong những tài liệu quan trọng nhất của lịch sử.

Mọi người quay vào dùng món thịt bò vẫn còn bốc khói. Sau món tráng miệng và cà phê, Hội nghị bế mạc không có một nghi thức nào hết. Người ta có cảm tưởng vừa đến dùng cơm tại nhà một ông anh họ xa làm chánh tổng ở một vùng nhà quê. Staline đưa cho Roosevelt và Churchill mỗi người một gói cam, quít, caviar, vodka để mang về làm quà. Roosevelt biểu lại ông anh họ chánh tổng vài bịch thuốc lá thơm, mấy con dao cạo râu chạy bằng điện, và không thấy sử sách nào chép là có kẹo chewing-gum hay không ?

Roosevelt rời biệt thự Livadia vào hồi 4 giờ chiều ngày hôm đó, lòng hân hoan thấy mình đã đắc lực phục vụ cho Hoa Kỳ và nhân loại, đã chinh phục nổi con người thép Staline và chắc chắn rồi đây sẽ lưu danh lại như là vị Tổng thống của Hòa Bình Thế giới.

Nhưng Roosevelt không ngờ

Chữ ký trên thỏa ước Yalta chưa ráo mực thì ba nước bên bờ biển

Baltique : Estonie, Lettonie và Lituanie đã được sáp nhập vào Cộng hòa Liên bang Xô viết. Staline không cần che đậy ý muốn của mình muốn chiếm nốt Phần lan. Trong khi đó Hồng quân đã nắm xứ Bulgarie chặt cứng trong tay. Vychinski đang chỉ huy một cuộc đảo chính để Cộng sản cướp chính quyền ở Lỗ ma ni. 48 giờ sau Hội nghị Yalta Quốc vương Lỗ ma ni vẫn còn dựa vào bản tuyên ngôn về Âu Châu Giải Phóng vừa ký tại Yalta để phản đối hành động của Vychinski và đã được Vychinski trả lời : « Yalta nào ? Sao ông có quyền được nói tới Yalta ? Yalta là tôi ».

Tại Albanie, một bộ tham mưu Cộng Sản đã cầm đầu chánh phủ và tại Ba-Lan, và Hung Gia Lợi chẳng còn một người nào đủ lương tri tin rằng một ngày kia Nga Xô sẽ cho phép họ tổ chức tuyên cử tự do.

Yalta đã thực sự chia Âu Châu ra làm 2 khối. Yalta cũng đã chia đôi nước Đức, chia đôi Ba Linh và sau này nếu người ta đã nghĩ đến chia đôi Cao Ly, chia đôi Việt Nam thì chính cũng vì Yalta đã đưa ra một tiền lệ.

Nhưng hậu quả tai hại nhất của Yalta vẫn là ở Châu Á. Chính Roosevelt vào tháng 11 năm 1943 đã hứa với Tưởng Giới Thạch tại hội nghị Le Caire là sẽ hoàn lại toàn thể Mãn Châu cho Trung Hoa. Thế mà chỉ có hơn một năm sau, lại chính Roosevelt, đề rủ cho được Staline tuyên chiến với một Nhật bản gần bại gục, chính Roosevelt đã tặng không Staline đường xe lửa Mãn Châu, hải cảng Đại Liên và một dãy quần đảo bắc cầu qua biển sang đến tận đất Nhật. Mà nào Staline có phải đánh

chắc gì cho cam Ngày 6 tháng 8 năm 1945, Hoa kỳ ném trái bom nguyên tử đầu tiên đốt rụi Hiroshima thì ngày 8 tháng 8, Hồng quân mới nhảy vào vòng chiến.

Yalta đã mở rộng cửa ngõ Á châu cho Nga xô và sau này đã giúp một phần nào cho Mao Trạch Đông chiếm trọn vẹn lục địa Trung Hoa.

Từ Đông sang Tây, hàng triệu cây số vuông, hàng trăm triệu dân rơi vào vòng tay của đế quốc đỏ.

Nhưng sự mất mát của thế giới tự do không phải chỉ có thế. Trước sự đe dọa của ngọn nước lũ cộng sản quốc tế, con đề dân chủ và tự do đã đề cho Yalta xoáy vào hai lỗ hồng. Trước hết là sự đoàn kết của những cường quốc lãnh đạo khối dân chủ, mà người ta đã tưởng rằng phải hết sức keo sơn qua những thử thách chung của chiến tranh, thực ra sự đoàn kết đó đã lỏng lẻo ngay từ khi mới lộ rạng hòa bình. Thứ hai là sự trung tín của Hoa Kỳ với tình bạn Trung Hoa Dân Quốc với thống chế Tưởng Giới Thạch, đã không cố nặng nghĩa như người ta chờ đợi, và đường lối ngoại giao đó đã làm dao động không ít một số đồng minh của Hoa Kỳ.

Riêng phe Cộng Sản thì ngoài những quyền lợi lớn lao thu hoạch được ở Hội Nghị, Yalta còn giúp cho họ rút ra một kinh nghiệm chiến lược mới đối với Hoa Kỳ.

Người Nga đã tìm ra một chỗ yếu trong tâm lý người Mỹ. Đó là sự nhạy cảm trước những danh từ lớn. Staline chỉ việc vỗ khê vào lưng Roosevelt rồi

nói bằng một giọng lâm ly : « Nga sẽ đứng vào Liên Hiệp Quốc với Hoa Kỳ để cho con cháu chúng ta đời đời không còn biết thảm họa chiến tranh », như vậy là đủ khiến cho ông Tổng Thống ngay thật của Đế nhất cường quốc kia ghen ngào cảm động. Và chính sự thắng lợi của Staline tại Yalta đã gợi ý cho Nga dựng hẳn lên cả một chiến lược « Hòa Bình trong danh từ ». Tất cả những chiến dịch văn chương nghệ thuật Nga thời hậu chiến cổ xúy hòa bình bản kêu gọi Stockholm, hiệp ước Moscou v.v... Tất cả những cố gắng đó đều nằm trong chiến lược « Hòa Bình miệng » nói trên. Và trong khi Hoa Kỳ còn thồn thức vì những lời êm ái đó thì Nga phong tỏa Bá Linh, đặt hỏa tiễn ở Cuba hay ngăm xúi dục người da đen Hoa Kỳ bạo động.

Tại hội nghị Yalta, Hoa Kỳ đã như là một cô con gái bị một chàng trai lợi dụng, tự nhủ với mình hôm sau có gặp nhất định sẽ không mắc nữa, nhưng

vừa gặp đã lại cho không tiếc, nghĩ rằng như vậy mới là sống mãnh liệt mỗi tình lý tưởng của mình.

60 ngày sau Yalta, Roosevelt mất không kịp chứng kiến hết những lỗi lầm của mình. Trách Roosevelt về những hậu quả của Yalta trong khi Roosevelt đã mang hết thiện chí và tình chiến hữu ra đối xử với Staline, cũng là một sự bất công chẳng khác gì trách cô con gái kia đã nhẹ dạ trao mối tình không đúng chỗ.

Nhưng bài học Yalta sẽ không phải là vô ích nếu từ nay mỗi khi ngồi một bàn thảo luận với phe Cộng sản, thế giới tự do lại nhớ đến hình những con chó sói mà Staline dùng bút chì đỏ vẽ nhằng nhịt trên giấy, để lộ ra hết những ý tưởng xâm lăng hung hãn nằm trong tiềm thức của nhà độc tài đỏ, cũng tháng này, hai mươi năm trước đây, trên bờ biển Crimée.

VŨ BẢO

sẽ cho phát hành vào đầu xuân này ba tác phẩm :

- **THƯ SINH** *kịch thơ của Minh-Đức Hoài-Trinh*
- **U-HOÀI** *tập truyện của Doãn-Quốc-Sỹ (in lần thứ 2)*
- **ĐÔI CÁNH GẦY CỦA THIÊN-THẦN** *tập truyện của Vĩnh-Lộc.*

Bản quý của những tác phẩm trên giá -thống nhất 100đ. Xin gửi bằng thiệp phiếu mẫu số CH-1918 về cho Doãn-Quốc-Sỹ, trương mục 16.22 Chánh Trung Khu Saigon.

MỘT CUỘC HÀNH HƯƠNG DÂN TỘC HỌC

LÊ - VĂN - HẢO

TÌM VỀ

ĐÌNH CHÙA XỨ BẮC

(chùa Một Cột — chùa Keo — chùa Tây
phương — chùa Bút tháp — Tháp Bình sơn
Đình Đình bảng)

NÀ N chiến-tranh, phân cắt, oán
cừu tiếp diễn liên miên trên
đất Việt, tạo nên một hoàn-cảnh phi-lý
bất nhân cho bao nhiêu cha mẹ con cái,
anh chị em, chồng vợ phải gánh lấy nỗi
đau thương người Nam kẻ Bắc, có lẽ họ
chỉ còn biết trùng-phùng trong giấc mơ,
đề rồi :

*« Khi mơ những tiếc khi tàn.
Tình trong giấc mộng muôn vàn
cũng không »*

Biết đến bao giờ mới được đặt chân
lên trên cả một vùng đất rộng quê
hương dung hàm muôn cảnh đẹp thiên
nhiên, song song với bao công-trình
kiến - trúc, điêu khắc vẹn toàn của
những tập đoàn nghệ sĩ vô-danh thời cổ ?

Thao thức trong tình quê hương, ta
hãy đáp đôi cánh của trí tưởng-tượng

bay vượt tầm hạn hữu của thời gian,
không - gian, của nhân sinh hệ lụy,
hướng về vũ-trụ trường tồn của sáng
tạo dân gian, trong nghệ-thuật cũng
như trong phong-tục. Noi gương thi-sĩ
nhạc sĩ đã từng ngợi ca quê-hương,
qua ngôn - ngữ, qua hình ảnh ruộng
nương với bác nông-phu, hay những
con người đa tình đi « tìm nhau » trong
« kinh sử », trong « tranh tố-nữ » hay
« sau lưng bốn mùa » (1), ta hãy ngợi
ca quê hương bằng một bài ca dân-
tộc học, trong cuộc hành hương chiêm
mộ về đình chùa xứ Bắc, kết tinh một
khía cạnh của thiên tài dân tộc.

Dù hành lý của ta chỉ là một chồng
sách vở, một xấp giấy, một ngòi bút, ta
hãy ra đi trong ước-nguyện gọi lên vài

(1) Phạm Duy : « **Tình ca** », « **Tìm nhau** ».

hình ảnh quê hương xa vời, những hình ảnh đẹp sáng, chứa chan ý-nghĩa, tựa hồ như đang phảng phất đâu đây giữa mắt còn, quên nhớ ..

Chùa Một Cột.

Khởi điểm cuộc hành hương tìm về di-sản văn-hóa cũ, đây Thăng-long cổ đô, ngày xưa dân gian gọi là « Kẻ chợ ». Giữa khung cảnh nghìn năm văn vật, trên mặt hồ Linh-Chiều, chùa Diên-Hựu lặng lặn bóng nước, ngôi chùa bé nhỏ nhất, đơn giản nhất trên đất Việt, với



Chùa Một-Cột

cái tên nôm na *Chùa Một-Cột*, với hình ảnh quá ư quen thuộc đối với mọi người, hoặc được thấy tận mắt, hoặc qua tem thư, trang sách, màn trúc, bức thêu...

Về hình thù kiểu dáng, nó không

giống một ngôi chùa nào khác, khối dạng nở rất mực khiêm tốn, không cao như gác chuông chùa Keo, không rộng như Văn-Miếu, kể chi đến cái đồ sộ, nguy nga, hùng vĩ của cung điện Bắc-kinh, tháp Ang-co hay đền Bô-rô-bu-đua. Cách đây 10 thế-kỷ, dưới triều Lý thánh-Tông, chùa được xây trên một cột đá; về sau người ta dựng thêm ngọn bảo tháp, đào ao Bích Trì, cất hành lang chung quanh (1). Vậy chùa Một Cột ta thấy ngày nay chỉ là phần còn sót lại của cả một khu chùa vốn nằm trong lãnh vực Hoàng thành, một áng chùa thếp vàng sơn son, trổ chạm tinh vi. Trải qua thăng trầm của bao triều đại, vẻ huy-hoàng của chùa đã biến mất, chỉ còn lại hình dáng đơn sơ do ngói gỗ tạo nên, nhưng vẫn đủ để minh chứng rằng chùa là một thành công của nền kiến-trúc dân tộc ở một trình độ kỹ thuật và mỹ-thuật khá cao, biểu hiện trong cách kết cấu của yếu tố gỗ và ngói nơi những cột kèo, xà, kẻ, mái bám chắc vào nhau nhờ những cái mộng tinh vi, do đó tạo nên một khung nhà vững chắc (2).

Đặc điểm kỹ thuật của chùa Một Cột là dùng tất cả những khéo léo tài tình đó để đặt ngôi chùa vuông vức toàn bằng gỗ lên trên một hệ thống tám « con sơn » (hay « xóc nách ») từ giữa thân trụ đá đâm ra như những cành cây đỡ lấy ngôi chùa, « con sơn » với trụ đá lớn, trụ gỗ nhỏ ăn mộng vào nhau trông chắt phác mà chắc nịch.

(1) **Khâm - Định - Việt sử Thông giám cương mục.** Chính biên, qu. 4, tờ 5.

(2) Ngô-Huy-Quỳnh, **Chùa Diên-Hựu**, tạp chí Văn-nghệ, số 36, tháng 5/1960 tr. 96-97.

Đặc điểm mỹ thuật của Một Cột là đạt đến sức dãn tả phong phú của nghệ thuật tạo hình. Ở đây, nghệ sĩ đã dùng ngôn ngữ kiến-trúc — tương đối nghèo nàn so với ngôn ngữ điêu-khắc và hội họa — để tạo nên hình ảnh mang nặng ý-nghĩa tượng-trung: hoa sen. Vì sen là đóa hoa lý-tưởng của nhà Phật nên nghệ-sĩ đã có dụng ý xây dựng ngôi chùa như một tòa sen thiêng liêng; trụ đá tròn từ dưới nước nhô lên như một tòa sen khổng lồ, hệ-thống tám « con sôn » vươn lên từ thân cột như những cánh sen vươn lên từ cuống hoa, rồi nở ra các đầu mái cong cong. Toàn bộ ngôi chùa kết thành một đóa sen; cái lư hương và những cây hương trong chùa là nhụy và hương sen. Có thể nói được rằng nghệ sĩ đã thành công trong việc xử dụng ngôn ngữ hình tượng của nghệ thuật điêu khắc (3).

Trong một liên tưởng khác cũng có người nghĩ rằng trụ đá chùa Một Cột ở phía dưới tượng trưng cho một con người đang giơ những cánh tay vạm vỡ — những « con sôn » — kínli cần nâng lấy ngôi chùa đặt trên đầu mình. Nghĩ xa hơn nữa, ta có thể nhận định rằng sự xây dựng cả ngôi chùa trên một cái cột thật đã biểu hiện sự táo bạo của sức tưởng-tượng, biểu hiện một tinh thần cách mạng trong lễ lối xây dựng chùa chiền, vì ngoài những bàn thờ gọi là « cây hương » « cây nhang », « cột chùa » hay « cột thiên đài » chỉ to bằng chiếc mâm thường đặt trên những cột gỗ dựng ở các ngã ba đường hay trong sân trong vườn các nhà tư, ta không thấy ở nơi nào khác trong thời nào khác một kiểu kiến trúc chùa độc đáo như vậy.

Ngày nay, những tâm hồn mộ đạo hay những khách du hiếu kỳ nghệ thuật đều tìm viếng thăm chùa Một Cột. Đi ngược lên dòng lịch sử, ta biết rằng ở thế kỷ XI, XII các vua nhà Lý thường đến văn cảnh chùa và lễ Phật hằng tháng; hằng năm đến mùng 8 tháng 4, vua đến chùa làm « lễ tắm Phật ». Lễ tắm Phật đã trở thành một ngày hội lớn của Thăng-Long. Chư tăng và nhân dân khắp nơi về dự lễ rất đông. Sau lễ có cuộc phóng sinh: vua lên một đài cao dựng trước chùa cầm con chim thả cho bay đi, nhân dân dự hội tung chim theo, bóng chim bay rợp trời (4).

Chùa Keo.

Rời Thăng-Long chúng ta về Thái-Bình văn cảnh chùa Keo, thuộc làng Dũng-Nghĩa. Chùa Keo, cũng gọi là chùa Thần-quang, không biết xây dựng tự bao giờ,



Gác chuông chùa Keo

(3) Hoàng-Châu-Lĩnh, **Chùa Một Cột**, tạp chí Văn-nghệ số 70 tháng 3/1963, tr. 100-01

(4) Hoa Bằng **Chùa Một Cột**, trong **Lịch-sử thủ đô Hà-nội**, nxb. Sử-học, 1960 tr. 397.

có sử-liệu nói từ đời Lý, sử liệu khác nói từ đời Hậu Lê (thế kỷ XV). Thoạt mới đến, đứng trên bờ đê nhìn xuống thấy toàn bộ bố cục của ngôi chùa thật là bề thế, nhưng lại giản dị gọn gàng giữa khung-cảnh cây cối đất trời. Đường đối theo một đường trục chính tâm, các tầng lớp mái ngói sắp xếp vào nhau trong trình tự kiến trúc nằm ngang, và tận cùng ở xa xa là tòa gác chuông 3 tầng, một hình khối kiến-trúc đứng thẳng.

Quang cảnh nguy nga cổ kính của chùa hiện ra giữa một khoảng không-gian khoáng đạt. Thoạt tiên xuất hiện cổng « tam quan ngoại » nối liền với *lầu nghĩ* ; vượt qua nó ta đi vòng quanh bờ hồ hình chữ nhật, ngang 41m, dài đến 121m, để bước vào lớp cổng « tam quan nội » : trước mặt ta là sân chùa rộng hơn 2000 m. vuông, phẳng lặng phong quang, càng làm tăng thêm vẻ nghiêm trang của ngôi chùa.

Chùa bố trí theo kiểu « nội công ngoại quốc » (bề ngoài hình chữ quốc, bề trong hình chữ công). Ở giữa là hệ-thống *hạ điện* (hay *tiền đường*), *trung điện* (hay *thiếu hương*) và *thượng điện*. Chung quanh là 70 gian hành lang, tạo nên một bầu khí vừa kín đáo uy nghi vừa thân mật ấm cúng. Sau chùa là đền, cuối đền là tòa gác chuông chấm dứt toàn bộ kiến trúc.

Thề theo một nguyên lý của nền kiến trúc Á-đông, thiên nhiên và nghệ thuật bao giờ cũng phải gắn bó, hòa-hợp, thâm nhập vào nhau. Ở đây, chùa

Keo nằm trên một bãi đất phẳng giữa đồng bằng, không có sẵn yếu tố thiên-nhiên thuận lợi để khai thác, thích nghi như ở chùa Thầy, chùa Hương chùa Tây-phương... nên người ta đã bù đắp bằng cách đào hồ : hồ trước mặt chùa, hồ hai bên hông chùa rộng đến 5, 7 nghìn mét vuông, mặt nước hồ phẳng lặng sáng loáng như tấm gương trải trên nền đất, soi bóng công trình nhân tạo, hòa hợp với sen đỏ, lá xanh, trời trong, mây bạc.

Kiến trúc chùa Keo về mặt hình khối cũng như về điêu khắc, trang trí đều theo một trình tự đều đặn, hài hòa : từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp tinh vi. Trình tự kiến trúc bắt đầu với tòa tam quan ngoại cao không quá 5m. ; từ tam quan nội đến thượng điện chiều cao dần dần tăng rồi cuối cùng nổi lên cao nhất là tòa gác chuông 12m, đánh dấu điểm chót của bộ cục kiến trúc, thể hiện mối tương quan thích đáng giữa hình dáng kiến trúc nằm ngang bám sát lấy đất và hình dáng kiến trúc đứng thẳng vươn lên giữa trời.

Trình tự trang trí và điêu khắc cũng theo một dụng ý tương tự. Ở tam quan ngoại, nét chạm trổ còn đơn sơ, nhưng càng đi vào trong công trình mỹ thuật càng tinh-vi, và cuối cùng, tòa gác chuông là nơi tập trung cao độ của tài điêu khắc, thể hiện nơi các *con sơn* *vành bàn*, *xà kẻ*, *bao lan*. Nét trang trí uyển-chuyển, nét chạm trổ công phu điêu luyện "làm cho ta tưởng tượng rằng những kỳ công tinh xảo đó là những tấm thêu trên mặt gỗ, nói lên

tính chất đồng nhất giữa kỹ thuật thủ công và nghệ thuật trang trí. Hình ảnh tòa gác chuông chùa Keo đã kết thúc một cách tế nhị toàn bộ công trình sáng tạo từ đơn giản đến tinh vi.

Về mặt tâm lý nghệ thuật, chùa Keo mang một ý-nghĩa đậm đà: ngôi chùa không đưa ngay ra trước ta những tinh hoa tráng lệ để gây một cảm xúc mạnh mẽ ngay lúc ban đầu. Tinh hoa chùa Keo khiếm tốn hiện lên dần dần để chuyển biến tình cảm của ta một cách tuần tự. Ta yêu quý chùa Keo vì đức tính kín đáo, nhuần nhã, không sẵn sàng bộc lộ ấy đã trở thành một đức tính khả ái phụ nữ Việt-Nam, một truyền thống ưu tú của tâm hồn dân tộc. Sở dĩ chùa Keo quen thuộc gần gũi chúng ta trong bao tâm tình vẫn vương là vì ngôi chùa đã dung hòa cái cao sang của nghệ thuật với cái sâu xa của lòng người: hình ảnh chùa Keo, nói cho cùng là hình ảnh của sự vươn lên, nhưng đây không phải là cái vươn cao hãnh, nạt nộ: gác chuông 3 tầng có chiều cao vừa tầm và hợp tỷ lệ con người, cho nên trong cái nguy nga vẫn có phần đầm ấm, trong cái cốt cách vươn lên vẫn có cái phong thái khoan thai nhịp nhàng (5).



4 vị La hán chùa Tây phương

Chùa Tây Phương

Rời chùa Keo chúng ta về Sơn Tây thăm chùa Tây-Phương, thuộc làng Thạch-Xá. Chùa xây trên đỉnh núi Tây Phương, một hòn núi đất đỏ, cao không quá 50m, chung quanh có dãy đồi



Vị lão tăng chùa Tây-Phương

nhấp nhô như một bầy trâu mà núi Tây-Phương là con trâu đầu đàn. Có truyền thống cho rằng chùa được xây dựng từ đời Cao Biền (thế kỷ IX) nhưng căn cứ vào kiến trúc và điêu khắc hiện tại sau nhiều lần tu sửa lớn

() Tạ-Mỹ-Duyệt, **Chùa Keo, một thành tựu nghệ thuật của kiến trúc dân tộc**, tạp chí Văn Nghệ 64, tháng 9/1962, tr. 11 / 113 ;

Louis Bezacier, **Temple Bouddhique Thần-Quang, communément appelé Chùa Keo, trong Relevés des Monument Anciens du Nord Viet-Nam, Paris 1959; n° 93. pl. XXXIII à XLIV.**

thì có thể nhận định rằng chùa chịu ảnh hưởng của nền nghệ thuật cuối Lê đầu Nguyễn (thế kỷ XVIII).

Chùa cũng có tên là chùa Sùng Phúc. Đây là ngôi chùa duy nhất xây theo kiểu nội tam ngoại công: chùa gồm 3 tòa nhà bằng gỗ lim cách nhau bởi hai chiếc sân nhỏ, tòa trước là bái đường 5 gian, sau là hậu đường 5 gian, giữa là chính điện 3 gian, xây trên nền đá ong trông ra hướng đông tạo thành hình chữ tam. Tường ngoài bao quanh hình chữ công xây bằng gạch Bát-tràng cồ, trên tường có cửa sổ xây tròn theo hình tượng trung cho âm dương. Mỗi tòa nhà có hai tầng. Toàn bộ mái chùa lợp bằng ngói cồ, góc mái uốn cong mềm mại có gắn hình con rồng, con nghê rất tinh xảo. Mái ngói lợp rất công phu, hai lớp: trên là ngói cồ, cỡ to, ở đầu mũi có trang trí nổi hình lá đề, lớp dưới là ngói lót hình vuông tô phảm màu sắc (xanh đỏ trắng tím vàng) như màu áo ca sa nhà Phật.

Chùa Tây-Phương được bố cục khéo léo qui mô. Mỗi bộ phận kiến trúc từ nhỏ đến to đều cứng cáp, có sức chịu đựng bền lâu mà hình dáng kích thước lại thanh nhã, phối hợp chặt chẽ tương xứng với nhau, thành thử toàn bộ ngôi chùa, dưới hai tầng mái thấp nặng nề đồ sộ dựa trên hàng chục chiếc cột vạm vỡ, vẫn có vẻ nhẹ nhàng, rộng rãi, khoáng đạt (6).

Chùa lại được trang trí chạm trổ công phu. Họa tiết được sử dụng nhiều nhất là *rồng, phượng, đầu cọp, lá dâu, lá nho*; hầu hết các họa tiết

đều được cách điệu hóa bằng những đường nét linh tế.

Về mặt tạc tượng chùa Tây Phương còn giữ lại được một tòa tượng độc đáo gồm 76 pho tượng lớn nhỏ bằng gỗ mít sơn son thếp vàng. Đặc biệt chỉ có 16 vị La-hán và một hộ-pháp



*Tượng Phật Tuyết-Sơn
chùa Tây Phương*

(Thiện tướng quân) trong khi các chùa khác đều có 18 vị La hán và 2 pho Hộ pháp — ông Thiện, ông Ác. Nhiều pho tượng cao hơn người thật, như 8 pho tượng kim cương và pho Hộ pháp thiện tướng quân, trang nghiêm và phúc hậu, cao chừng 3 m.

Pho nào cũng được tạc rất công phu, tinh xảo, sinh động, từ nếp quần

(6) Nguyễn-Thịnh và Phan-Khánh, **Chùa Tây Phương**, tạp chí Văn-nghệ số 69, tháng 2 - 1963 tr. 104

áo đến dáng điệu, nét mặt. Nét mặt biểu lộ được niềm vui hay nỗi buồn, trạng thái thanh thần hay ưu tư của tâm hồn ; đường nhăn trên khuôn mặt vùng trán, hay tư thế đứng ngồi đều phản ánh nhiều tình cảm khác nhau : có thể nói đây là cuộc họp mặt của một tập đoàn « phật sống » tọa thiền, với tất cả cái độc đáo trong tâm tư và phong độ của mỗi vị. Mười sáu vị La-hán người đứng kẻ ngồi, pho thì ngược lên trời chỉ vào mây khói pho thì hững hờ với ngoại vật, tì cầm trên đầu gối nhếch môi cười một mình, nửa tỉnh nghịch nửa mỉa mai. Lại có pho vẻ mặt hân hoan tươi tắn, khờ người đầy đặn tròn trĩnh. Pho khác thì vẻ mặt đăm chiêu lạ thường ; lại có pho như đang đo đẵn phân bua hay thì thầm trò chuyện cùng ai...

Đằng kia là Phật Tuyết-Sơn gầy gò, mười hai xương sườn nổi bật, đang trầm tư mặc tưởng ; phía bên là Phật Di lạc phốp pháp, bụng to, mắt rộng, miệng tươi cười. Hai vị thật đã biểu lộ rõ hai hạng chúng sinh : lớp người khờ hạnh, thao thức, suy tư dang dở giữa dương thế mịt mù hướng tìm ngã thoát bên cạnh lớp người hể hả, thỏa mãn, sung sướng xuôi theo dòng đời vô tư lự

Giá trị tạo hình cũng như giá trị hiện thực của tòa tượng chùa Tây-Phương làm cho ta cảm mộ vì phong cảnh Việt-Nam đặc biệt của nó, với những nét cách điệu uyển chuyển, vững vàng, sinh động : các vị La-hán chùa Tây-Phương khác hẳn các La hán Trung-Hoa hay Nhật-Bản mà lại phảng phất giống như các vị bồ lão của địa phương miền Sơn-tây (7).

Chùa Bút Tháp.

Rời chùa Tây Phương chúng ta về thăm Bắc-Ninh, quê hương của hát Quan họ, nơi có ruộng đồng bát ngát đồi trọc nhấp nhô, có núi Hồng-Vân, sông Tiêu Tương, chùa Lim, Chợ Cầu, với truyền thuyết Trương-Chi, Mỵ-nương, với những nông dân sống cuộc đời nhọc nhằn cần mẫn, nhưng giọng nói và con người của họ thì nhẹ nhàng duyên dáng, tình tứ như lời ca Quan họ. Nơi đây một số *hội chùa* cũng là *hội nam nữ đối ca*.

Chùa Bút Tháp thuộc làng Đình Tồ, cũng có tên là chùa Ninh-Phúc. Từ xa trên con đường dẫn đến chùa ta đã thấy nhô lên trên đám cây xanh ngọn tháp Bảo-Nghiêm cồ kính. Toàn bộ bố cục của ngôi chùa thật là công phu, khéo léo, gồm có 8 lớp, 60 gian cách nhau từng khoảng sân, khu vườn. Từ ba gian tam quan nhỏ thấp có lối dẫn qua tòa gác chuông tám mái, đến năm gian tiền đường đóng bằng cửa « bức màn » (cửa có ngưỡng) và thờ Hộ-pháp, Long-thần và Thánh-tăng. Giữa Tiền-đường và Thượng-diện là nhà « ống muống » với tượng thập điện Diêm-vương. Thượng diện có 7 gian thờ Tam bảo thủ Phật, Quan Âm và Thích ca với 18 pho La-hán châu hai bên. Phía sau thượng-diện có đắp núi động, hình tượng tô phảm màu rực rỡ. Chung quanh thượng diện có hành lang đặt bao lơn đá.

Bắc ngang sân nổi thượng diện với nhà tháp (tích thiện am) là chiếc cầu đá

(7) Nguyễn-Thịnh và Phan-Khánh, bài đã dẫn tr. 105.

một nhịp ba khúc. Nhà tháp có 3 tầng, mái nọ chồng mái kia, trong có tháp sen 9 tầng (cửu phẩm liên hoa) : tháp cao chừng 8m, mỗi tầng có một bộ hoa sen, mỗi mặt tòa tháp được trang trí với một hình tượng hay một sự tích nhà Phật (theo lối chạm chìm). Bên nhà tháp là nhà hội đồng, nơi học tập hội họp của các nhà sư. Sau nhà hội đồng có phủ thờ 2 công-chúa họ Trịnh, 2 hoàng-tử họ Lê, tượng sơn son rất đẹp. Cuối cùng là hậu đường, có bàn thờ các vị sư tổ và điện thờ Mẫu. Bao quanh là một dãy 120 gian nhà khách qui vương chư quốc. Lại có thêm hai nhà bia. Trong vườn chùa còn có một nhà thờ tổ và tòa tháp đá Bảo Nghiêm cũng gọi là *Bút tháp* hay *tháp Chuyết công*. Tháp dựng bằng những tảng đá xanh nhẵn nhụi chồng chất nhau thành 5 tầng hình bát giác cao hơn 10m. Trên mặt tháp, cũng như trên mặt thành chiếc cầu đá một nhịp ba khúc và trên mặt 36 phiến đá bao lơn chung quanh thượng điện đều có hình chạm nổi, mỗi bức chạm là một cảnh ghi sự tích trong kinh Phật hay những đề tài cổ điển như cá hóa rồng, chim muông cây cỏ, trâu ngựa, vịt lội ao sen, ngựa đuổi hươu... thể hiện rất tinh vi những nét chạm trổ cầu kỳ, sinh động.

Nhìn chung, nghệ thuật trang trí và điêu-khắc của chùa Bút-Tháp không lộng lẫy, phức tạp, tập trung như trong một ngôi đình cổ ; cảnh trí của chùa trải ra trên một diện tích ngót 3 mẫu có vẻ trang nhã, giản dị ; thêm vào đó những công-trình kiến trúc bằng đá như chiếc cầu một nhịp uốn ba khúc, những bức bao lơn và tòa tháp Bảo-

Nghiêm được đặt vào đúng chỗ đã làm tăng vẻ tôn nghiêm của ngôi chùa.

Chùa Bút-Tháp còn giữ được hai công trình của nghệ-thuật tạo tượng đáng chú ý.

Tượng *Thích ca Mâu ni* khi còn tu khổ hạnh trên núi Tuyết Sơn ngồi xếp bằng trên tòa sen, hình dáng gầy gò, xương bọc da, trán cao, hốc mắt sâu nhìn thẳng làm nổi bật sự khắc khổ của nhà tu hành thành tâm cầu đạo.

Nổi tiếng nhất là pho tượng *Quan Âm nghìn tay nghìn mắt* tạc bằng gỗ, cao 3 m, ngồi xếp bằng trên tòa sen, có 11 đầu xếp thành 4 tầng, trên cùng là một tượng A-di-đà. Tượng Quan Âm này không cho ta thấy một dung nhan « sắc nước hương trời », nhà nghệ sĩ chắc có dụng ý tạo nên một cái đẹp biểu hiện bản chất hiền hòa đức độ của nữ bồ-tát, với nét mặt đầy đặn, hiền từ, mắt nhắm, mũi dọc dừa, miệng tươi nhưng nghiêm trang đượm vẻ « từ bi thoát tục ». Tượng có 1000 tay : ngoài hai tay chắp trước ngực có 42 cánh tay chính với những ngón búp măng dịu mềm, các cánh tay và bàn tay khác làm thu nhỏ, cầm đều đặn từng hàng thành hình lá sen hay thành vòng hào quang bao quanh phía sau pho tượng ; 1000 mắt ở mặt và ở mỗi lòng bàn tay. Một nghìn cánh tay, một nghìn con mắt chỉ trong một pho tượng là vấn đề khá nan giải : nghệ sĩ đã đề cho tay mọc từ hông, từ sau lưng, sau vai tủa ra đằng trước một cách không gò ép, ngượng ngịu, mất vẻ tự nhiên mà trái lại còn có duyên và linh hoạt ; hơn 900 cánh tay khác xếp trên tấm bảng tròn

dựng đằng sau pho tượng khiến cho người xem nhìn những cánh tay xinh xắn từ trung tâm tấm bảng tỏa ra bốn phía, có cảm tưởng là muôn vàn tia sáng tỏa ra thành ánh hào quang rực rỡ tượng trưng phẩm cách và đạo đức trong sáng của đức Quan Âm (8).



*Tượng Quan-Âm nghìn tay
nghìn mắt chùa Bút tháp*

Tháp Bình-Sơn

So với tháp Báo Nghiêm (chùa Bút Tháp), tháp Bình-Sơn của chùa Vĩnh Khánh cao lớn qui mô hơn nhiều.

Tháp Bình-Sơn còn gọi là Tháp Then, thuộc làng Tam Sơn tỉnh Vĩnh Phúc, là công trình kiến trúc duy nhất bằng gạch nung xây từ thời Lý còn đứng vững đến ngày nay.

Tháp cao 15m, gồm 14 tầng xây toàn bằng gạch, rỗng từ chỏm đến nền. Điều lạ là những tầng gạch đều khác kích thước nhau. Có tầng hình chữ nhật, có tầng hình vuông, to nhỏ không đều, và sự không đều về kích thước của gạch ở đây không những không làm tổn thương đến vẻ mỹ quan của tháp mà trái lại là một sự dụng ý của nhà kiến-trúc: mỗi tầng gạch hình như được sản-xuất theo một qui hoạch dự định từ trước, mang một đồ án trang-trí riêng, giữ một vai trò, một chức năng nhất định, có một vị trí nhất định, được nung tới một độ lửa nhất định, nung xong được nhúng hay quét bằng một thứ nước sơn hay một hóa chất gì không rõ khiến cho tầng gạch trở nên cứng rắn bền bỉ lâu dài qua thời gian:

Gạch được trang trí bằng những hoa văn chính là *con rồng, lá đề* và *hoa sen*. Những hoa văn khác là hoa lá hay hình thú vật. Chúng ta thấy những cặp rồng chạm nổi uốn lộn và châu đầu với nhau trong khung chạm hình lá đề. Nhiều tầng gạch to mang hình hoa sen chạm nổi. Ở chân tháp chỗ gần mặt đất có hình thú vật chạm nổi nay bị mòn lở có thể là hình sư tử hay cạp.

Giữa tầng tháp này với tầng tháp kia có những đường gờ tự trong thân tháp nhô ra để trang trí. Những hoa văn

(8) Nguyễn-Thịnh, Phùng-Bảo-Khuê, **Chùa Bút Tháp**, tạp chí Văn-nghệ số 58 tháng 3/1962 tr. 85-7

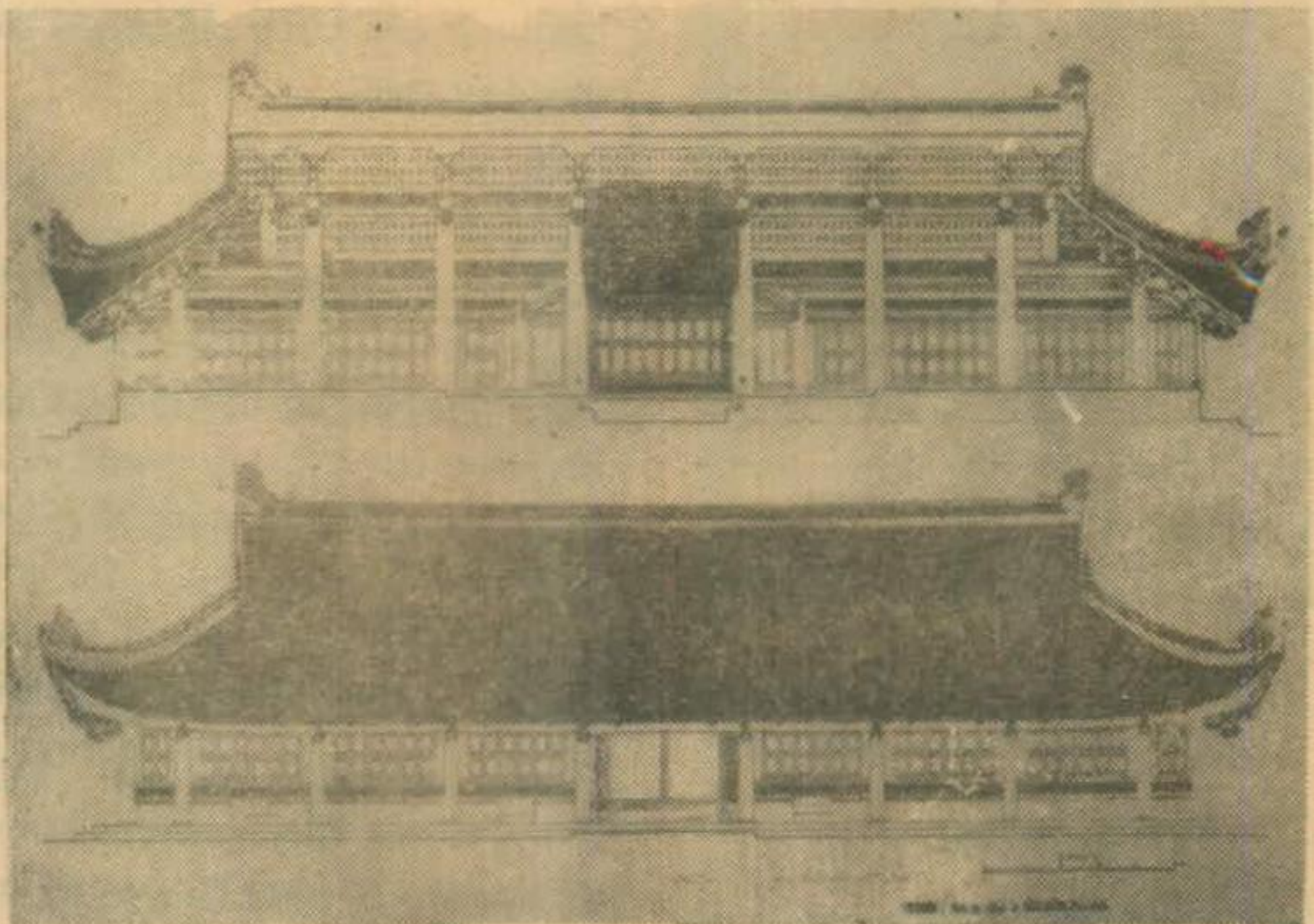
Hoàng Châu Linh, **Pho tượng nghìn tay nghìn mắt**, tạp chí V. N., số 62, tháng 7/1962, tr. 103

Bezacier, L., **L'Art Vietnamien**, Paris 1955, tr. 121-33

và đồ án đều được phân bố một cách đều đặn và cân đối làm cho toàn bộ ngôi tháp rất có duyên dáng. Đúng cách xa tháp độ 15,20m mà nhìn có thể nói được rằng đây là một bức chạm hay bức thêu bằng đất mỹ-miệu và sinh động. Lần đầu tiên trong lịch sử kiến-trúc Việt-nam ta thấy *đề tài con rồng cùng với đề tài hoa sen* được xuất hiện trên một công trình nghệ-thuật. Rồng là con vật có tính chất thần thoại tượng trưng cho nguồn gốc vẻ vang của dân tộc; sen là đóa hoa lý tưởng của nhà Phật, dấu hiệu của Phật giáo nói chung. Ở đây Phật giáo và dân tộc đã gặp gỡ nhau trong những bước đầu tiên sáng lạn của văn hóa nước nhà (9).

của đời sống chính trị, xã hội, phong-tục. Thường thường chùa khiêm tốn nấp đôi mái cong sau lùm cây cỏ-thụ nhường cho đình hiên ngang đứng sừng sững giữa làng phôi bày mái rộng có lưỡng long triều nguyệt.

Làng Đình-Bảng thuộc phủ Từ-Sơn tỉnh Bắc Ninh còn giữ được ngôi đình lớn nhất và có lẽ đẹp nhất trên đất Việt. Đình được dựng xây vào đầu thế kỷ XVIII, thờ ba Thành hoàng: Cao-sơn Tam giang, Thủy quan là thần núi, thần đất và thần sông. Phía dưới nền là một hệ thống cột trụ kiên cố chống đỡ đình; đây là kiểu *kiến trúc theo lối nhà sàn* đặc biệt của những dân tộc vùng



Đình Đình-Bảng

Đình làng Đình-Bảng.

Cùng với chùa, đình là căn bản của xã thôn Việt-Nam. Nếu chùa là nơi tiêu biểu cho đời sống tín ngưỡng, đạo giáo thì đình đóng vai trò trung tâm điểm

Đông Nam Á trước khi chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Trên nền cao, mười hàng cột lim tròn vạm vỡ chia

(9) Hoàng-Chân-Lĩnh, **Tháp Bình-Sơn**, tạp chí Văn-nghệ số 60, tháng 5/1962, tr. 103-05

ngôi đình làm bảy gian lớn với hai gian hành lang. Mặt đình dài 30 m hướng về phía Nam. Khác với đình Trung Quốc xây cao, mái ngấn, góc mái thẳng và gọn, mái ngôi đình của ta úp thấp, lượn cong. Đình lợp ngói « mũi hài » cồ, to bản, chắc chắn. Bốn phía đình đóng kín bằng những tấm cửa « bức bàn », toàn bộ ngôi đình trông rất qui mô, tuy thấp nhưng dài rộng, vững chãi, mát mẻ, thích hợp với thời tiết và khí hậu nước ta.

Đình gồm có gian chính phía trước gọi là Bái đường hay Tiền tế thông với nhà « ống muống » vào Hậu cung bố cục theo kiểu chữ T lộn ngược. Nền đình lát ván sần lim nhẵn bóng. Trần đình dựng theo kiểu « chõng rường »: mỗi bộ phận trọng hệ thống *câu đầu*, *xà ngang*, *xà dọc*, *hành kẻ*, *vòng cung*, *đầu bẩy* đều có hình khối cân xứng gán đỡ lẫn nhau bằng những lỗ mộng vững chắc và kín đáo, thể hiện một kỹ thuật giàu kinh nghiệm. Nhìn lên trần thấy cả một rừng kèo xà trùng trùng điệp điệp.

Đình được chạm trổ trang trí theo nhiều kiểu cách và họa tiết phong phú: mỗi bộ phận của kiến trúc được đưa lên hàng một tác phẩm trang trí với

những nét mạnh dạn, cứng cáp, phù hợp với kiến trúc nhưng trông vẫn cầu kỳ tráng lệ. Đi vào trong chi tiết, ta thấy những đóa mây bay, những đợt sóng lượn chạm trổ trên các vì *mái* và các *đầu bẩy* đã làm cho yếu tố gỗ trở nên nhẹ nhàng, sinh động hơn. Cũng như trên các hàng xà *hình rồng* được chạm trổ khi thì tung hoành vùng vẫy, oai nghiêm, khi thì hiền hậu uốn lượn nhẹ nhẹ giữa mây, trong những nét chạm nổi, chạm lõng tỉ mỉ điêu luyện. Bên cạnh rồng có *hình phượng múa* uyển chuyển nhịp nhàng, đường lông nét cánh bộ đuôi tinh vi đẹp đẽ; *hình nghê* với bộ điệu hiền ngang; *hình ngựa*, *hình hươu* với những động tác linh hoạt; trên hàng xà hạ ở bốn phía đình lại có những bức chạm găm hồi văn với những chữ triện sắc nét (10), tất cả công trình trang trí ấy nói lên cái tinh xảo của nghệ thuật điêu khắc trên gỗ, sở trường của dân tộc.

LÊ-VĂN-HẢO

(1) Phùng-Bảo-Khuê, **Đình làng Đình Bảng được hoàn phục**, tạp chí Văn nghệ, số 57 tháng 2/1962, tr. 110-1;

Ch. Batteur, **Relevés de monuments Annamites Anciens, Đình de Đình Bảng** Paris, 1932, planches I à IX.

THAM - KHẢO.

1. - BATEUR, CH. *Relevés de Monuments Annamites Anciens. Đình de Đình Bảng (province de Bac-Ninh)*, Paris, Van Oest 1932.
2. - BEZACIER, L. *L'Art Vietnamien*, Paris, 1955.
Relevés de Monuments Anciens du Nord Viet-nam, Paris, EFEO, 1959.
3. - HOÀNG-CHÂU-LĨNH, *Chùa Một Cột*, tạp chí Văn-nghệ, số 70 tháng 3-1963, Hà-nội.
Tháp-Bình-Sơn, V. N. số 60, tháng 5/1952.

4. — LÊ-VĂN-HẢO *Chùa và Hội Chùa trong đời sống dân tộc*, tạp chí Tin-Tưởng, số 9/10, tháng 5,6/1964, Paris.
— *Introduction à l'ethnologie du Đình*, Revue du Sud-Est Asiatique, n^o- 2, 1962, Bruxelles.
Introduction à l'ethnologie du Dền et du Chùa, I et II, Revue du Sud-est Asiatique, n^o- 2/1963 et n^o-1/1964, Bruxelles.
5. — NGUYỄN-VĂN-HUYỀN, *Contribution à l'étude d'un génie tutélaire annamite*, Lí Phục Man, B. E. F. E. O. XXXVIII, 1, 1938 — Hà-nội.
6. — NGÔ-HUY-QUỲNH, *Chùa Diên-Hựu*, V. N. số 36 tháng 5/1960.
7. — NGUYỄN-THỊNH và PHAN-KHÁNH, *Chùa Tây Phương*, V. N. số 69/ tháng 2/1963.
8. — PHÙNG-BẢO-KHUÊ, *Đình làng Đình Bảng được hoàn phục*, V. N. số 57 tháng 2/1962.
9. — TẠ-MỸ-DUẬT, *Chùa Keo, một thành tựu nghệ thuật của kiến-trúc dân tộc*, V. N. số 64, tháng 9/1962.
10. — *Lịch-sử thủ-đô Hà-nội* (nhiều tác giả), H. N. 1960.
11. — *Temples et Pagodes de Hà-nội*, E. F. E. O. H. N. 1956 (ronéo).

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊM - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ. CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

ALEXANDER FLEMING

(1881 — 1955)

thiên tài hay chỉ là vận may ?

«Dịp may chỉ ới với những kẻ
nào đã dự bị sẵn sàng».

PASTEUR

xin xem Bách-Khoa từ số 193-194)

kỳ II

NĂM 1928, nghĩa là sau mười bốn năm tìm tòi trong phòng thí nghiệm, một vận may nữa lại tới. Cũng do tánh luộm thuộm của ông. Nhiều miếng xu xoa mà ông để bừa bãi trên bàn đã lên mốc. Xu xoa lên mốc là chuyện thường, có gì mà lạ? Ai gặp trường hợp đó thì cũng lắc đầu rồi liệng đi, không nghĩ tới nữa. Nhưng Fleming thì nhìn kỹ, ~~nhận xét~~, thấy những staphylocoque (1) cấy trên miếng xu xoa đó tan đâu mất hết. Điều đó cũng không có gì lạ. Hạng chúng mình sẽ nghĩ: mốc làm hư xu xoa thì lấy miếng xu xoa khác cấy staphylocoque lại chứ có gì đâu. Fleming thì ngờ rằng chính nấm đó đã diệt staphylocoque, rồi bỏ dở công việc nghiên cứu staphylocoque mà quay sang việc nghiên cứu nấm.



Ông thí nghiệm nhiều lần, gây thử năm đó thấy nó diệt được nhiều thứ vi sinh vật khác nữa, như sinh vật streptocoque, vi sinh vật bệnh bạch hầu (diphthérie), bệnh thán thư. Nó không diệt được vi sinh vật bệnh trường nhiệt. Nhưng như vậy cũng quý lắm rồi. Nhờ nó ta sẽ trị được nhiều bệnh nguy hiểm.

Ông pha loãng chất nước lấy ở năm đó ra để xem sức mạnh của nó. Pha loãng 20 lần, rồi 40 lần, 200 lần, 500 lần, nó vẫn còn diệt được staphylocoque. Ông chưa biết rằng sức của nó còn mạnh hơn nhiều, vì nước nấm pha loãng đó không phải là nguyên chất, thực nguyên chất thì mạnh gấp triệu lần kia.

(1) Vi sinh vật hình giống trái nho, sinh ra những bệnh mụt nhọt.

Nhưng có hàng ngàn thứ nấm. Phải nhận đó là thứ nấm nào. Ông tra sách, đoán nó là thứ *penicillum chorysogenum*; nhưng một nhà chuyên môn về nấm ở Anh lại bảo nó thuộc loại *penicillum rubrum*; sau một người Mỹ tìm được tên thực của nó là *penicillum notatum* (một loại gài giống *penicillum chrysogenum*), và ông đặt tên cho chất diệt trùng trong thứ nấm đó cái tên *penicillum* (tiếng pháp là *pénicilline*)

Từ đó, ông bỏ hết các công việc khác, chuyên nghiên cứu về các loại nấm. Ông tự hỏi: « Cái thứ nấm khác có công dụng đó không? » rồi tìm cách thu thập đủ các loại mốc, yêu cầu bạn bè, bà con hãy thấy vật gì mốc, giày dép, sách vở... cứ đem lại cho ông. Có ai hỏi « để làm gì? » thì ông đáp: « để làm một việc trong phòng thí nghiệm ». Nhưng các thứ mốc đó không có tính cách diệt trùng, ông trở lại nghiên cứu chất *pénicilline*. Ông nuôi nó rồi nhờ hai nhà hóa học rút các tính chất của nó ra. Họ gần thành công, làm cho nó cô lại, nhưng chỉ giữ được một tuần lễ, qua tuần lễ sau, chất cô đó mất tính cách diệt trùng. Thất vọng, họ bỏ dở công việc.

Trong lúc đó, Fleming viết một bài về chất *peniciline* đề đến ngày 13 tháng 2 năm 1929 đọc ở hội Nghiên cứu Y học (Medical Recherche Club). Nghe xong, không ai hỏi ông câu nào cả. Cả phòng yên lặng. Người ta thản nhiên, lạnh lùng, coi sự phát minh của ông là vô bổ.

Ông không thất vọng, viết một bài

đăng trên một tạp chí y khoa đầy đủ chỉ tiết về cách nuôi nấm, cách rút ra chất diệt trùng, và công dụng của chất này. Cuối bài ông tóm tắt rằng: *chất pénicilline là một chất diệt trùng công hiệu đề bôi ngoài da hay chích trong máu.*

Theo lệ, bài đó phải đưa cho thầy của ông, bác sĩ Wright coi trước, Wright có đồng ý mới được đăng. Wright xóa trọn câu cuối ấy vì ông ta vẫn tin chắc chủ trương của mình: chỉ có thể và những thứ thuốc giống phòng bệnh (vaccin) mới chống được với vi trùng; còn phương pháp sát trùng không công hiệu. Fleming xin giữ lại. Wright phải chiều lòng. Trong lịch sử khoa học thường có những chuyện như vậy: kẻ nào đưa một thuyết mới nếu không bị công kích kịch liệt như Semmeilweis, Pasteur, thì cũng phải nhận sự lãnh đạm của bạn bè.

Fleming tự tin, vẫn tiếp tục dùng *pénicilline* để trị bệnh, nhưng không có cách nào sản xuất, nên công việc thí nghiệm tiến hành rất chậm.

Trong lúc đó các nhà hóa học ở Đức thấy sự công hiệu của thuốc *salvarsan*, chuyên tâm nghiên cứu để chế tạo những thuốc khác. Năm 1932, Damagk tìm được một thứ thuốc thần hiệu, diệt được những vi trùng *streptocoque*, đặt tên cho nó là *protonsil*. Năm 1935, Damagk qua Anh diễn thuyết ở hội y học Hoàng gia, đưa ra những con số để chứng sự hiệu nghiệm của thuốc. Fleming lại nghe, chịu nhận là thuốc công hiệu, nhưng bảo một người bạn: « Chất *pénicilline* còn hay hơn nhiều ».

Sau thuốc protosil, người ta còn chế tạo được nhiều thuốc sulfamide trị được bệnh lậu, bệnh sưng màng óc, sưng màng phổi... Người ta hoan nghênh những thuốc đó nhiệt liệt và gần như quên hẳn chất pénécilline.

Năm 1936, Fleming đi họp Hội nghị quốc tế thứ nhì về vi khuẩn học, lại diễn thuyết, thí nghiệm về pénécilline, nhưng vẫn không ai để ý tới.

Năm 1939, hai ông bà qua New York dự hội nghị thứ ba về vi khuẩn. Chỉ có hai bác sĩ Mỹ hỏi thăm ông về lysozyme và pénécilline. Rồi thể chiến bùng nổ ngày mùng 3 tháng 9. Ông bà vội đáp tàu về Anh.

xxx

Vậy Fleming đã tìm ra chất pénécilline do một sự tình cờ lạ lùng : loại nấm đó ở đâu tới không biết, bay vào phòng thí nghiệm của ông, rớt đúng trên cái keo xu xoa mà ông vô ý không đẩy, mà cái keo đó lại cấy vi trùng staphylocoque, nếu keo chứa vi trùng bệnh lao, thứ vi trùng mà chất pénécilline không diệt được, thì trên mặt xu xoa không có gì lạ, ngoài một chút mốc, và ông đã không để ý tới và chất pénécilline tới ngày nay chưa chắc đã có ai tìm ra được.

Nhưng tìm ra rồi, không có nhà hóa học chuyên môn lấy ra được tinh chất, nên trên mười năm sau vẫn chưa ai tin công dụng của nó.

Phải đợi đến năm 1939, một nhóm bác học ở Oxford mới nghĩ ra được cách làm cô chất thuốc pénécilline lại. Lần này cũng là do tình cờ nữa.

Một bác sĩ người Úc được học bằng qua học trường đại học Oxford rồi nhờ tài năng được làm giáo sư trường đó. Tên ông ta là Howard Florey. Đồng thời ở Đức có một bác sĩ tên là Chain gốc Do Thái, không chịu được chế độ Hitler, qua làm việc ở trường đại học Cambridge.

Cả hai người đều muốn nghiên cứu, xin Foundation Rockefeller ở Mỹ được một số tiền là bốn ngàn Mỹ kim rồi tìm được cách cô chất pénécilline lại, thí nghiệm thấy nó mạnh gấp ngàn lần chất pénécilline tự nhiên và gấp mười lần các thứ sulfamide. Sau này người ta còn chế được thứ pénécilline nguyên chất mạnh gấp triệu lần thứ tự nhiên của Fleming, nghĩa là gấp ngàn lần thứ của Florey và Chain.

Ngày 25-5 1940 họ đem dùng thử vào loài chuột bị lây các vi trùng staphylocoque và streptocoque. Kết quả hoàn toàn như ý.

Hồi đó quân Đức đang tấn công dữ dội. Nước Anh rất có thể bị chúng xâm chiếm, nên hai ông phải đề phòng : nếu tai nạn xảy ra, phải rời Oxford thì thế nào cũng mang theo mốc pénécilline. Họ thí nghiệm thêm nhiều lần nữa, lần nào kết quả cũng mỹ mãn : 25 con chuột không chích pénécilline thì chết hết ; mà 25 con chích thuốc thì chỉ chết có một con.

Họ bèn đăng kết quả trên tờ báo The Lancet số 24-8 1940. Từ đó cả một nhóm bác sĩ ở Oxford chuyên tâm nghiên cứu thứ thuốc thần đó thấy nó còn trị thêm được nhiều bệnh nữa.

nhất là bệnh hoại thư rất tai hại cho chiến sĩ, bệnh mà trong đại chiến thứ nhất, Fleming tìm mọi cách cũng không trị nổi.

Fleming đọc tờ The Lancet, mừng quá, chạy ngay lại Oxford, xin gặp mặt Florey và Chain để được coi xem pénécilline nguyên chất ra sao. Florey và Chain đều ngạc nhiên vì cứ tưởng rằng Fleming đã chết. Thành thử chính những người ông nhờ cậy thì chẳng giúp ông được gì, rồi trong lúc bất ngờ nhất, những người ông không hề quen biết lại giúp ông được việc.

Bây giờ đến lúc thử thuốc vào loài người.

Đến tháng 2 năm 1941, một viên cảnh sát ở Oxford bị chứng bại huyết (septicémie), mới đầu có một cái nhọt trong miệng, máu bị lây độc do vi trùng staphylococcus aureus. Người ta đã dùng các thứ sulfamide mà không bớt. Bệnh nguy ngập; khắp cơ thể nổi mụn, phổi cũng bị lây. Y sĩ nào cũng bó tay. Florey chích vô máu người đó 200 phần 1000 lít pénécilline rồi cứ cách ba giờ lại chích thêm 100 phần 1000 lít nữa. Chỉ một ngày sau bệnh thuyên giảm trông thấy, mụn hết cương, người hết nóng. Nhưng hôm sau hết thuốc, bệnh đỡ được ít ngày rồi lại tăng lên và rút cục vì hết thuốc mà viên cảnh sát đó chết.

Ông hăng hái gây thêm pénécilline, trị được ba con bệnh. Nhưng thuốc vẫn không đủ dùng. Ông đề nghị với các xưởng hóa học sản xuất thật nhiều,

nhưng không xưởng nào dám nhận: phí tổn quá cao, chế tạo được thì cũng không ai đủ tiền mua, vì thuốc thời đó rất loãng, phải cả ngàn lít mới chữa được một bệnh.

Chỉ còn mỗi một cách là đề nghị với các hãng chế thuốc ở Mỹ. Tháng 6 năm 1944, Florey qua New-York với chất pénécilline, giao thiệp với các hãng bên đó, không đòi tiền sáng chế (chính Fleming cũng không hề nghĩ đến sự đem cầu chứng phát minh của mình) chỉ yêu cầu họ chế tạo sao cho được nhiều và rẻ. Một hãng nọ sai một thiếu nữ đi chợ tìm các thứ nấm có chất pénécilline thì thấy một thứ sinh sản rất mau trên một loại dưa thối.

Đồng thời ở bên Anh nhưm Oxford cũng cải thiện cách chế tạo, lập được một xưởng pénécilline, trị được một con bệnh đau màng óc gần chết, và ngày 27 tháng 8 năm 1942 tạp chí Times ở London đăng một bài ca tụng tính chất của pénécilline. Nhưng tác giả bài đó không ghi tên người phát minh ra thuốc, bác sĩ Wright yêu cầu tòa soạn bổ khuyết, đăng tên Alexander Fleming lên. Công tâm của ông thực đáng khen: mặc dầu vẫn giữ chủ trương của mình, Wright cũng phải nhận công của Fleming là lớn đối với y học.

Từ đó cả hai chính phủ Anh và Mỹ đều khuyến khích sự chế tạo pénécilline. Lăn lăn khắp thế giới người ta đồn rằng một thứ thuốc thần mới ra đời, trị được đủ các chứng bệnh. Nhân loại đương giờ một chương mới học trong y học sử, nhan đề là « Thuốc trụ sinh »

Danh của Fleming vang lên. Thư từ bay tới nườm nượp, điện thoại réo suốt ngày. Các bộ trưởng, các tướng soái, các chủ báo đòi được gặp ông. Ông nhũn nhặn nhắc khéo họ rằng Florey và Chain cũng có công như ông. Rồi thì đủ các danh dự: các hội y học, các hội nghiên cứu tranh nhau bầu ông làm hội viên. Người ta tặng ông những bảo vật, mời ông bà dự tiệc, đọc diễn văn ca tụng ông, và yêu cầu ông đọc diễn văn về lịch sử chất pénécilline. Anh Hoàng phong tước cho ông bà. Các nước đồng minh đều mang ơn ông: nhờ thuốc pénécilline mà cứu được hàng vạn binh sĩ bị những bệnh hoại thư, lậu. Khi thuốc chế tạo được nhiều và rẻ, mọi người có thể mua được thì khắp thế giới mang ơn ông, không năm nào không có hàng triệu người nhờ ông mà sống. Chính nhờ ông mà sau này người ta tìm thêm được nhiều thứ nấm khác như streptomycine, chloromycétine, auréomycine, terramycine... và trị được nhiều bệnh nguy hiểm như ho lao, trường nhiệt, ban ..

Ông phải trả lời hằng trăm bức thư của các bệnh nhân, phải cải chính các bài trên báo, nhấn mạnh, nhắc đi nhắc lại rằng thuốc pénécilline không phải là thuốc bá ứng, bệnh nào trị cũng hết mà chỉ công hiệu đối với vài thứ bệnh thôi, rằng đừng làm dụng nó, hễ bệnh không nặng thì đừng dùng, nếu dùng thường quá thì vi trùng sẽ quen với thuốc mà sau này thuốc sẽ bớt công hiệu khi gặp bệnh nặng, rằng muốn cho công hiệu thì cứ mạnh tay dùng những liều nặng cho đủ sức, nghĩa là đối với

vi trùng phải theo chiến thuật « chớp nhoáng » thì mới thắng trận được.

Cũng có người chỉ trích ông. Một số y sĩ không ưa dùng những thuốc trụ sinh, cho rằng nó làm một sự thăng bằng trong cơ thể, không tập cho cơ thể tự chống với vi trùng; rằng càng giết nhiều vi trùng thì các độc tố (virus) càng dễ sinh; tóm lại là các thuốc sulfamide và trụ sinh tuy có lợi trước mắt đấy, nhưng có hại về sau, cho nên phải cẩn thận.

Lời khuyên đó không phải là vô lý. Người ta còn nhớ câu chuyện: dân một miền nọ bị chuột phá quá, kiếm loại rắn hiền về nuôi để chúng bắt chuột; nhưng tránh được nạn chuột thì bị nạn rắn: chúng sinh sản nhiều quá, và dân chúng lại phải tìm cách diệt rắn, mà diệt rắn còn khó hơn diệt chuột. Lẽ trời bao giờ cũng như vậy: người Mỹ tạo được bom nguyên tử mà chiến tranh kết liễu được sớm, đỡ phải hy sinh thêm hàng ức triệu sinh linh, nhưng bây giờ lại phải tìm cách chống bom khinh khí mạnh gấp ngàn lần bom nguyên tử.

Đã tiến rồi thì không thể lùi được. Ai điên gì mà không chích strepto khí bệnh lao đương lúc tiến? Cứ dùng thuốc trụ sinh, rồi sau này, những đặc tố có phát triển mạnh gây ra những bệnh mới thì lại tìm cách khác để trị. Như vậy mới có công việc hoài cho các nhà bác học.

xxx

Năm 1945, Fleming qua Mỹ, tới đâu cũng được dân chúng hoan nghênh. Nhiều phóng viên hỏi ông những câu bức mình chẳng hạn:

— Hồi nhỏ ông có đánh quyền không? Nếu không thì tại sao mũi ông gãy?

— Hồi nhỏ ông lấy tiền đâu mà ăn học ở London?

— Hiện lúc này đây ông nghĩ tới gì? Một nhà bác học như ông nghĩ tới gì khi ông điêm tâm?

Các nhà chế tạo chất hóa học tặng ông trăm ngàn Mỹ kim. ông không nhận, nhường lại cho phòng thí nghiệm của đường đường Saint Mary. Ở Mỹ, về ông qua Pháp diễn thuyết ở Hàn Lâm Viện y học, giọng nhũn nhặn đến cảm động, như tôi đã kể. Georges Duhamel khen ông: « Ông đã bước một bước ra ngoài khu vực của Pasteur ». Ông đáp: « Không có Pasteur thì tôi không làm được cái gì hết ».

Từ Paris ông lên Stockholm để lãnh một nửa giải thưởng Nobel, nửa kia về phần Florey và Chain

Từ về Anh ông được thay Wright, giữ chức giám đốc phòng thí nghiệm ở Saint Mary, vì Wright đã tới tuổi về hưu. Có người bảo ông:

— Tôi không hiểu tại sao chính phủ, sau chiến tranh, thưởng trăm ngàn đồng cho những tướng soái có công mà lại không thưởng cho ông một số tiền như vậy về công phát minh ra thuốc pénécilline.

Ông đáp:

— Tôi dùng trăm ngàn đồng đó vào việc gì? Tôi thiếu thốn gì đâu?

Từ khi ông chỉ huy phòng thí nghiệm, mỗi lần tường thuật kết quả một

công trình nghiên cứu nào, ông cũng ký tên sau những người cộng sự của ông, vì ông nghĩ rằng như vậy có lợi cho họ mà không hại gì cho ông cả. Tinh thần của ông cao quý như vậy đó

Năm 1948, hai ông bà qua Ý Pha Nho, được nhà cầm quyền cùng dân chúng tiếp đón long trọng và cảm động. Ở Barcelone, ở Madrid, người ta tặng ông những bằng tiến sĩ, những chức hàn lâm; dân chúng quì bên đường hôn tay ông để cảm ơn ông đã cứu mạng. Một người thợ giầy nhờ pénécilline mà còn sống, tặng ông bà mỗi người một đôi giầy, một người thợ may tặng ông bà một bộ y phục; một người bán kính tặng ông một cặp kính. Từ xưa tới nay chưa bác sĩ nào được tiếp đón nửa như một ông hoàng, nửa như một ông thánh như vậy. Tuy mệt nhưng thú, như một cuộc du lịch trong tập truyện « Ngàn đêm lẻ một »

Năm sau ông qua La Mã để nhận chức hàn lâm của Giáo hoàng tặng, rồi qua Mỹ dự buổi lễ khánh thành một viện nghiên cứu. Trong bài diễn văn có đoạn:

« Nhà tìm tòi nào cũng phải chịu những nỗi thất vọng, thất bại, phải trải qua những tháng dài dằng dặc lắm đường. Nhưng thất bại không phải là vô ích, vì nếu khéo phân tích nó thì nó có thể đưa đến thành công. Và khi đã phát minh một cái gì, dù là nhỏ bé đến đâu, thì cái cũng không có gì sánh nổi. Nhờ cái vui đó mà có đủ can đảm để tiếp tục ».

Vì hồi nhỏ sống trong cảnh thanh bạch, rồi lớn lên làm việc trong một phòng thí nghiệm tồi tàn, thiếu cả dụng cụ, nên đứng trước những phòng thí nghiệm trang hoàng rực rỡ của Mỹ, ông có ý ngái ngại cho các nhà bác học Mỹ. Ông bảo :

— Nếu một nhà tìm tòi đã quen làm việc trong một phòng thí nghiệm tầm thường được đời qua một lâu đài bằng đá cẩm thạch thì một là người đó thắng cái lâu đài, hai là cái lâu đài thắng người đó. Nếu người đó thắng thì cái lâu đài sẽ thành một cái xưởng và sẽ giống mọi phòng thí nghiệm khác ; nhưng nếu lâu đài thắng thì nhà tìm tòi sẽ thành bỏ đi, không còn hy vọng gì nữa.

« Chúng ta thử nghĩ tới những công việc lạ lùng Pasteur hồi trẻ đã làm được ở Paris trong một cái trang sát mái nhà, mùa hè nóng đến nỗi không chịu nổi. Chính tôi đã thấy công việc mà ở đầu thế kỷ này, ông Almroth Wright và đồ đệ của ông đã làm được trong hai phòng nhỏ ở đường Saint Mary, công việc đó đã làm cho những nhà vi khuẩn học ở New York, Colorado, Californie, Canada chú ý tới và lại thăm ông trong phòng thí nghiệm nhỏ xíu của ông. Một nhật báo Mỹ bảo phòng thí nghiệm của tôi không khác gì « phòng trong một tiệm bào chế cồ », nhưng tôi không chịu đòi nó lấy một phòng rộng rãi và rực rỡ... Tôi đã thấy những nhà tìm tòi có những máy móc đẹp đẽ quá, rắc rối, tinh xảo quá đến nỗi suốt ngày mân mê nó mà chẳng làm nên việc gì cả. Như vậy là để cho để máy chiếm đoạt con

người, chứ không phải là để cho người làm chủ máy ».

Những thanh niên nghèo phản nản rằng không có đủ tiện nghi để học hành nên suy ngẫm lời khuyên đó. Nghèo nàn không nhất định là một sự bất lợi ; mà giàu có không phải luôn luôn là có lợi. Chỉ có thái độ của con người là quan trọng : một thái độ tích cực có thể thắng được hoàn cảnh, tạo nên hoàn cảnh ; còn một thái độ tiêu cực dù có gặp hoàn cảnh thuận lợi cũng không biết nắm lấy nó và không làm nên được việc gì cả.

xxx

Năm 1949, vợ chết, ông chán nản, nhưng vẫn tiếp tục làm việc mặc dầu đã gần bảy chục tuổi. Năm 1951, ông qua Karachi dự một hội nghị. Chính quyền Karachi yêu cầu ông diễn thuyết về vấn đề : Trẻ em Karachi làm sao có thể sau này trở nên những nhà tìm tòi ? Trong diễn văn có đoạn những câu này :

« Hết thảy chúng ta đều có thể nghiên cứu tìm tòi trong công việc của mình, bất kỳ là công việc gì, bằng cách nhận xét những cái xảy ra ở chung quanh mình với một tinh thần phê phán. Nếu có gì xảy ra mà khác thường thì chúng ta phải suy nghĩ để tìm ra ý nghĩa của nó. Một nhà tìm tòi mà ước ao được danh vọng, thì cao vọng đó không phải là vô lý, nhưng nhà tìm tòi nào chỉ nhắm cái mục đích là giàu sang quyền thế thì người đó ngồi nhầm chỗ rồi — Không phải tất cả các trẻ em Pakistan đều có thể thành những nhà nghiên

cứu, nhưng nếu ngay từ tuổi thơ, người ta tập cho chúng khả năng nhận xét thì sẽ có nhiều em sau này được cái danh dự cao quý đó».

Diễn văn của ông là bài học chung cho hết thầy thanh niên châu Á, chứ không riêng gì cho thanh niên Pakistan.

Luyện óc nhận xét, phán đoán, được một ông thầy có nhiều kinh nghiệm hướng dẫn, rồi như Newton, ngày đêm suy nghĩ về vấn đề, có khi làm việc liên tiếp hằng năm trời, quên ăn quên ngủ như Newton, Pasteur, ông bà Curie; lúc nào cũng sẵn sàng nắm lấy vận may thì thế nào vận may cũng phải tới. Nếu nó là một vận lớn, thì có thể gây được một sự nghiệp vĩ đại như Fleming, nếu nó là vận nhỏ, không phát minh được cái gì lớn lao, thì cũng được như Wright, nghĩa là được các nhà bác học thế giới ngưỡng mộ, và được hậu thế mang ơn vì không có Wright thì không có Fleming. Vậy trong việc khảo cứu, hễ kiên nhẫn thì không có ai thất bại cả, những người lớp sau thành công được đều nhờ công lao của những người lớp trước. Đó là bài học chúng ta rút được trong đời sống của Fleming.

Ông sống thêm được ít năm vui vẻ, qua Hi-Lạp, Ấn-Đô rồi tục huyền với một nữ bác sĩ Hi-Lạp, tên là Voureka, đồ đệ cũ của ông.

Ngày 11 tháng 3 năm 1955, đương khỏe mạnh, ở buồng tắm ra, ông thấy choáng váng, mặt xanh nhợt, buồn nôn, tưởng không có gì nên khi bà đòi mời bác sĩ lại thì ông cản. Bà cũng cứ kêu điện thoại. Bác sĩ chưa kịp lại thì ông gục xuống rồi lịm dần.

Nhờ ông mà đời sống trung bình của con người tăng lên được hàng chục năm nữa. André Maurois phê bình sự nghiệp của ông như vậy :

« Nhờ thuốc pénécilline và tất cả những thuốc trụ sinh người ta tìm được do phát minh của ông, các nhà giải phẫu ngày nay có thể làm những công việc mổ xẻ mà trước kia không ai dám thử. Đời sống trung bình của con người đã tăng đến nỗi làm đảo lộn cả tổ chức xã hội. Không có người nào, trừ Einstein — nhưng Einstein ở vào phạm vi khác — nhất là trừ Pasteur ra, đã ảnh hưởng tới lịch sử hiện đại của nhân loại một cách sâu xa như vậy ».

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ĐẠI NAM VĂN HIẾN

LOẠI SÁCH IN TYPÔ

- **THỂ PHONG** : NHẬN DIỆN VÓC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH (truyện ký)
- **BÙI KHÀI NGUYÊN** : THIẾT THẠ (thơ) ● **ĐINH XUÂN CẦU** : ĐÔI KÍNH (kịch) ● Xin hỏi các hiệu sách lớn khắp nơi.

SANG NĂM 1965

Không phổ biến LOẠI SÁCH BẢN THẢO nữa. Những quý vị văn nghệ sĩ và độc giả dài hạn trong những năm qua đương nhiên được gửi biểu, mỗi khi sách typô in ra. Không phải trả một số phí nào. Thư từ xin gửi cho **THỂ PHONG** : Hộp thư 1123 SAIGON — VIỆT NAM

CHUYỆN SÁU VỊ THUYỀN SƯ

(Xin xem Bách-Khoa từ số 193)

TUỆ - TRUNG

2. Hoa - Đình Thuyền - Sư

HOA-ĐÌNH THUYỀN-SƯ đến phủ Hứa-Châu. Ngài chèo một con thuyền nhỏ trên dòng sông, thảnh thơi dừng chèo tiếp khách thập phương đến hỏi Đạo. Lúc bấy giờ không ai biết danh ngài nên gọi ngài là nhà sư chèo thuyền.

Một hôm, ngài dừng chèo bên bờ sông, ngồi nghỉ trong mạn thuyền. Một viên quan đi qua thấy thế, hỏi ngài: « Bạch Hòa thượng, ngài làm gì vậy? » Ngài cầm chèo lên đáp: « Ông biết cái gì đây không? » Viên quan trả lời: « Bạch ngài, không ». Ngài nói: « Ta đã chèo thuyền khuấy dòng nước trong nhưng không sao thấy được con cá vàng ».

Khi ông Giáp-Sơn đến Đức-Thành thăm ngài, ngài hỏi: « Hòa thượng, ông tu chùa nào? » ông Giáp-Sơn trả lời: « Việc gì giống cái ấy thì không còn, việc gì còn thì không giống cái ấy ». Ngài hỏi thêm: « Không có giống nhau thì giống cái gì? » Ông đáp lại: « Việc ấy không có trước mắt ». Ngài thích lắm, hỏi tiếp nữa: « Nhà người học ở đâu thế? » ông thưa: « Cả tai và mắt tôi đều không thấu nổi! » Ngài khen: « Lời nói hay như trụ cây cột con lừa trong vạn kiếp! » Đoạn hỏi tiếp: « Ném chiếc cần câu dài vạn trượng, con cá ở sâu dưới nước, cách lưới câu ba tấc, sao nhà người không nói? » Ông vừa mở miệng định trả lời thì ngài cầm chèo đánh ông ngã lộn xuống nước. Vừa lúc ông trèo trở lên thuyền thì ngài Hoa-Đình lại nói lớn: « Nói đi! nói đi! » Ông chưa kịp trả lời thì ngài lại đánh nữa. Bỗng nhiên ông Giáp-Sơn tỏ ngộ được đạo, liền gật đầu ba lần tỏ vẻ biết ơn ngài.

Hoa-Đình thuyền sư lại dạy ông : « Nhà người vui với sợi chỉ bạc, nhưng nếu nhà người không khuấy dòng nước trong thì nghĩa Đạo không còn nữa ! »

Ông Giáp-Sơn hỏi : « Bạch ngài, ngài nghĩ sao khi buông chiếc cần xuống nước ? »

Ngài nói : « Chiếc cần bập bênh trên nước khiến cho mọi ý nghĩ về hiện hữu và hư vô cũng bập bênh trên mặt nước mãi đến khi cả hai đều yên lặng như tờ ».

Ông khen . « Lời nói ngài rất sâu nhưng không có hướng đi nào. Đầu lưỡi ngài nói nhưng không nói ! »

Ngài cũng khen lại đồ đệ : « Than ôi ! Ta đã buông cần khắp ngọn sông này, giờ mới câu được con cá vàng ».

Nghe ngài nói thế, ông Giáp-Sơn liền bịt tai. Ngài nói lớn : « Chính thế ! Chính thế ! Rồi ngài dạy : « Sau này chỗ ẩn dật của nhà người cần phải không lưu lại vết tích, chỗ nào không có dấu vết nhà người đừng ẩn dật. Ta học Đạo với Ngài Được Sơn hơn ba mươi năm trời mới được điều ấy. Bây giờ ta truyền lại cho người. Từ giờ người đừng ở nơi làng mạc thị tứ, phải tìm nơi rừng sâu núi thẳm những kẻ chỉ biết làm bạn với cuộc mai đề truyền Đạo pháp của ta ».

Ông Giáp-Sơn cáo biệt Hoa-Đình Thuyền-sư ra đi, mắt vẫn không rời ngài. Thuyền sư gọi lớn : « Hòa thượng ! Hòa thượng ! » Ông Giáp-Sơn quay lại thì ngài cầm chèo lên nói : « Ta còn gì nữa chẳng ? » Nói xong ngài lật thuyền biến mất.

BÌNH LUẬN

NHÀ Sư chèo con thuyền nhỏ, ngày ngày giảng Đạo giác-ngộ cho chúng sinh vì đây là bổn-phận của tất cả các thuyền sư. Ngài có thể cầm bất cứ vật gì như cái chèo trong truyện này chẳng hạn, hay cái chổi, chén nước trà, cái thuyền-trượng v.v...

Khi trả lời viên quan, thuyền sư Hoa-Đình dơ chèo lên ý muốn nói trong đời sống hàng ngày ta không được quên Ngã-tính của ta và chính nó đã khiến tay ngài cầm chèo dơ lên. Người biết

lẽ giác-ngộ sẽ hiểu điều ấy và sẽ ngộ được Đạo. Nhưng viên quan ở đây vì mê lầm nên không hiểu ý ngài.

Khi gặp ông Giáp-Sơn, Hoa-Đình thuyền-sư hỏi : Hòa - thượng, ông tu chùa nào ? Ý Ngài muốn dò biết trí-tuệ của ông Giáp-Sơn ra sao vì ông Giáp-Sơn biết nhiều kinh điển thế nào cũng hiểu rằng « trụ-trì ở một « chùa » có nghĩa là đang còn « chấp-trụ một hoàn-cảnh », cái chấp đó là sai lầm và làm cho người tu hành không đạt đến

trí-huệ. Bởi thế ông Giáp-Sơn mới đáp : *Cái gì* giống *chân-lý* sẽ không tồn-tại, *cái gì* tồn-tại sẽ không giống *chân-lý* vì *chân-lý* bao trùm tất cả không ở riêng một nơi nào. Các thuyền-sư thường tránh gọi sự vật bằng danh-tính của nó, vì cho rằng làm thế là còn câu-nệ vào ngôn-từ và tạo nên cái Tâm tư-tưởng phân biệt. Do đấy trong Thuyền ngôn, « *chân-lý* » « *chân-ngã* » thường được gọi trống là *cái ấy*, *cái kia*. Hoa-đình thuyền-sư hỏi : Nếu nó không giống thế, nó giống cái gì ? Ông Giáp-Sơn trả lời rằng điều ngài muốn nói đến không phải cái hữu-hình mà là cái gì vô-hình không nghe thấy được. Thuyền-sư lại bảo : Nếu ông còn chấp-nệ ngôn-từ khi diễn-đạt *chân-lý*, ông sẽ mắc lụy vào vòng ràng-buộc đó và không thể nào ý-thức *chân-lý* được.

Vì gọi Ngài là « *nhà sư chèo thuyền* » và vì mỗi thuyền nào cũng có một cần câu nên Hoa-đình thuyền sư đã dùng cần câu để giác-ngộ ông Giáp-Sơn. Ngài nói : Ném chiếc cần ra vạn trượng, những mong bắt được con long dưới đáy hồ, tạ đâu cần bắt một con cá nhỏ ? Ngài muốn nói mong thấu-nhận được một đồ-độ có trí-huệ hơn là một kẻ học Đạo dốt nát.

Câu « *cách lưỡi câu ba tấc, sao nhà người không nói* » có nghĩa như sau : lưỡi câu là ngôn-từ, ba tấc là ba tấc lưỡi. Đề chỉ một người có tài biện-thuyết người xưa thường nói : « *uốn ba tấc lưỡi* ». Thuyền-sư nói rằng : tại sao người không chịu vất vả bỏ những ngôn-từ do cái lưỡi người nói ra ? tại sao người không biết nói đến cái gì vượt khỏi ngôn từ ?

Liền khi ông Giáp-Sơn định mở miệng trả lời, nghĩa là xử-dụng đến cái tâm phân-biệt suy-nghĩ thì Ngài Hoa-đình liền dơ chèo lên đánh ông ngã nhào xuống sông. Ngài làm thế để cắt đứt dòng tư-tưởng đang diễn ra trong trí ông Giáp-Sơn. Khi ông trèo lên thuyền, ngài lại nói : « *nói đi nói đi !* » Ông Giáp-Sơn lại định suy-nghĩ để trả lời lần nữa thì Ngài Hoa-Đình lại đánh thêm mấy chèo. Ý ngài Hoa-Đình muốn giác-ngộ đồ-độ cho chóng bằng cách không cho ông Giáp-Sơn có đủ thì-giờ để suy-nghĩ phân-biệt đến thực hư. Và cuối cùng ngài đã thành-công khi làm cho ông Giáp-Sơn mất hẳn cái tâm phân-biệt vọng-tưởng chấp-trước, do đấy mà ông Giáp-sơn ngộ được Đạo, đạt đến cái Ngã-tính trong suốt bất-biến liền đánh lễ ba lần để cảm tạ Ngài.

Thường không phải lo lắng điều gì cái Tâm con người cũng đầy vọng-tưởng. Chẳng hạn lúc ngồi một mình an-nhàn sung sướng là thế, nhưng tâm-hồn của ta đâu có yên-hàn, biết bao tư-tưởng hỗn-độn đồn dập dâng lên trong trí ta như đợt sóng thủy-triều ! Thế nhưng nếu gặp hoàn cảnh hiểm-nguy đột nhiên xảy đến thì mọi vọng-tưởng đều biến mất, chỉ còn một trí-tưởng độc-nhất mà thôi : đó là tư-tưởng bản-năng tự-vệ. Khi ông Giáp-Sơn bị ngã xuống nước, mọi tư tưởng trong Tâm ông đều tan biến chỉ còn lại một tư tưởng độc nhất là sự lo lắng sao cho khỏi chết đuối mà thôi. Như vậy ngài Hoa-Đình trong giai đoạn đầu đã thành công trong việc đưa tâm hồn đồ-độ từ *trạng thái đa tưởng* đến *trạng thái độc tưởng* đề sau đây chấm dứt trạng thái độc tưởng đó luôn

Đó cũng là phương pháp *Tham thoại đầu* (1) mà các Thuyền sư thường hay dùng để dạy đồ đệ trong giai đoạn đầu học Thuyền.

Nói tóm lại, ông Giáp-Sơn chứng ngộ sau ba thời kỳ : Thời kỳ thứ nhất trước khi bị Hoa Đình Thuyền sư dùng chèo đánh thì ông chỉ có một cái Tâm phân biệt câu nệ, chỉ biết lặp lại những điều trong kinh sách để trả lời câu hỏi của ngài Hoa Đình. Sau khi bị đánh lần thứ nhất tâm hồn ông Giáp-Sơn đạt đến một trạng thái độc tưởng, nghĩa là chỉ còn một ý tưởng tự cứu mạng sống mà thôi. Nhưng đã rõ, ông vẫn còn cố chấp vào trạng thái độc tưởng ấy. Hoa Đình là một vị thầy đại tài thấy thế liền tìm cách tước bỏ hẳn ý tưởng còn sót lại trong tâm hồn ông khiến cho tâm hồn ông trở nên thuần túy trong suốt và Ngã tính của ông liền hiện ra rực rỡ, do đấy mà ông đắc Đạo.

Nhưng sau khi đắc Đạo rồi, đệ tử của Thuyền môn không phải cho thế là hết. Mỗi một Thuyền gia phải phát tâm tu hạnh Bồ tát trước khi xuất gia. Nếu không có tâm muốn giác ngộ chúng sinh sẽ không bao giờ tự giác ngộ.

Bởi thế, ngài Hoa Đình mới dạy đồ đệ ! Sau này con muốn dùng pháp môn nào cũng được nhưng nếu con không khuấy đục giòng nước trong, nghĩa là nếu tâm hồn con không còn những tư tưởng câu nệ nữa thì trí huệ con sẽ sáng ngời ». Ông Giáp-Sơn vì mới được giác ngộ nên vẫn còn lo sợ mới hỏi Bạch Ngài, con không hiểu lời Ngài dạy rằng bỏ cần câu xuống, kéo lưới câu vào ». Ông muốn nói : Nếu giáo pháp mà không dùng đến ngôn từ để giảng giải thì sao giác ngộ được chúng

sinh ? Ngài Hoa Đình đáp : « Ngươi ông buông cần xuống giòng nước xanh tìm cá. Nếu có con cá đối thể nào nó cũng cắn mồi. Sau này khi dạy đồ đệ, con nên dùng những lời ta đã dạy con lúc trước, thử xem tâm hồn chúng còn bị ràng buộc bởi ý niệm hiện hữu và hư vô không, nghĩa là xem chúng có còn tách đôi Bản ngã bất khả phân thành *Chủ* và *Khách* (chủ thể và đối tượng) không. Sau đấy, con hãy dạy chúng xóa bỏ hẳn mọi tư tưởng như thế để Tâm chúng được yên tịnh hoàn toàn ».

Ông Giáp sơn nói : « Lời ngài sâu lắm nhưng không theo lối đi nào. Đầu lưỡi Ngài nói nhưng không nói ». Ông Giáp-Sơn khen phương pháp giác ngộ tuyệt diệu của Thầy vì đã dùng những hình ảnh ngôn từ để diễn tả nhưng vẫn không gợi lên trong tâm hồn ông những câu nệ ngôn từ.

Đáp lại, Thầy khen đồ đệ chứng Đạo mau chóng : « Ta đã buông cần khắp ngọn sông này, đến giờ mới câu được con cá vàng ». Nghe thế, ông Giáp Sơn liền bị tai vì ông cho rằng ngay những lời khen ngợi cũng là hư vô vì Ngã tính vốn không thể diễn tả bằng danh từ.

(1) *Tham thoại đầu* : Tham thiền về sự khởi đầu của một ý tưởng. Hành giả quan sát sự xuất-hiện của tư-tưởng một cách hết sức chăm chú như con mèo đang rình mồi. Nếu có tư-tưởng nào đột khởi, hành giả liền tìm xem tư tưởng ấy bắt đầu ở đâu và chấm dứt chỗ nào. Trước khi hành giả nhận thấy rằng tư tưởng ấy không có đầu cũng không có đuôi thì tư-tưởng đó liền tan biến ngay, do đấy tâm-trí trở nên lặng lẽ. Phép thiền này được giảng giải rất tường tận trong *Hư-Vân Ngữ Lục* (*The Discourse Of Master Hsu Yun*) và Charles Luk có dịch sang Anh-ngữ trong *Ch'an and Zen Training*, tập I, nhà xuất bản Rider, London, 1960.

Do đó, thay vì nghe lời khen ngợi của Thầy ông bịt tai lại, xem đó như là phương pháp tuyệt diệu để gìn giữ Ngã tính trong sáng rực rỡ của ông Ngài Hoa-Đình cho thái độ của đồ đệ như vậy là hợp lý nên mới nói : « Chính thế ! Chính thế ! »

Đoạn Thuyền sư dạy tiếp ông Giáp Sơn như sau :

« Sau này chỗ ấn dật của con cần phải không để lại dấu vết, chỗ nào không có dấu vết con đừng ấn dật ». Nghĩa là : Bây giờ con đã hiểu rằng pháp thân là vô hình tướng, là hư vô. Nhưng nói thế, con cũng đừng để gợi trong trí con những ý tưởng như thế vì rằng nói đến hình tướng và hư vô tức là nói đến ý niệm đặc thù, nghĩa là còn chấp tướng. Chỉ có một thực thể tuyệt đối mà thôi, đó là thể Chân-như vậy.

Ngài còn nói thêm : « Từ giờ con nên

lánh xa chỗ làng mạc thị tứ, vì ở đây con không thể tìm được những người có thể hiểu được lẽ giác ngộ. Con phải tìm đến những nơi thâm sơn cùng cốc, chỗ ẩn dật của những kẻ lánh xa danh lợi ở đời, con phải lo giác ngộ những người đó để nói truyền Đạo pháp của tông phái ta ».

Giáp-Sơn từ biệt Thầy nhưng luôn luôn quay lại nhìn Thầy. Ngài Hoa-Đình gọi ông rồi nâng chèo lên nói : « Ta còn gì nữa chẳng ? » Nghĩa là : Ta chỉ có cái chèo này pháp môn này, nay đã trao cho người. Ta không còn gì để dạy cho người nữa.

Rồi Thuyền sư lật thuyền biển mất để chứng tỏ rằng con người đã giác ngộ có thể đi về mặc ý và cũng cho ông Giáp-Sơn thấy rằng Đạo đã truyền xuống ông, ông có bổn phận phải lo gìn giữ và truyền lại cho chúng sinh ở thế giới khác đang chờ đợi ông.

TUỆ-TRUNG



PHI-CƠ PHẤN-LỰC

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON.HONGKONG
SAIGON.PHNOUMPENH.BANGKOK

}

3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*

PHI-CƠ PHẤN-LỰC TRẰNG-LỆ NHÚT THẾ-GIỚI

★ NHANH-CHÓNG
★ ÊM-ÁI
★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

CÁCH-MẠNG DÂN-TỘC TRONG PHẠM-VI HỌC-ĐƯỜNG

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

L.T.S. : Trên số 191 ngày 15-12-65 Bách-Khoa có đăng bài thuyết trình của G. s. Nguyễn-Gia-Tường tại khóa V tu-nghiệp giáo-chức tiểu học Saigon : « Một quan niệm làm cách mạng trong giáo giới ». Tiếp theo đó, ngày 14-1-65, tại khóa VI, G.s. Nguyễn-Gia-Tường lại thuyết trình về « Cách mạng dân tộc trong phạm vi học đường ». Nhận thấy những ý kiến của hai bài có liên quan với nhau, nên chúng tôi lại xin phép tác giả đăng nguyên văn bản thuyết trình sau đây để giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

TRONG mấy bài thuyết-trình hai khóa trước, soạn giả đã có dịp, cùng với các bạn đồng nghiệp, ghi lại mấy điều cốt yếu này :

1) — Lấy sự sống còn của dân-tộc làm chánh-nghĩa quốc-gia thì đạo-đức nhà trường phải là đạo-đức dân-tộc để tự-vệ.

2) — Làm cách mạng dân-tộc, nghĩa là thay đổi đời sống và cách-thức làm việc của mình, thì cái học và cái hành của nhà giáo phải làm cho sáng tỏ ý thức liên-đới truyền-thống giữa toàn

dân và phải dùng kỹ-thuật ngày nay mà phát-huy ý-thức đó cho tinh-thần dân-tộc mỗi ngày thêm vững mạnh.

Khóa này xin bàn về một vài chi tiết liên-hệ đến giáo - dục con trẻ về phương-diện chánh-trị và về phương-diện kỹ-thuật, để tìm cách thích ứng truyền-thống với thời đại ngõ hầu xây dựng lại cộng-đồng xã-hội quốc-gia ngay từ phạm-vi học-đường.

Giáo-dục và Chánh-trị

Trong một hoàn-cảnh bình-thường của một xã-hội bình trị, giáo-dục và

Chánh-trị cùng nhằm một mục đích. Là khiến cho con người cùng chung sống với nhau biết tự hướng-dẫn mình thế nào cho sự sinh-hoạt của mình đỡ va-chạm với sinh-hoạt của kẻ khác và hơn thế nữa, cho sự « tự lợi » của mình còn có tính-cách « lợi-tha » tức là lợi cho đồng bào nữa. Những phương-pháp dùng để tiến-tới mục-đích đó không giống nhau. Giáo-dục muốn con người phải « tự-giác » và « tự-luyện » lấy những đức-tính cần-thiết chứ không cần phải đợi va chạm đến kịch-liệt mới tìm hiểu xem lầm-lỗi phải quy-trách cho ai và phải giải-quyết như thế nào mới là công bằng chính-đáng. Ngặt vì sự « tự-giác » và « tự-luyện » đòi hỏi nhiều công-phu cố-gắng, nhiều thời-gian học-tập mới có hiệu quả. Mà trong đời sống cộng-đồng lại có những vấn-đề cấp-bách, chậm-trễ có thể gây nguy hại lớn. Cho nên cần phải có sự bổ-túc bằng phương-pháp chánh-trị. Chánh-trị nhằm bình-trị bằng cách đối phó kịp thời với những mầm mống rối loạn. Có thể ví chánh-trị như cách trị bệnh bằng những phương thuốc công phật khi bệnh đã chớm khởi, còn giáo-dục là cách dinh dưỡng có thể cốt duy-trì lấy sức khỏe mà tự-vệ.

Tuy nhiên chánh trị chẳng phải chỉ có ban hành pháp-luật và trừng-trị phạm-pháp. Một trong những kế-hoạch khôn-khé nhất của chánh-trị gia xưa nay để hướng-dẫn dân quần theo khuôn-khò cai-trị của mình là bày ra khoa-cử ; nhờ khoa-cử đặt ra,

chẳng những nhà cầm quyền có thể lựa chọn được những phần tử lành-lợi để phục-vụ chế-độ cho vững bền mà còn vạch ra được một con đường « danh-lợi » cho dân-chúng cứ vì « danh-lợi » mà hướng theo. Nhờ thế công việc cai-trị sẽ đỡ khó-khăn và được tốt đẹp nhẹ nhàng theo ý muốn !

Bởi vậy mỗi chế-độ cai-trị có một thề-thức khoa-cử tiêu-biểu cho quan-niệm quyền hành của mình. Ở nước ta khoa-cử được đặt ra từ đời nhà Lý. Với chủ-trương quyền-hành phải hướng-dẫn người dân theo Đạo-Lý với quan niệm « Tam giáo đồng quy » nghĩa là PHẬT, LÃO, NHO chỉ là một, lấy « minh tâm kiến (PHẬT) tính » làm trọng (Kinh Khóa Hư), vua Lý-Nhân-Tôn đã lập ra Quốc-Tử-Giám và đích thân tuyển lấy sinh-viên trong số nho-sĩ đương thời. Những sinh-viên này được rèn luyện về phương-pháp trị dân theo căn-bản đạo-lý nhà Phật là cái căn-bản đã được giới Tăng già reo rắc phổ biến khắp dân-gian, tuy sơ sài, từ 800 năm về trước. Chính nhờ sự phổ biến đó mà trước nhà Lý, Vua Đinh-tiên-Hoàng đã một lần qui tụ được dân tâm sau thời loạn sứ quân (như trong bài trước đã nhắc lại).

Sang đời nhà Trần khoa-cử đã thiên về Nho học. Chắc vì thời cuộc bấy giờ đã khiến cho nhà đương cuộc tìm thấy trong Nho giáo những kho tàng pháp-chế và binh thư là những lợi khí sắc bén chẳng những để cai-trị dân mà còn để

đối phó thắng lợi với nạn ngoại xâm. Cho nên đến cuối đời Trần thì Nho giáo đã thành độc tôn mà Phật giáo, chẳng những bị sao lãng, lại còn bị Nho sĩ bài xích nữa. Tình trạng đó kéo dài qua đời Hậu Lê là cái triều đại đã được kết thúc bằng cuộc phản loạn của nhà Mạc rồi đến cuộc phân-tranh Trịnh-Nguyễn đến phải cắt đôi đất nước. Phải chăng đó là nghiệp quả của sự thiếu đạo-lý dân tộc đã bắt đầu từ cuối đời nhà Trần?

Đến nhà Nguyễn, dĩ nhiên địa vị độc tôn của Nho giáo lại càng kiên cố lắm và cái đạo-lý « đồng quy » của Tồ tiên từ đời Lý càng bị sao lãng hơn nữa. Chúng ta có thể ngờ rằng vì sự độc tôn ấy mà Nho-sĩ triều Nguyễn không thể tin được những điều-trần của một Nguyễn-trường-Tộ. Và cũng có thể ngờ rằng vì sự sao lãng đạo-lý của Tồ tiên kia mà khi muốn ngăn cản sự bành-chướng thế-lực của đạo Thiên-chúa, nhà vua không còn tìm được cách nào hơn là giết hại giáo-sĩ và người theo đạo. Rồi đến khi người Pháp nắm được quyền cai trị, họ có cơ-hội nghiên-cứu sâu xa văn-hóa dân tộc mình, tất nhiên họ khai-thác triệt-đề những ưu và khuyết điểm của các triều đại xưa. Họ đã thành-công một cách kín-đáo nhưng sâu xa trong việc lợi dụng tinh-thần cầu danh cầu lợi bằng sự học-hành khoa cử. Với khoa cử, người Pháp đã có được những thế-hệ thanh-niên tuần-tú, liên-tiếp phục-vụ quyền thống-trị của họ thực vững vàng và đồng thời họ còn hướng dẫn được ngưỡng vọng của dân chúng không cần tin-tưởng vào một triều đại đề trung-thành mà chỉ cần

tin-tưởng và trung thành với mẫu quốc cai trị là địa vị tha hồ chắc chắn. Còn đạo lý dân tộc, họ chỉ việc lãng lạng cho quên đi, tự nhiên sẽ phải mai một dần.

Kỳ diệu thay là cái chế-độ khoa cử ! Chỉ hiềm có một nhược điểm là khi nó đã loại đạo-đức dân tộc ra ngoài, chỉ còn danh lợi cá nhân là động lực, thì danh lợi tất phải đẻ ra ghen ghét căm hờn. Cho nên ngày nay cái chủ trương của cộng-sản lấy tranh đấu làm đạo-lý và lấy sức mạnh ở sự hun đúc căm thù « có vẻ » như chí-lý. Kỳ thực thì sự tranh đấu mà không đúng đường lối truyền thống, thiếu đạo-đức dân tộc cũng lại chỉ hướng dẫn dân tộc vào vòng nô lệ cho ngoại bang, làm tiều tụy cho họ mà thôi.

Giáo-dục và kỹ-thuật

Đứng về phương diện giáo-dục ; danh từ « kỹ thuật » chẳng phải chỉ gồm những cách thức xử dụng máy móc, dụng-cụ, khí giới... là những sản phẩm của kỹ-thuật mà còn cả những phương-pháp suy tư, hành động, như nghiên-cứu, học tập các môn khoa-học, kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, chánh-trị, tổ-chức... và áp dụng vào đời sống thực tế. Lĩnh vực các môn nghiên-cứu và học tập đó có thể mở rộng ra vô cùng bao la và theo bất cứ khuynh hướng nào, tùy nhu-cầu tùy hoàn cảnh thời-đại và tùy sở thích cá-nhân. Bởi vậy mà gần đây kỹ-thuật khoa-học đã tiến rất mau lẹ do sự thúc đẩy của nhu-cầu kinh-tế, chánh-trị và chiến-tranh. Những hoạt động kinh tế, chánh-trị và chiến-tranh lại được thúc đẩy bởi những bước tiến của khoa-học

kỹ-thuật mà phát-triển mạnh hơn. Cái nọ thúc đẩy cái kia, khiến cho nhịp sinh hoạt của con người càng ngày càng mau gấp lên, như trong một guồng máy vậy. Con người bị lôi cuốn theo cái đà tiến-bộ của kỹ-thuật.

Tuy nhiên sức chịu đựng của cơ-thể con người có giới hạn. Mới đây một nhà bác học Bỉ (?) lên tiếng trên mặt báo Âu-Mỹ, tố cáo về sự nguy-hiêm cho cơ thể con người trong các cuộc phi hành không gian. Ông nói : « Thần kinh của người không thể chịu được sự mất trọng lượng quá 5 giờ: Nhưng phi công đã được phóng lên không gian trở về đều bị bệnh rối loạn thần kinh. Nga và Mỹ đều biết rõ thế mà họ không chịu nói ra ». — Dễ hiểu lắm. Họ không chịu nói ra là vì trong cuộc thi đua, bên nào chẳng sợ thua đối phương ? Lại trong cuộc đua nhau võ trang bằng nguyên-tử lực. Trong giới quân sự và khoa học, ngày nay ai nấy đều công nhận rằng : một cuộc chiến tranh nguyên tử mà xảy ra tức là một cuộc tự sát của các cường quốc. Bởi vậy họ đã và đang cố gắng cùng nhau nào là hạn chế thí-nghiệm, nào là tài-giảm binh bị .. nhưng làm sao mà thỏa thuận được với những người còn chứa chấp trong lòng nào là rửa hận, nào là phục thù, nào là thế lực đè ăn trên ngời trước... ? Thực là lần đầu tiên được đặt ra cho các cường quốc vấn đề : muốn tồn tại thì phải giảm bớt lòng tham, tham quyền hành, tham thế lực, tham ảnh hưởng, đến cả tham rửa hận, trả thù nữa... Khó lắm thay ! Cho hay, kỹ-thuật càng cao thì vấn đề đặt ra càng

khó giải quyết.

Đối với một tiểu nhược quốc như chúng ta, vấn đề đặt ra, tuy theo một tỷ-lệ-xích nhỏ bé hơn nhiều, nhưng cũng là muốn dân tộc được sống còn thì phải hạn chế bớt lòng tham về đủ các khía cạnh như đã nói trên. Vấn đề chỉ có thể dễ giải-quyết hơn phần nào nếu được nhờ tinh thần dân tộc mà cảm thông sự liên đới giữa các thành phần trong xã hội và các thể hệ trong dân tộc

Một cách cụ thể, có thể phác ra đây vài nguyên tắc về cách học tập và sử-dụng kỹ thuật khoa học theo hoàn cảnh sinh hoạt của xã-hội chúng ta.

1. Kỹ-thuật khoa học phải nhằm mục đích nâng cao mức sống cho toàn dân. Câu phương ngôn bình dân : « ăn trông nồi, ngồi trông hướng » phải được hiểu rộng ra ngoài phạm vi một mâm cơm, đến mọi ngành sinh hoạt của xã hội. Điều tối kỵ là để cho một thiểu số được nhờ kỹ thuật mà khai thác đại đa số. Nếu thế sẽ có sự chênh lệch quá đáng trong nếp sống giữa các tầng lớp xã hội. Đó là nguồn gốc mọi sự khiêu khích, nghi kỵ, ghen ghét, oán hờn, làm mồi cho những kế hoạch chia rẽ trị của thực dân cũ hay giai cấp đấu-tranh của thực dân mới. Cả hai đảng đều là hình thức « nổi da sáo thịt » phản dân tộc.

2.— Giáo dục kỹ-thuật phải đào tạo nên những thể hệ trí thức biết sáng-tác, đủ khả năng hành-động để kiến-tạo xã-hội với điều kiện của xứ sở. Không nên quá lệ thuộc vào ngoại bang về bất cứ một phương-diện nào (nguyên-liệu, tài chánh, kỹ-thuật, chuyên-viên,

bằng cấp...) Chỉ nên công nhận giá trị chuyên môn của bằng cấp theo khả năng kiến tạo xứ sở mà thôi. Phàm những gì chỉ còn tính cách giả tạo, hư vinh, nên cương quyết loại bỏ.

3. — Trong những khoa kỹ-thuật học Âu-Mỹ dĩ-nhiên có nhiều môn rất hữu ích, cần thiết, phải nghiên-cứu để xây dựng xứ sở. Nhưng phải biết lựa chọn. Với sự tiến bộ mau lẹ của khoa học và sự tiếp xúc với Đông-phương, chính người Âu-Mỹ cũng luôn luôn phải tìm cách thích ứng học vấn của họ với thời đại. Nếu chúng ta chỉ biết nhắm mắt theo đuổi họ « cho kịp », nghĩa là bắt chước cho hết, thì chắc chắn không bao giờ « theo kịp » mà lại lâm vào những cảnh bế tắc mà chính họ đang phải cố gắng hết sức mong thoát ra. Biết đâu sự sáng suốt của chúng ta chẳng phải là một phần đóng góp vào sự sáng suốt cho cả nhân loại?

Theo mấy nguyên tắc đó chẳng phải là một chủ trương quốc gia quá khích mà chỉ là một chủ trương tự vệ mà thôi. Và như thế cũng là phần đóng góp vào hòa bình cho thế giới và nhân đạo cho loài người. (Như trong một bài trước đã nói). Bởi vì không có gì kêu gọi dã tâm xâm lăng của ngoại bang bằng một cái mồi ngon như một dân tộc không biết cố gắng tự vệ.

Để kết thúc hai mục trên về « chánh-trị », và « kỹ thuật » xin nhắc lại đây một câu nói của T.T. Ben Gourion mà một phái viên sang Do-thái đã được nghe lỏm về kể lại. Một nhà kinh doanh Do-thái tỷ phú ở nước ngoài viết về

hỏi chánh phủ xem nếu ông bằng lòng hồi hương thì chánh quyền sẽ dành cho công việc gì. TT. Ben Gourion trả lời : « Công việc trước nhất là ông phải tập lại làm người Do-thái ». — Dĩ nhiên không có tinh thần như Ben Gourion thì mong sao với ba triệu dân đương đầu nổi với cả khối Ả-Rập thống nhất có hàng mấy trăm triệu người ?

Thích ứng với thời đại

Trong phạm vi Học đường, đề thích-ứng công việc giáo-dục với thời đại, mà không quên chánh nghĩa quốc gia là gìn giữ sự sống còn của dân tộc, trước hết nên xét vấn-đề về phương diện bản thân nhà giáo, rồi mới nói đến việc dìu dắt học-sinh được.

Đối với bản thân nhà giáo. —

Chúng ta nên kiểm-điểm lại xem, trên bình diện kiến thức và kinh nghiệm của mình, có những gì đã phải học tập mất nhiều công phu để thi cử, để đạt tới địa vị hiện hữu trong cộng đồng xã hội, nhưng kỳ thực chỉ có tính cách giả tạo không lợi ích gì cho sự sống còn và sự phát triển của dân tộc ; hay tệ hơn còn trói buộc dân tộc vào chế độ bị trị xưa. Ta hãy tạm gạt bỏ những cái đó sang một bên cho đỡ bận tâm và đỡ tốn thời giờ. Kiểm điểm thực kỹ ta sẽ thấy được những cái đó gồm một số lượng khá lớn những rơm rác phiền phức, hoặc những trang điểm lỗi thời... nếu gạt ra được hết sẽ giải tỏa được nhiều nghị lực tâm tư và thời giờ quý báu. Ngoài ra sẽ còn lại những gì ta thấy cần thiết cho sự xây dựng dân tộc, nhưng vì mình còn thiếu khả

năng thực tiễn đề hành-động, nên chưa thực hữu ích. Bảng kết toán đó làm xong ta sẽ thấy chỉ việc đem cái sở nghị lực tâm tư và thời giờ được giải tỏa kia mà dùng vào việc bồi bổ những khả năng còn non kém này cho vững mạnh thêm lên đề hành-động cho đặc lực.

Đường lối cách mạng bản thân thiết tưởng chỉ có thể. Nhưng sự thực là nói tuy giản dị mà thực hành chẳng phải dễ. Là vì ai nấy đều bị cái « ã sống » hiện tại của mình, của hoàn cảnh và cái tiềm thức của bản thân nó thúc đẩy quá mạnh. Muốn thắng nổi những ma lực chướng ngại đó, phải dùng đến những phương pháp tu-trì như các nhà chân tu xuất gia cầu đạo ; Nhưng may thay cho nhà giáo ! Ngoài cái « thanh danh của nghề thầy » mà ai nấy đều biết quý trọng chúng ta còn được nhờ một yếu tố khác của nghề nghiệp nó có thể nâng đỡ chúng ta rất nhiều. Đó là đối tượng nghề nghiệp của chúng ta là cái tuổi trẻ phải hướng dẫn, cái tuổi thường dễ thương hơn cả, nhất là ở bậc tiểu-học. Càng được thấm nhuần tình liên đới dân tộc, ta càng được cảm thấy học-sinh gần gũi chúng ta chẳng kém con cháu ruột thịt trong nhà. Với một lòng thương rộng rãi và sáng suốt, chúng ta có thể vì tuổi trẻ mà cố gắng tránh được những lỗi lầm của thế hệ chúng ta và chuẩn bị cho thế hệ chúng một hoàn cảnh tương lai và những đức tính thuận lợi đề chúng dễ thành công hơn chúng ta trong nghĩa vụ xây dựng cho bản thân và cho đất nước.

Đối với học sinh, như vậy, mục tiêu hành động của nhà giáo ở nhà trường thực đã rõ ràng và chính xác. Ngay trong những điều kiện hiện hữu chúng ta đã có thể làm việc với một tinh thần cách mạng hợp lý.

1.) Trước hết cần phải đổi mới cái quan-niệm học tập ở nhà trường, quan niệm đã từ lâu bị khoa cử chi phối quá nặng nề. Với sự bãi bỏ kỳ thi tiểu-học và sau này đến cả bậc trung học đệ nhất cấp, văn bằng cũng được thay bằng một chứng chỉ thôi, việc đổi mới kia có thể thực hành được không khó lắm. Mà lại cần thiết lắm nữa. Bởi vì cái động lực thi cử không còn, phải e rằng gia đình và học sinh không mấy thiết tha đến việc học nữa chẳng ?

Tuy nhiên sự ham hiểu biết và cái tính thích thi đua bao giờ cũng dồi dào ở tuổi trẻ. Chúng ta phải biết dùng những sở thích đó đề rèn luyện cho học-sinh những khả năng thực tiễn và những đức tính đề sẵn sàng góp công vào một cộng đồng xã hội. Có thực tài và đức hạnh là cái vốn chắc chắn nhất cho tương lai của chúng.

Muốn đào tạo cho chúng lấy tài và đức chân thực, điều quan hệ nhất là phải gìn giữ và khuyến khích cái tính thành thực tự nhiên của con trẻ. Phạm trong sinh hoạt ở nhà trường phải lấy sự thành thực làm đầu. Thành thực chẳng những đối với thầy với bạn mà còn cả với bản thân mình. Đề tránh cho chúng những cơ hội muốn che đậy lỗi lầm, muốn gian lận đề lấy phần hơn,

nhà giáo phải hết sức thận trọng việc thưởng phạt, cho đến cả những lời phê phán khuyên răn. Thái độ khôn khéo nhất là không bao giờ nên nhấn mạnh vào những lỗi lầm những hơn thua của trẻ. Chính vì lẽ đó ở ngoại quốc có nơi người ta không cho điểm vào bài vở sổ sách. Chỉ chọn lấy một số ít bài vở khá nhất đem niêm yết cho cả lớp xem làm mẫu. Cuối năm có căn một căn bản về học lực để phát thưởng, chỉ tính theo số « tác phẩm » được trưng bày mà thôi. Thực là nhẹ nhàng mà vẫn có sự khuyến khích cho thành công.

Đối với nhà giáo, hướng-dẫn trẻ thế nào cho dư luận của lớp học, của nhà trường, được đủ sáng suốt và sức mạnh để khiến cho mỗi học sinh tự biết cố gắng học tập một cách xiêng năng và thực hữu ích cho bản thân, ấy là sự thành công tuyệt vời của nhà giáo.

2.) Đối với một dân tộc như chúng ta đã từng bị tù lâu năm, cái nạn « chia rẽ tri » nó tiêu hao nguồn thông cảm rất nhiều, và từng bị cái tinh thần khoa cử nó đẻ ra độc đoán, tham nhũng, dối trá, lừa đảo, nhà trường nên đặc biệt chú trọng về phương-pháp làm việc tập thể. Nhờ sự làm việc tập thể người ta mới có thể trao đổi lẫn kinh nghiệm với nhau, tránh bớt được lỗi lầm và tăng gia phần hiểu biết. Lại cũng nhờ làm việc tập thể mà người ta có thể thông cảm được với nhau và tăng tiến về kỷ luật tự giác để tiến tới đoàn kết thực sự. Đành phải công nhận rằng đó là những đức tính hiện nay

chúng ta còn thiếu sót nhiều hơn cả. Chúng ta phải hết sức cố gắng để huấn luyện cho những thế hệ tương lai bồ túc vào đây, càng sớm càng hay.

Trong các môn học của chương trình hiện hành, thiết tưởng đề tài nghiên cứu có thể tìm ra, nhất là về phần thực tập, rất nhiều cơ hội cho trẻ làm việc tập thể. Chẳng hạn đề làm một bài luận quốc văn, có thể cho phép vài ba học - sinh gom góp tài liệu, kinh nghiệm, tài-năng, chữa lẫn cho nhau. Buổi đầu những em kém sẽ ỷ lại, nhưng sau một thời - gian được đọc bài của bạn, nhận ra cách thức làm việc, không « sợ » thì thổ khả năng của mình nữa, sẽ nảy ra ý « muốn thử » xem sao. Chỉ cần liệu xoay trở cho cái « sợ » kia sớm được thay bằng cái « muốn thử » này. Về lịch sử, một triều đại đặc-biệt có thể ghi đậm vào óc trẻ bằng một vở kịch ngắn cho tập diễn trong vài chục phút. Một bản đồ địa - lý khổ lớn để treo có thể là một công trình để cho nhiều học sinh đem tài trí cộng tác với bạn, v . v Nên nhớ rằng về ca, vũ, nhạc, về thể dục thể thao, nhà chuyên môn phải tốn công phu nghiên cứu và sáng tác mới tìm ra được những vở biểu diễn, những trò chơi tập. đoàn. Vậy về trí dục sao không có thể mong được những công trình tương tự.

Sau hết nên lưu tâm đặc biệt về Hiệu-đoàn. Nguyên tắc Hiệu đoàn là một sáng kiến rất hay về phương diện làm việc tập thể. Hiện nay hầu hết các nhà trường công - lập và tư thực đều có thành lập Hiệu đoàn. Tuy nhiên

phải công nhận nó chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng và chưa được chăm nom chu đáo. Có lẽ vì kết quả của Hiệu đoàn không được nhìn nhận đến trong các kỳ thi cử. Cái tệ xảy ra là người lưu tâm đến thì ít mà kẻ tìm cách lợi dụng lại nhiều, cả về phía đoàn viên lẫn phía người trông coi và đến cả kẻ đứng ngoài cuộc cũng lợi dụng nữa. Cho nên Hiệu đoàn biến thể rất mau lẹ, rồi đến khi người ta nghĩ đến dùng nó vào hoạt động chánh trị thì quả thị là rất tai hại.

Nên nghiên cứu lại. Nếu cho sự làm việc tập thể là một phương pháp giáo dục cần thiết trong hiện thời thì chỉ nên giới hạn mục đích Hiệu-đoàn đến đây thôi, và phải đặt phạm vi sinh hoạt của nó trọn vẹn dưới quyền hành của nhà trường không hơn không kém.

Đến cái quan niệm «Hiệu đoàn tập cho trẻ có óc thực tế và tài tháo vát ngõ hầu khi ra đời khỏi bơ ngỡ» cũng nên khước bỏ. Tại sao? Là vì óc thực tế và tài tháo vát thì trong khi cộng tác với anh em, học - sinh phải thảo luận để tìm ra một quyết định chung, phải phân công để thi hành quyết định cho khéo léo tất nhiên óc thực tế và tài tháo vát của trẻ được rèn luyện. Mà giữa bạn học đã hiểu biết nhau, sự cảm thông hoàn toàn thành thực, hành động cũng giữ được tính cách hoàn toàn thành thực. Ngoài đời sự cảm thông thường giả tạo, pha trộn nhiều ham muốn thầm kín, cho nên người đời phải dùng mảnh lời, thủ đoạn. Nếu

đề vào mục tiêu của Hiệu - đoàn : « ngõ hầu khi ra đời khỏi bơ ngỡ », có khác nào chủ trương trẻ phải lấy những mảnh lời và thủ đoạn kia làm mẫu mực? Thủ đoạn mà được rèn luyện ngay từ dưới mái nhà trường thì chắc chắn là cái xã hội ngày mai còn nhiều tệ đoan hơn cái xã hội hôm nay.

Có dư luận cho rằng ra đời kém thủ đoạn thì chết sớm. Không phải vậy. Kém thủ đoạn, chỉ cần kìm hãm bớt lòng tham (đấy lại là một đức tính tốt) vẫn có thể sống được; nhớ vấp phải thủ đoạn một vài lần là thấy rõ và biết tránh là đủ. Chúng có là đầu sao trong xã hội vẫn còn khá nhiều người không cần thủ đoạn mà vẫn còn sống, có khi lại «sống lâu» hơn kẻ khác nữa. Nay chúng ta muốn làm cách mạng là cốt mong cho số người đó mỗi ngày thêm đông hơn. Và khi nào họ biết cùng nhau cộng tác với cái tinh thần đoàn kết mà chúng ta đang lo rèn luyện cho học sinh thì dân tộc chẳng những sống lâu mãi mà còn biết sống mạnh mẽ nữa.

Không nên sợ sự cách trở giữa nhà trường và xã-hội ngoài đời. Nuôi cá, con người ta còn biết dùng những hồ nhỏ riêng biệt, chờ khi chúng lớn đủ sức tự vệ mới đem thả vào ao lớn cho khỏi bị cá lớn nuốt mất. Huống hồ việc dìu dắt thanh - thiếu - niên, là những phần tử chẳng những cần được bảo vệ mà còn phải được huấn luyện cho sẵn căn-bản khá vững vàng

đề cải - tiến đời cái xã - hội tương lai cho lành mạnh và sáng sủa hơn ngày nay ?

KẾT LUẬN

Tóm lại, đã từ lâu đề hướng - dẫn và cai trị dân, chánh - quyền nào cũng dùng khoa - cử làm phương tiện giáo hóa thanh - thiếu - niên. Trong thời Pháp thuộc, khoa - cử hoàn toàn lấy danh lợi làm điểm tựa, không cần đạo đức dân tộc, và lại được tăng thế lực bằng mãnh lực của kỹ-thuật khoa

học. Cho nên tinh thần khoa-cử chỉ vì danh lợi càng thâm nhập tâm hồn người dân. Ty nhiên nếu còn muốn gìn giữ tính cách một cơ-quan văn-hóa dân - tộc, nhà trường phải lấy sự sống còn của dân tộc làm chánh nghĩa và phải lo dùng khoa cử và nhất là kỹ-thuật khoa-học mà cải-tiến giáo-dục để sửa-chữa lại những lỗi lầm đã khiến cho nguồn thông cảm truyền thống bị tổn thương rất nhiều và dân tộc bệnh hoạn trầm trọng vì hoang mang và chia rẽ sau gần một thế kỷ bị cai trị bằng một chánh sách cực kỳ thâm độc.

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TẠI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng

Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

Món quà năm mới :

KIM CƯƠNG NHÂN TẠO

VÕ QUANG YẾN

NÓI đến kim cương người ta thường liên tưởng ngay đến những vàng, bạc, hột xoàn, cùng những đồ trang sức của các bà. Thật ra ngày nay, ba phần tư kim cương sản xuất được đem dùng trong kỹ nghệ. Đặc biệt Hoa-Kỳ hằng năm tiêu thụ đến 60% tổng số kim cương trích và chế ra được trên thế giới, nghĩa là khoảng 13 triệu cara. Vì vậy ngày nay nhiều nhà kinh tế học theo dõi sự tiến triển của một nước với số kim cương đã đưa ra dùng song song với năng lượng đã tiêu thụ (nhất là điện lực).

Thật vậy, kim cương hiện nay là một chất vô cùng cần thiết cho nền kỹ nghệ tối tân. Nhờ kim cương trong các khuôn kéo chỉ mà người ta đã chế ra được những sợi dây đồng thật nhỏ dùng trong các máy điện tử. Các đầu máy khoan đào mỏ dầu hỏa cũng được trang bị bằng kim cương. Muốn cắt, mài các loại thép đặc biệt, người ta cũng cần dùng kim cương. Vậy thì tăng gia

số kim cương tiêu thụ tức là tăng gia sản xuất kỹ nghệ.

Người ta còn nhớ trong kỳ chiến tranh Triều-Tiên gần đây, có một đạo kim cương bị thiếu và nạn chợ đen sắp sửa bành trướng. Còn trong trận đệ nhị thế chiến trước kia, cường quốc nào cũng đặt kim cương làm sản phẩm chiến thuật quan trọng nhất. Bên phía Hoa-Kỳ, mặc dầu được tự do tiếp tế kim cương thiên nhiên ở Nam Phi, nhất là ở Congô (Bỉ), các nhà lãnh đạo Mỹ cũng đã vội lập chương trình khảo cứu để sớm nhân tạo tổng hợp ra được tinh thể quý báu kia.

Công cuộc học hỏi đã được thúc đẩy gấp rút nhưng cũng phải 15 năm mới giải quyết được vấn đề. Ngày 17-2-1955, lần đầu tiên hãng General Electric thông báo đã tổng hợp ra được những cara kim cương nhân tạo đầu tiên. Bước khó đầu tiên đã vượt qua, ứng dụng kỹ nghệ tiến lên mau

chóng và không bao lâu kim cương nhân tạo đạt lên được số triệu cara. Cuộc tiến triển trong phương sách tổng hợp kim cương nhân tạo thật đã gặp bao nỗi éo le và giờ đây ngồi nhìn lui lại ta không khỏi khâm phục tài năng của các nhà khảo cứu.

Phương pháp chế tạo kim cương nhân tạo

Trong thiên nhiên, kim cương là do than chì (graphite) hay chất cacbi vô định hình (carbone amorphe) kết tinh lại. Nhận thấy một đẳng tỷ trọng của kim cương (3,5) lớn hơn tỷ trọng than chì (2,8) và tỷ trọng cacbi vô định hình (2,6), nghĩa là trong kim cương các nguyên tử bị siết chặt lại nhiều hơn, một đẳng khác kim cương được phát sinh từ những lớp đất thật sâu, người ta nghĩ ngay cần phải những áp lực cực kỳ lớn mới chế tạo ra kim cương được.

Nhà hóa học MOISSAN là người đầu tiên đã chú trọng đến vấn đề. Năm 1893, ông cho than chì vào gang đun nóng chảy rồi làm lạnh tức thì. Khi nguội lại, gang không tan hòa được tất cả than chì đã đưa vào và một số còn lại ở thể cacbi tự do tuy bị ép nén (vì khi nguội lại thì gang co nhỏ thể tích). Đo tỷ trọng các viên cacbi này, ông nhận thấy chúng nặng hơn than chì và kết luận đã tổng hợp ra được kim cương.

Đứng về phương diện khảo cứu, ông MOISSAN chưa đưa đủ chứng cứ đã thành công. Thật vậy, sau này nhiều nhà vật lý học lặp lại thí nghiệm của ông và không sao chế ra được

kim cương. Trong luôn mấy chục năm, nhiều phương pháp đã được học hỏi mà không một phương pháp nào dẫn tới đích. Vào khoảng thế chiến thứ nhất, nhà vật lý học BRIDGMAN đạt đến được áp lực 100 000 atmôtphe mà vẫn không tổng hợp được kim cương. Từ đây người ta tin còn có một hay nhiều yếu tố khác cần phải chỉ định. Người ta muốn tìm xem có một chất gì có thể xúc tác phản ứng tổng hợp kim cương trong vỏ quả đất. Nhiều loại kim cương, quặng mỏ được đưa ra phân tích cặn kẽ. Ngày nay, tuy nguyên tắc đã được bàn tán nhiều, kết quả những cuộc phân tích này còn bị kỹ nghệ giữ kín.

Đằng khác người ta lại biết những siêu âm (ultrason) cho tác dụng lên vật chất thì có thể đảo lộn tổ chức phân tử. Lẽ tất nhiên người ta nghĩ ngay cách dùng siêu âm để sắp đặt lại tổ chức các nguyên tử cacbi, hằng mong đạt được kim cương. Tuy trong thông cáo tuyên dương cuộc thành công chỉ có vài chi tiết, người ta cũng thấy được tính cách quan trọng của phương pháp này : áp lực : 110.000 kilô ; nhiệt độ : 2.700 độ ; thời gian : 16 giờ ; trọng lượng viên kim cương lớn nhất đã chế tạo ra được : 1/10 cara tức là 1/80 gam !

Cạnh tranh giữa hai loại kim cương

1/10 cara, 1/80 gam ! Bước đầu đã đem lại biết bao hy vọng cho nhà khảo cứu tuy cũng làm an tâm mấy chủ mỏ kim cương. Thật vậy, kim cương nhân tạo đang còn nhỏ lắm, lại không trong trắng bằng kim cương thiên nhiên,

nên kim cương thiên nhiên chưa sợ bị lẫn áp, nhất là trong lãnh vực đồ trang sức. Tuy nhiên sự thành công của hãng General Electric cũng đã làm sụt giá ít nhiều những cổ phần của nhóm DE BEERS, công ty hầm mỏ quan trọng nhất hoàn cầu, giữ độc quyền phát bán kim cương thiên nhiên sản xuất khắp thế giới.

Để phòng ngừa một sự cạnh tranh trong tương lai, nhóm DE BEERS, liền cũng kiếm cách chế kim cương nhân tạo. Và tháng 6-1962, trong kỳ Hội nghị quốc tế về kỹ nghệ kim cương ở Paris, công ty DE BEERS hãnh diện tuyên bố nhà máy kim cương nhân tạo xây ở Johannesburg bên Nam Phi đã bắt đầu sản xuất. Tuy vậy, ông H.F. OPPENHEIMER, giám đốc công ty cũng cho biết thêm nhà máy này chỉ để phòng ngừa và đưa ra tiếp sức khi nào cần. Cũng may cho công ty là tình cờ phẩm chất kim cương thiên nhiên Congo và kim cương nhân tạo chế ra ở Johannesburg gần giống nhau.

Nhưng tiếp sau công ty DE BEERS, nhiều hãng khác cũng chế kim cương nhân tạo và giá bắt đầu hạ dần. Vấn đề cạnh tranh bấy giờ mới được đặt ra. Tuy vậy chưa có gì đáng sợ cho nhóm DE BEERS: hiện nay kỹ nghệ tiêu thụ tất cả số kim cương thiên nhiên và nhân tạo sản xuất. Các nhà kinh tế thì chỉ lo cho tương lai, lấy kinh nghiệm trong vụ cạnh tranh cao su thiên nhiên và cao su nhân tạo.

Trước sự đòi hỏi ngày càng tăng, những vườn trồng cao su ở Viễn-Đông vì nằm ở vùng giặc giã, không cung cấp

đủ, kỹ nghệ bắt buộc phải dùng cao su nhân tạo trong nhiều lãnh vực đặc biệt. Nhưng dần dần cao su nhân tạo lan tràn khắp mọi ngành và ngày nay số cao su nhân tạo sản xuất trên thế giới lấn hẳn số cao su thiên nhiên.

Về phía kim cương thì chưa đến mức ấy nhưng bước đầu thật giống nhau: kim cương nhân tạo hiện chỉ được dùng trong một vài lãnh vực mà thôi. Đáng khác vì tình hình không được ổn định ở Nam Phi, những nhà tư bản quốc tế ít dám xuất vốn vào hầm mỏ, chắc rồi đây kim cương nhân tạo sẽ lợi dụng thời cơ lấn chiếm thị trường.

Tính chất cứng rắn và dẫn nhiệt

Về mặt kỹ thuật, cạnh tranh giữa hai loại kim cương là một vấn đề tốn phí. Hiện nay trong một hầm mỏ, người ta phải đập, nghiền từ bốn đến năm trăm kilô quặng mới lấy ra được một cara kim cương. Vậy hỏi tiền tốn ở đây ít hay nhiều hơn vụ thiết lập một áp lực 100.000 atmôtphe để tổng hợp một viên kim cương cùng trọng lượng? Như tưởng hiện nay tốn phí hai bên gần giống nhau và thắng bằng này còn giữ được vài năm nữa.

Về mặt phẩm chất, thoát tiên người ta tưởng kim cương nhân tạo vì do mình gây ra có thể trong sạch hơn kim cương thiên nhiên cấu tạo trong hốc đá dưới đất sâu. Thật ra, muốn kết tinh mau lẹ, do đấy ít tốn tiền, các kỹ thuật gia phải cho vào nhiều chất xúc tác. Vì vậy kim cương nhân tạo không trong trắng bằng kim cương thiên nhiên. Nhưng về mặt cứng rắn, kim cương nhân tạo không

thua kim cương thiên nhiên chút nào.

Nói về cứng rắn có một chất còn cứng hơn cả kim cương: chất borazôn (tức là bori nitrua) nhưng chất này ít dẫn nhiệt. Kết cấu là trong khi cọ xát, số lớn năng lượng biến thành nhiệt lượng, chất borazôn thu ngay cả vào mình, ngày càng thêm nóng nên trở nên ít cứng. Kim cương thì vô cùng dẫn nhiệt và dẫn điện như đồng. Hiện nay người ta chế tạo ra cả một loạt kim cương khác nhau về mặt dẫn điện tùy theo máy dùng. Lắm khi người ta cần một kim cương thật dẫn nhiệt mặc dầu độ cứng bị sụt xuống.

Kim cương trong ngành điện tử học

Tính chất dẫn nhiệt và điện của kim cương liên hệ đến một vấn đề vô cùng quan trọng cho tương lai kim cương: địa hạt điện-tử học.

Đến nay hai chất bán dẫn (semi conducteur) được dùng trong các máy transistor là gecmani (Ge) và sili (Si). Nhưng người ta lại nhận thấy hai nguyên tố này không những có hình thức điện tử giống hệt nguyên tố cacbi (C) mà cả ba chất còn kết tinh một cách giống nhau (hệ thống tinh thể lập phương). Như vậy nghĩa là cả ba chất cùng có tính chất lý hóa học giống nhau. Thật ra trước lúc transistor ra đời người ta đã có nghĩ đến cacbi nhưng ý nghĩ không được thực hiện. Sau này gecmani được đem dùng đầu tiên trong ngành điện-tử học vì tương đối chất này dễ kết tinh hơn si li. Nhưng gecmani mang một khuyết điểm lớn là lên đến 60 độ nó mất cả các tính chất quý báu về điện-tử học. Vì vậy sili dần

dần được đưa ra thay thế. Đến 150 độ, sili còn giữ nguyên các tính chất điện tử học. Hai nguyên tố gecmani và sili khác nhau ở điểm trên đây vì nguyên tử sili nhỏ hơn nguyên tử gecmani. Vậy thì chắc cacbi còn tốt hơn nữa vì nguyên tử cacbi còn nhỏ hơn cả nguyên tử sili. Thật vậy, các tính chất điện tử học vẫn còn tồn tại trong cacbi đến 1500 độ!

Nghiệt một cái là trong số 15 triệu cara kim cương trích ở các mỏ ra, chỉ có vài trăm cara có tính chất điện-tử quý báu kia. Vậy kim cương thiên nhiên không thể hoàn toàn cung cấp cho kỹ nghệ. Các nhà khảo cứu ở công ty DE BEERS liền tìm kiếm kỹ thuật chế biến những mẫu kim cương thiên nhiên hoàn toàn trong sạch ra những mẫu tuy «bần» hơn nhưng lại có tính chất điện tử học cần yếu. Nguyên tắc là cho vào kim cương thiên nhiên ít nhiều «chất độc» của các chất bán dẫn. Hai kỹ thuật hiện đang được khảo cứu. Trong kỹ thuật thứ nhất người ta cho đốt nóng kim cương với những «chất độc». Dần dần các «chất độc» được khếch tán vào kim cương. Phương pháp này có một khuyết điểm là nếu đốt quá nóng, kim cương lại biến ra than chì! Trong kỹ thuật thứ nhì người ta muốn dùng quang tuyến chiếu vào kim cương. Khuyết điểm của phương pháp này là không thể cho vào kim cương nhiều loại «chất độc».

Chỉ còn có một kỹ thuật khác nữa là chế ngay ra kim cương nhân tạo có tính chất điện tử mong muốn. Công cuộc này thật là khó khăn. Nhưng vừa rồi hãng General Electric cho biết cuộc tổng hợp đã thành công và có thể chế tạo số lớn ở kỹ nghệ.

Bên cạnh các transistor, rồi đây kỹ nghệ không gian và kỹ nghệ máy bay siêu âm sẽ tiêu thụ nhiều kim cương loại này. Các nhà khảo cứu đang còn nhiều việc làm. Còn phía các bà thì xin an tâm đừng sợ kim cương sụt giá.

VÕ QUANG YẾN

Dưới đây là một đoạn trích trong một bài diễn văn của MOISSAN đọc năm 1893 nhân cuộc khám phá ra cách tổng hợp kim cương nhân tạo. Xin chú ý tính chất thi nhân của nhà khoa học thời xưa.

« Trong một bản thơ sầu trách những tiểu phu rừng Gastyne, nhà thi sĩ già (Pháp) Ronsard của chúng ta đã hùng

biện lên tiếng chống đối những người đã chặt đốn những cây cối đẹp đẽ mà ông thường thích ngồi mơ mộng dưới gốc. Và sau khi nhắc lại vạn vật thay hình, thung lũng một ngày nào có thể biến thành núi cao, lúa mì thay thế rừng sâu, ông chấm dứt bản bi ca với câu thơ sau :

– Vật chất tồn tại và hình thể mất dần.

Câu thơ này của Ronsard trở lại nhiều lần trong trí óc chúng tôi nhân những biến dạng vô số của cacbi. Chắc chắn là trong số các chất hóa học, cacbi là chất hiện ra dưới nhiều hình thức khác nhau, với những thể diện hết sức thay đổi, nhưng trong cacbi vật chất luôn luôn tồn tại ».

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẺM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI ĐÈN BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siền — Téléphone 20.821 — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E.5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

TRUYỆN 2 KỶ :

Trùng - Dương

VỪA ĐI VỪA NGƯƠC NHÌN

(Xin xem B.K. từ số 193-194)



H IỀ N xuống đến đường. Bây giờ mình sẽ xoay tiền ở đâu ? Hiền vừa đi vừa ngẫm nghĩ. Đèn đường bắt đầu chiếu sáng. Khu phố nàng đi là một khu phố đại đa số là người Tàu ở. Dân phố lũ lượt kéo nhau đi dạo. Họ nói xì xồ một thứ tiếng Hiền nghe nhiều nhưng vẫn xa lạ đối với nàng. Họ nhón nhơ sau một ngày bận rộn với những việc buôn bán vật vãnh hay to lớn, nhặt nhạnh từng đồng từng cắc, chắt chiu dành dụm để làm gì không biết. Hiền vừa thèm muốn được như họ, vừa bĩu môi coi thường. Vậy chứ mày muốn gì, hả Hiền ? hả Hiền ? Đột nhiên Hiền muốn chửi đồng, hay muốn đập vỡ một cái gì cho bứt bực tức, cay đắng. Nàng chê bai mọi người, mọi nghề trong khi đó nàng ngửa tay đi xin tiền — một hình thức tổng tiền — của gã nhân tình cũ mà liên hệ còn lại giữa nàng với gã thật mong manh. Nàng là kẻ bại trong cuộc chơi đó rồi. Nàng ôm khư khư quan niệm «mọi phương tiện đều tốt cả» vì một ý thích làm ra vẻ tàn nhẫn, tàn nhẫn đối với cả cái bản chất dễ xúc động của nàng ! Nhưng nàng vẫn thấy nhục nhã và do dự trong hành động xin tiền. Hiền bĩu môi cau kinh và bước mau hơn, xua đuổi những ý nghĩ mâu thuẫn, hèn hạ.

Hiền cảm thấy mệt mỏi, quá mệt mỏi, số tiền còn lại chỉ vừa đủ một cnốc xe về nhà. Về nhà rồi, còn ngày mai với cái túi rỗng tuếch thì sao đây ? sao đây ? Hiền vẫn đi bộ, hy-vọng rút ngắn được quãng đường một phần nào. Hiền nhớ lại một mẩu chuyện nho nhỏ mà nàng nghe được giữa bà chị Hiền và mẹ nàng :

— Nó đã lớn rồi, sao không đi làm ? Đi làm có phải tha hồ mà tiêu pha, sắm sửa. Học mãi làm gì ? Ích gì đâu ? Dạo con mười tám tuổi, đã đi làm rồi...

Hiền biu môi rất dài khi nghe câu nói ấy. Cố nhiên đi làm sẽ có tiền tiêu pha tha hồ. Nhất là lại đi làm cho Mỹ với tiền lương rộng rãi. Như chị. Rồi lấy một anh chồng cũng đi làm. Hai vợ chồng cùng đi làm ban ngày, rồi tối về nói chuyện, những câu chuyện mà Hiền tưởng tượng nếu phải nghe thì rất chán ngán — hoặc dắt nhau đi ciné hay đi dong phố, rồi đêm về làm ái tình, rồi đẻ một lô con, rồi vẫn đi làm, cả hai vợ chồng, rồi già, rồi chết. Hết.

Vậy chứ nàng muốn gì ? Chả muốn gì cả. Một cuộc sống càng ít ràng buộc càng hay, sẵn tiền để đi học, đọc sách, suy nghĩ, và rồi cũng chết, cố nhiên. Nhưng ít ra. . ít ra... Thật chả ích gì. Thật thế, tất cả nào có ích gì đâu. Hiền thấy chán ngán. sống như mọi người: đang chán. Sống theo đường lối do chính mình tạo ra: cũng chán. Tự tử: không đủ can đảm. Toàn là những cố gắng mệt mỏi. Hiền thấy thương cho thân mình. Nàng có cảm tưởng như một người leo lên một cái thang, mỗi khi nàng lên khỏi bậc nào thì bậc đó bị rơi rụng ra. Bắt buộc phải leo lên. Có ai lắp giùm cho những bậc thang ở dưới để mình leo xuống không ? Người tri kỷ đi đâu hết rồi ? Phan ơ ? Phan ơ ? Trước gia đình còn đặt hy vọng ở Hiền. Sau họ đâm nghi ngờ. Hiền cũng không mong gì hơn là người ta thất vọng về mình. Đề Hiền có thể thả đông tư tưởng của mình. Đề Hiền làm những gì mình muốn và tự do đem cuộc đời mình ra thí-nghiệm. Cuộc đời, Hiền nghĩ, nếu đã chẳng thể mang làm mục đích, thì xử dụng nó như một phương tiện — phương tiện để hiểu biết, để làm đầy những khoảng trống và đề qua nó, người ta bắt tay với cái chết không một mảy may trông chờ một hứa hẹn nào ở cuộc gặp gỡ này cả. Hiền không muốn nghĩ nữa, không muốn nghĩ gì hết. Nàng cầm đầu chạy ra khỏi khu phố đông đảo. Một vài người ngó nàng bằng cặp mắt dò hỏi. Mặc.

Đến một quãng đường vắng, Hiền đi chậm lại. Mồ hôi ra đầy áo, in rõ những khoảng ướt và đẫm ở hai bên nách và lưng. Sao lại tội tình thế này nhỉ ? Không, mình không điên. Mình còn ý thức mà. Chỉ muốn kỳ dị đôi lúc đấy thôi. Hiền vừa đi vừa thở. Tự cảm thấy bạc nhược. Bây giờ nếu mình có can đảm, mình sẽ ra nằm dài trên mặt đường cho xe hơi cán qua, cho dập đầu bẽ óc — cái đầu óc hay nghĩ ngợi, vô ích, vô dụng ! — gãy chân, gãy tay. Hiền khẽ nhắm mắt lại ! Vĩnh biệt. Vĩnh biệt cuộc sống. Vĩnh biệt Phan. Vĩnh biệt những kỷ niệm vui buồn, chua xót, những lầm lỡ thuở mới lớn. Phan sẽ nghĩ gì ? Hiền muốn ứa nước mắt. Nàng vẫn bước đi những bước uể oải. Hiền cảm thấy buồn vô cùng. Và cô đơn. Muốn khóc lắm nhưng đâu dễ như vậy. Nhưng thật sự có gì đâu, thực sự có gì đâu

cơ chứ ? Hai bên mép Hiền trễ xuống trong dáng điệu khinh bạc, chán chường... Minh vẫn còn khinh bạc. Vẫn còn... Hiền nghĩ đến Phan. Phan tuy thế còn bình thường. Thật ra từ lâu rồi Hiền không dám tìm đến một người bạn nào. Hiền muốn ở một mình, muốn sẽ chết một mình. Sự bất bình thường xảy ra trong Hiền càng lúc càng mãnh liệt, nàng càng sợ gặp những người bạn cũ. Họ làm sao hiểu được nàng ? Cả đến Phan nữa cũng vậy, cũng khuyên nàng những lời rỗng tuếch và đã phá việc tự tử mà nàng vẫn coi như một việc làm khó khăn và trù mẩn vượt ỷ định đó. Hiền sinh ra ghét sự lạnh mạnh của mọi người. Hiền nhớ đến một đoạn văn đã đọc được của một văn sĩ trẻ tuổi người Nga : « Bỗng nhiên anh đâm ra căm thù cả loài người ». Anh căm thấy không còn muốn gì nữa, muốn ai nữa. Anh bỗng nhớ đến việc các loài ác thú, mỗi khi lâm bệnh, thường chạy trốn vào nơi rừng thiêng nước độc để tự chữa bằng dược thảo, hay để được chết yên thân một mình ». Hiền tự so sánh mình với loài ác thú, và lấy làm thích thú về ý-nghĩ đó.

Hiền chán chường. Hiền thiếu thốn. Hiền kiêu hãnh. Hiền tự ái. Hiền Hiền Hiền .. Mày có chịu nằm im không ? Sao ngo ngoáy mãi vậy ? Nếu có cách nào tao giết được mày. Đầu óc ời.

Hiền băng qua đường, mắt vẫn trông chừng xe cộ, nhưng lại tự ý đứng sát vào đường bánh xe hơi đi qua. Vù. Hai tà áo như chực bay theo chiếc xe hơi vừa phóng qua. Hiền thấy mình thản nhiên. Chết đâu có dễ gì. Thật thế. Chết đâu có dễ gì. Một vài cái đầu thò ra khỏi cửa xe.

— Muốn chết hả ? Đồ . . .

Tiếng nói mất hút theo chiếc xe. Hiền dương mắt nhìn theo, bướng bỉnh :

— Muốn đấy !

Dưới ánh đèn đường, từng khoảng bóng tối của hàng cây in xuống mặt đường nhựa. Hiền cúi đầu đi trong khoảng bóng tối ấy, nhất định không thêm nghĩ gì thêm nữa. Thật thế. Nhất định.

Một chiếc Vespa Italie ghé sát vào chỗ Hiền. Gã đàn ông thả lỏng tay « ga ». Đôi khi mình quên hẳn đi là mình là con gái — Không, là đàn bà, mang thân phận của một giống cái, của một tên tù bị tù đến lần thứ hai trong cái cuộc sống mà nó được sinh ra : nhà tù của thân phận đàn bà. Hẳn, gã đàn ông kia muốn gì ? Tán tỉnh theo thói quen ? Mời đi ăn, rồi đi ngủ với hẳn, và trả tiền hẳn hỏi cho cái nghề làm bạn đồng hành trong một đêm ? Hiền khẽ nhún vai ghê tởm. Nhưng trong thoáng giây nàng nảy ra ý định nhận lời nếu gã mời. Một lần thôi. Phiêu lưu một chuyến thử xem. Với một kẻ lạ mà. Ai biết đấy vào đâu ? Ngày mai lại trở về với con Hiền, Hiền của chán chường, mệt mỏi. Nhưng có chắc như vậy ? Hay đề ngày mai lại tự khinh bỉ hơn và mệt mỏi hơn ?

Gã đàn ông bắt đầu cười cười và gọi « Em ời » Hiền bỗng đứng dừng lại, nhìn gã chăm chú từ đầu đến chân. Gã đàn ông vẫn tiếp tục cười và định nói thêm.

Hiền thấy rằng mình đã có đối tượng để mà nổi giận. Nhưng để làm gì chứ ? Thật thế. Tất cả chả để làm gì cả ! Nàng hất mái tóc xõa xuống trán và đứng hẳn ra phía có ánh sáng, nói chậm rãi, khô khan :

— Ông nhầm rồi. Tôi không phải là hạng gái ông tìm đâu. Đừng làm phiền tôi.

« Tôi là một người đàn bà trí-thức, trí-thức vì những điều tôi nói ra, người ta tặng cho những kẻ bán khoán nhiều về cuộc sống, về ý nghĩa cuộc đời cái danh hiệu « trí thức » như thế đấy. » Cũng có thể người ta tự phong chức cho mình, vì sự lười biếng và hèn nhát không dám nhận mình chán chường vì bạc nhược, bệnh hoạn ». Hiền nghe tiếng cười chua xót ở bên trong. Hiền tự thương cho mình. Thực sự tôi chỉ có cái vẻ bề ngoài xem ra quý phái trí thức đấy thôi. Tôi vừa xin tiền của lão nhân tình cũ. Người ta bảo những người trí thức không bán khoán về những điều thấp hèn vậy hoặc là tôi không là hạng người đó, hoặc là nói như thế chẳng khác nào ngăn cản những kẻ được tôn làm thần tượng không nên và không được ăn uống gì cả. Nhưng dầu sao tôi cũng chưa phải là hạng gái mà ông định tìm. Tôi còn được bố mẹ cho ăn nhờ ngày hai bữa cơm, cho ngủ nhờ và vẫn không ngớt chê bai tôi là vô dụng vì tôi đã chê bai mọi người tầm thường, và chê bai cả chính tôi vì tôi chả là cái gì cả. Tôi thiếu một chỗ đứng, không một chỗ đứng. Biết vậy nhưng vẫn phải sống. Biết vậy nhưng không thể chết. Để cứ mãi chán ngán, buồn nản. Để cứ... Để cứ...

..

Mười lăm tuổi tôi biết có đàn ông và tôi yêu một gã con trai hơn tôi có hai tuổi. Mười bảy tuổi tôi biết đàn ông có thể đem đến cho tôi được cái gì sau khi đã thất thân với một gã hơn tôi hẳn một giáp. Tôi ghê tởm đàn ông, ghê tởm loài người. Nhưng tôi còn ghê tởm tôi hơn nữa. Tôi đổ đạt sớm nhưng đã biết khinh mình bằng sau khi có nó vì tôi tự cảm thấy mình có quá nhiều lỗ hổng. Tôi đọc sách nhiều hơn để thấy mình chán đời hơn. Nhưng tôi đâu có muốn thế. Quả thực tôi đâu có muốn thế. Tôi đâu có muốn thế.

Hiền đi qua đi lại mấy lần trước khi quyết định bước vào nhà Li, nơi mà nàng biết chắc sẽ gặp Phan. Bỗng nhiên Hiền thấy cần gặp Phan vô cùng. Nàng cảm thấy trống trải quá. Nàng muốn có Phan để kể lè, và nếu có thể, để khóc. Hiền hỏi một trong những người đang ngồi may giữa đồng mui nệm và vải nhựa :

— Anh cho tôi hỏi Phan có đây không ?

Người làm công con trai ngược nhìn Hiền, rồi quay vào nói với một đứa bé trai đang chơi gần đấy :

— Lên bảo anh Phan có khách, mày !

Đứa bé nhìn Hiền rất nhanh, rồi bỏ chạy vụt vào phía trong. Hiền nghe tiếng

nó gào anh Phan ơi có chị Hiền lại hỏi anh nè. Hiền nghe và tự nhiên cảm thấy ấm áp. Xong, đứa bé trở ra, tiếp tục chơi, tư coi như đã làm xong nhiệm vụ.

Hiền đứng đưa mắt nghịch với những màu sắc của đồng vải nhựa. Đỏ xanh vàng. Vàng đỏ xanh, xanh xanh, vàng vàng, đỏ đỏ.

Phan đi xuống, đôi vai hơi nhô ra phía trước, trong một lối phục sức chềnh-mảng : quần jean và áo sơ mi carô chui cổ. Thân thể anh to lớn, rắn chắc, khỏe-mạnh, nhưng buồn — một vẻ buồn phảng phất trên mớ tóc sũ xuống trán trên đôi mắt mở rộng như muốn thu cả khoảng rộng không trước mắt ; và miệng cười lơ là, máy móc, bất cần. Tự nhiên Hiền thêm được ôm lấy anh và siết chặt người anh vào người mình, gục mặt vào ngực anh. Chúng mình cùng mệt mỏi, có phải ? Nhưng anh còn khá hơn tôi. Nhưng Phan còn khá hơn tôi. Tôi vừa cảm mến anh ở đó, tôi cũng vừa ghét anh ở đó — ghét để thấy rằng mình khao khát được gần anh hơn. Tôi đã phải tự tranh đấu ghê gớm lắm trước khi đến đây tìm anh. Để làm gì, nào tôi có biết ? Chúng mình gặp nhau bây giờ nào có để làm gì ? Bởi đối với chúng mình bây giờ có còn vấn đề gì nữa đâu để mà nói ? Tất cả đều vô ích. Thật thế. Tôi mến yêu anh thật tình. Nhưng tôi cũng còn thù anh vì : luôn luôn sau khi anh đi rồi, hay cũng có khi anh còn đây, tôi cảm thấy cô đơn đến cùng tận tâm hồn. Sự cô đơn của chúng mình rộng lớn quá, làm sao lấp cho đầy ? Tôi nhớ anh tha-thiết, tôi nhớ Phan tha thiết, nhưng lại bâu môi khinh miệt ý định tìm đến anh. Tuy vậy, bây giờ đây, ở trước mặt anh, tôi không còn muốn nghĩ gì thêm nữa. Không muốn nghĩ gì thêm nữa. Phan ạ. Anh cười, nụ cười lung linh và tiến về phía em. Anh cười tươi nhưng vẫn buồn. Hay tại hồn em buồn vì em biết chắc em đang nghĩ đến câu anh nói với em một lần, rằng anh cố gắng tập cho mình một thói quen cái thói quen yêu đời vì nghĩ rằng chỉ còn cách ấy. Câu nói ấy đã gọi lên trong em một cảm giác chua xót thế nào.

— Lâu lắm mới gặp Hiền.

Hiền nghe lời chào mà thấy thêm được khóc. Nàng chỉ nhìn Phan và cười sung sướng.

— Lên lầu chơi đi ? Phan đề nghị.

Hiền gật đầu và bước theo Phan lên lầu. Tâm hồn nàng trẻ hẳn lại. Phan ơi. Lúc nào anh cũng vậy. Anh cứ cố tình cách biệt em. Anh bảo để cho tình thân giữa chúng mình nguyên vẹn và đẹp. Em công nhận điều đó trong khi hồn buồn cay đắng. Anh cũng buồn, chính anh thú nhận như vậy. Em cười khi nghĩ rằng chúng mình nào có khác Tristan và Yseult ngày xưa đặt một cây gươm trần giữa hai người khi ngủ, để giữ cho mối tình được đẹp, được trong sạch mãi. Trong khi đó mỗi người bơi trong sự cô đơn và nhớ nhung và vô nghĩa và chán nản chúng mình đây.

Hiền nhìn hai bờ vai rộng, nghiêng về phía trước của Phan. Cuộc đời. Buồn cười nhỉ. Tristan ơi. Yseult ơi.

Lên hết bậc thang, Hiền biết mình đang ở tầng lầu thứ ba. Dưới ánh đèn điện những đầu người lơ nhô. Hiền quen biết hết cả. Thấy Phan và Hiền lên, họ chào Hiền rồi tự động rút ra ngoài terrasse, nhường cho hai người căn phòng nhỏ bừa bộn những sách vở, giấy bút quần áo, tàn thuốc lá và đủ các thứ tạp vật khác. Hiền nhìn những bức vẽ khỏa thân bằng fusain và mực tàu trên bốn mặt vách. Nàng lưu ý đến vài giòong chữ nhỏ, vui nhộn trên tường : « Con về ngay. Ba đã tha lỗi cho con và hứa sẽ cưới vợ hai cho — Ba ». Hiền cười một mình.

Phan thu dọn một chỗ ngồi cho Hiền, rồi cười nói :

— Đây là trụ sở của một bọn chán đời lấy tên là « Lazy club ».

Hiền ngồi xuống ghế :

— Hết rồi cái chủ nghĩa Inimportantisme ?

Phan cười. Hiền nhớ lại một buổi trưa đã xa rồi, hai người ngồi nghỉ trong nhà gỗ sau khi đã đùa dỡn với sóng trong một chuyến đi biển. Phan kể với nàng về những đùa nghịch của bọn anh, như việc đặt ra chủ nghĩa Inimportantisme. Hiền cảm thấy sự chật hẹp của cái thế giới của mình. Hiền muốn phá phách để chui ra. Đẳng nào cũng cô đơn cả, sự ở lại hoặc thoát ra ngoài. Hôm ấy Hiền còn nhiều ngượng ngập. Họ đi chơi xa với nhau lần đầu. Hiền thấy sự ngượng ngập ấy thật đẹp, thật nguyên thủy. Phan gọi nàng là một loài ốc biển vì chiếc áo tắm của nàng mặc. Hiền nhớ đến một câu thơ không biết đọc ở đâu : « Minh con ốc biển gục đầu bãi hoang ».

Phan kéo một chiếc ghế thấp ngồi xuống cạnh Hiền. Hiền nhìn quanh gian phòng, thấy thèm khát một cuộc sống như họ, như những người con trai. Hiền xòe năm ngón tay ra ấn mạnh xuống mặt ghế vài một cách vô ý thức. Nàng mong được Phan nắm lấy bàn tay ấy. Nàng cần một sự vuốt ve và thấy mình cô đơn thật sự. Rồi bỗng sinh bực tức vô cớ.

— Sao lâu không đến Phan chơi ?

— Tôi đang định hỏi Phan câu ấy.

Bỗng dưng Hiền muốn trách móc. Nàng nói :

— Có hai lần tôi biên carte visite cho Phan mời Phan lại chơi. Nhưng Phan đâu có thèm lại.

Phan cười hiền hòa :

— Phan có nhận được cả. Nhưng không lại, chứ không phải là không thèm lại.

— Tại sao ?

— Giữa chúng mình, việc đến thăm nhau không phải là tại không thèm. Phan tưởng cần phải có sự thông cảm đến mức đó.

Hiền im lặng, cảm động. Anh thay đổi nhiều lắm, Phan ạ, kể từ ngày người ta thả anh ra. Tôi ghen với cái kinh nghiệm ấy của anh, anh biết không ? Tôi

muốn được như anh. Bị bắt, bị tra tấn, rồi được thả ra, với một nỗi hoài nghi, với một sự chán ngán có lý do hẳn hoi. Tôi yêu anh và tôi bị day dứt vì khoảng cách đó không do ý muốn của tôi mà ra. Tại sao anh bắt hẳn đi như vậy ? Tôi giận anh không nghĩ gì đến tôi. Nhưng tôi cũng giận tôi nữa vì đã nghĩ quá nhiều đến anh, để rồi sinh giận hờn vô lý.

— Hiền ra sao ?

— Ra sao là ra sao ? — Hiền bỗng chua chát — Về phương diện gì ? À tôi bỏ thi. Tôi chán đời. Tôi không biết tôi muốn gì. Tôi cứ nghĩ rằng, cứ tự an ủi rằng để mình xét lại, đặt định lại vấn đề sống. Thời gian vừa qua tôi đến trường, chán nản đến độ không học được. Thấy việc làm của mình vô ích quá.

— Chả nên như vậy.

— Tôi biết anh sẽ nói như vậy. Anh không có câu nào khác nữa sao ?

— Phan tự hỏi giá có cách nào Phan giúp được Hiền.

Hiền cười buồn. Nàng muốn khóc. Phan ngồi đấy, đầu cúi xuống, mắt mở rộng nhìn vào một góc nhà mà thực sự chả nhìn gì cả. Cách biệt. Hiền thấy mình bất lực. Chỉ một cái vói tay. Nhưng Hiền ngồi bất động, chua xót.

— Tôi làm Phan nghĩ ngợi và buồn ?

— Phan buồn. Phan thấy thương Hiền hơn. Chúng mình ra ngoài terrasse chơi đi ?

— Họ đã nhường cho mình phòng này. Chả nên quấy rầy họ ở ngoài terrasse.

— Không sao đâu.,.

Hiền đứng lên theo bạn ra khỏi phòng. Bầu trời đen lấp lánh những vì sao. Hiền ngửa cổ lên tự nhủ thầm : « Mình muốn gì ? Những ước vọng chẳng khác nào những vì sao... « Những người trẻ tuổi vừa đi vừa ngược nhìn ?! Câu ấy mình đọc được ở đâu nhỉ ?..! »

Những người bạn tản mát dần xuống nhà. Hiền cũng không nhớ là họ bỏ xuống từ lúc nào. Hiền hít mạnh lấy không khí mát lạnh của trời đêm. Nàng thấy thèm muốn được nằm dài và ngắm sao, cho đến khi ngủ thiếp đi với Phan ngồi bên cạnh canh chừng giấc ngủ. Nàng kiếm một chỗ ngồi trên bờ tường bỏ giấy và thả chân xuống trong khoảng không phía trên mái nhà của căn bên cạnh. Hiền cúi nhìn xuống phía dưới, và nói ;

— Nếu bây giờ tôi ngã xuống đây ?

— Không chết được đâu.

Phan đáp rồi chụm hai bàn tay vào nhau che gió xoè lửa que diêm châm điều thuốc. Một vùng ánh sáng lung linh soi rõ khuôn mặt anh xa vắng. Hiền chăm chú nhìn khuôn mặt thân yêu mà xa cách. Anh đuổi theo cái gì vậy Phan ? Chúng ta đuổi theo cái gì vậy ?

Phan trao điều thuốc cho Hiền, Hiền đón lấy và hai người hút chung. Hiền cảm thấy vai Phan chạm vào vai nàng. Hiền không thay đổi thế ngồi, nói giọng xa xăm:

— Tôi nhớ mãi lần đi Lái Thiêu sau cùng. Tại sao hôm ấy trời thật nắng mà tôi vẫn không cảm thấy một chút ảnh hưởng gì. Cảm giác thật tuyệt. Phan cứ thử tưởng tượng lại một con đường làng hai bên là dừa, vào sâu phía trong là những vườn cây ăn trái. Chúng mình chở nhau đi mãi vào phía trong, gặp bọn trẻ đi học về, gọi mình là hai vợ chồng. Tôi thấy hai chữ «vợ chồng» có một âm điệu đáng yêu hơn cả là khi nó được chỉ định cho hai kẻ yêu nhau tha thiết nhưng chưa cưới nhau...

— Hèn còn nhớ mùi hoa cau ?

— Nhớ chứ. Nhớ mùi hoa cau. Nhớ nắng. Nhớ bụi. Nhớ Phan. Nhớ sự thoải mái kỳ diệu của buổi đi chơi hôm ấy. Mỗi lần nghĩ lại, tôi thấy buồn buồn. Không biết và cũng không muốn tìm biết vì sao, « *Tout ce que l'homme pouvait gagner au jeu (...) de la vie, c'était la connaissance et la mémoire ? (1) Les souvenirs sont toujours tristes.*

Phan cười nhẹ. « Sự thực có gì đâu », Hiền nói thăm như vậy, « Có gì đâu cơ chứ ! Người ta buồn theo sự gia tăng của số tuổi đời. Tự nhiên mà !!

Hiền cảm thấy hơi ấm của thân thể Phan áp vào người nàng. « Còn một điều này nữa. Tôi không chỉ nhớ mùi hoa cau, hoa bưởi thôi. Tôi còn nhớ cả mùi của thân thể Phan nữa. Nhớ nhất.. » Nàng nhắm mắt lại và thăm mong cho thời gian ngừng lại, ngừng lại, ngừng lại mãi. Phan ơi, sao chúng mình cứ phải cách biệt ? Sao vậy ? Nhiều lúc thêm muốn còn nguyên vẹn để dâng hiến cho anh vô cùng. Anh có biết ?

*
*
*

Hiền dừng lại rất lâu trước tủ kính bên trong bày những bộ sách lớn, bìa cứng bọc bao nylon hân hoi. Nàng cũng lấy làm ngạc nhiên và tự hỏi sao trong lúc chán ngán tất cả, nàng lại thêm muốn có một trong những bộ sách kia để làm vật sở hữu. « Nghĩ cũng buồn cười. Có một cái gì đó ở bên trong mình mà chưa hiểu nổi ! Có lẽ rồi « nó » sẽ hiện nguyên hình. Và biết đâu lúc ấy mình sẽ thoát khỏi tình trạng bây giờ. Biết đâu ? Mình sẽ hết buồn, sẽ yêu đời, sẽ hăng say. — Một ý nghĩa chăng ?

Hiền dỡ tấm kính lên, nhắc một cuốn sách và dỡ ra xem. Nàng nhớ đến một nhân vật trong một cuốn sách đọc được, cũng vì thích một cuốn tự điển hân thấy những danh từ hay hay ngộ nghĩnh, mà hân nhất định ăn cắp. Ăn cắp cuốn tự điển vì một ý thích thú quái gở. Hiền lắc đầu. Bây giờ mình bị sách vở ảnh hưởng quá mất rồi. Thích sự kỳ dị. Bây giờ mình cũng ăn cắp cuốn sách này ?

(1) Albert Camus.

Hiền không đủ can đảm. Thật có gì xấu đâu. Thật chả có gì xấu cả. Hiền nghĩ giá mình có tiền, đem đến quầy hàng kia, trả, rồi cuốn sách thuộc về mình. Hơn một ngàn bạc. Vài chục bây giờ đối với nàng cũng hiếm chứ đừng nói gì đến hơn một ngàn bạc.

Hiền đặt trả lại cuốn sách vào chỗ cũ, đẩy tấm kính lại rồi đi thơ thẩn trong tiệm sách, mắt nhìn những cuốn sách xếp ngay ngắn trên rất nhiều kệ. Thật vô ích. Những tư tưởng chứa trong những cuốn sách ấy thật vô ích. Nhưng chúng lôi cuốn Hiền kỳ lạ. Hiền biết chúng vô ích, nhưng sự có ích hay vô ích đối với Hiền cũng như điều có nghĩa hay vô nghĩa đối với Hiền bây giờ chẳng nghĩa lý gì. Thật thế. Mình muốn làm những việc thật vô ích, để khỏi phải thắc mắc về cái ý nghĩa của nó. Thật chả có gì lạ cả. Thật thế. Những gì dưới ánh sáng mặt trời đều có thể xảy ra. Chả có gì là lạ cả.

Hiền cặp hai tay ra sau. Dễ thường Hiền ở trong tiệm sách cũng có đến hơn một giờ đồng hồ. Trời bên ngoài mưa tầm tã. Trời Saigon mưa tầm tã. Giá Hiền giàu một tí nữa? Nàng đưa mắt quan sát những người trú mưa và mua sách. Một, hai người đàn ông ngoại quốc đội mũ phớt, mặc áo mưa, xách dù. Nếu mình tiến lại phía một gã, gã độ ngoài năm-mười kia và nói rõ ý muốn có một cuốn sách ở trong tủ kính. Phản ứng gã sẽ ra sao? Những đó chỉ là một ý-nghĩ. Hiền đứng im lặng, nhìn mưa, nhìn mọi người và buồn. Giá bây giờ mình hóa thành một bức tượng đá? Bây giờ thì Hiền nghĩ giá mình trúng số? Hay là mình trở lại tìm Bản? Nhưng Hiền gạt bỏ ngay ý định đó và chăm chú nhìn xuống đôi bàn chân trắng ngà của người đàn bà ngoại quốc vội vã chạy từ bên dưới một mái hiên ra, rồi vội vã bước lên một chiếc taxi vừa ngừng lại mở cửa chờ sẵn. Sao mình không là một người ngoại quốc nhỉ? Có phải, có phải... Phan ơi, có phải tối hôm ấy sao nhiều quá không? Sao trên trời, sao ở cả vùng nước bên bờ cỏ cạnh chỗ chúng mình ngồi. Hôm ấy anh hôn em lần đầu tiên từ ngày mình quen nhau. Nhưng nụ hôn không đậm lâu và sao như có vị? Tình-yêu không xóa hết mọi cô-đơn và những ước-vọng chưa xót... « Những người trẻ tuổi vừa đi vừa ngược nhìn... » Chúng mình trẻ tuổi và là tuổi trẻ ở vùng đất nghèo này, có những buổi nắng gay gắt đến độ chỉ còn thiếu một căn bệnh dịch hạch đang hoành hành là chúng ta đã đạt đến tuyệt đỉnh rồi đó, lại có những ngày mưa tầm tã như buổi chiều hôm nay. . Tristan ơi. Bây giờ em đặt tên anh là Tristan. Tristan gần với chữ Triste. Buồn. Cái danh từ đẹp và thật buồn. Tristan. Anh có vẻ buồn. Buồn như ước vọng của chúng ta. Mà chúng ta có ước vọng gì? Chúng ta không có ước vọng gì cả. Phải rồi, chúng ta không có ước vọng gì vì chúng ta đã có rất nhiều ước vọng. Có phải vậy không, Phan ơi?

Mưa rơi. Mưa rơi cho đời thêm buồn, thêm chơi vơi, thêm nhớ mong, thêm hương vị. Hiền thấy thêm cà phê. Thêm thuốc lá. Thêm tâm sự. Sao mình cô đơn thế này? Trong cái thành phố mấy triệu dân này, với gần một nửa là đàn ông, vậy sao mình cô đơn thế này? Ai hiểu cho mình đây? Ai lấp giùm cho những bậc thang đã bị rời ra để cho tôi trở xuống với cuộc sống bình thường đây? Hiền nhắm mắt

và ước gì mình được tắm dưới trời mưa. Tắm cả cho những ước-vọng chưa thành-hình, những ước vọng xa xa, thăm-kín. .

Hiện nhìn những cánh lá me vàng nhỏ như những mảnh confetti thấm nước dán trên mặt đường nhựa, trong các vũng nước trên hè phố, và trôi trong cái giòng nước chảy ở vệ đường khác nào một cái «các-mét» gặp mưa bất thành linh. Hiện nhớ đến những kỳ «các-mét» dạo còn đi học ở trường các Sœurs. Những người đàn bà dịu dàng ấy thường tổ-chức những cuộc «các-mét» bằng tâm hồn hồn nhiên trong sáng và những bàn tay thủ công khéo léo của họ. Hiện nghĩ đến những cái ví xách tay đủ hiệu làm bằng vải màu và bìa cứng và những món quà bất ngờ gói trong đó. Hiện thầm nghĩ: những lúc vui chơi như thế, họ, những người đàn bà ấy, nghĩ gì về cuộc đời và cuộc sống tu hành của mình? Đã có lần, quá chán ngán, Hiện có ý định tìm vào một nhà giòng để sống. Hiện không tin rằng mình sẽ hiến trọn cuộc sống trong đó. Nhưng Hiện muốn bám víu vào sự bình-lặng của những người đàn bà sống âm thầm kia. Nhưng Hiện chẳng bao giờ thực hiện ý định ấy cả. Hiện còn quá nhiều những níu kéo. Hiện còn trẻ. Đôi khi Hiện nghĩ rằng bởi mình chán đời cho nên mình mới là kẻ yêu đời hơn ai hết; và bởi nghĩ đến sự tự sát, nên mới là kẻ tha thiết với sự sống hơn cả...

Mấy lần bà Lễ đi qua đi lại phía bàn học của Hiện, như định nói gì lại thôi. Suốt hai ngày hôm nay Hiện không gặp mẹ. Buổi sáng nàng đem sách đi sớm. Mãi tối mịt mới về thì lại cắm đầu vào quyển sách. Không cần biết là Hiện đang học hay đang đọc truyện, bà Lễ luôn luôn đi đến kết luận là Hiện học. Trong cái kết luận của bà hơi pha chút hãnh diện.

Đã nhiều lần như vậy nên Hiện biết, khi nào mẹ muốn nói chuyện với mình. Luôn luôn bà Lễ như sợ làm khuấy động Hiện.

Một lần bà kể lại với Hiện là chỗ sở bà chị của Hiện làm việc đang cần người Hiện nghe mà không nói gì cả. Thực sự bà Lễ mong muốn Hiện đi làm để giúp bà chút đỉnh. Nhưng Hiện không bao giờ đụng đến chuyện tìm việc làm. Hiện cũng chẳng muốn biết rằng rồi mình sẽ ra sao nữa nếu cứ thế này mãi. Từ ngày đó, bà Lễ không nhắc lại việc sở bà chị Hiện làm đang cần thêm người. Bà cũng không hỏi Hiện dự định làm cái gì, nếu nhất định ở vậy. Với ông Lễ: chả bao giờ Hiện mở miệng nói với bố một câu.

Hiện buông cuốn sách xuống nhìn mẹ:

— Hình như mẹ định nói với con điều gì, phải không?

Bà Lễ tiến lại gần con, mặt tươi hơn hớn, bà nói:

— Ông Bản gửi cho mày hai ngàn. Hôm qua tao lên chơi nói về việc vay tiền mà ông ta hứa, lúc về ông ấy đưa cho tao số tiền đó, bảo là cho mày.

— Mẹ cầm à? Hiện cau mày hỏi.

— Tao nhất định không cầm, nhưng lão ấy không chịu.

— Mẹ cầm làm quái gì ?

— Thì tao cũng định không cầm. Tao nghĩ rằng nếu mày không nhận thì đem trả, có khó gì.

Hiền nói :

— Thôi, đem trả lão ấy đi. Con không thích nhận nữa. Phiền quá.

Ngừng một lúc, ngẫm nghĩ thế nào. Hiền chợt nhìn mẹ :

— Mẹ cần tiền không ?

— Cần thì . . . ờ . . . lúc nào mà chẳng cần !

— Hay mẹ cứ cầm đại lấy số tiền ấy mà tiêu. Con sẽ cảm ơn bằng thư. Cho thì cứ nhận. Có sao ?

— Bà Lễ không nói, đứng tần ngần một lúc, rồi bỏ đi. Hiền trông theo và cảm thấy buồn xót xa.

Nhưng suốt ngày hôm ấy, những tờ giấy bạc nhảy múa trong đầu Hiền. Mình cần tiền. Chuyện ấy giản dị. Có gì đâu. Thật thế.

Buổi tối, Hiền nói với mẹ.

— Hay mẹ chia cho con một nửa ? . . . Con . . . ờ . . . cũng cần tiền.

Bà Lễ không nói, mở tủ lấy đưa cho Hiền một ghim mười tờ giấy một trăm đồng. Hiền cầm tiền, lòng không khỏi nghĩ đến những món sẽ tiêu. Còn ngoài ra nàng không muốn nghĩ gì thêm nữa. Chuyện ấy giản dị mà. Có gì đâu. Có gì đâu kia chứ ? Thật thế. Có gì đâu.

Sài Gòn 25. 8. 64

TRÙNG-DƯƠNG

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong các bài « **Nỗi niềm di cư** » và « **Thủy triều XIX** » (thơ) của Đoàn-Thêm, đăng trên Bách Khoa số 193-194, kỷ niệm 8 năm có, chỗ in lầm như sau :

ĐÃ IN :

rặng rau

(Bài « Nỗi niềm di cư » trang 77, cột 2, hàng 10)

cho thoảng tan

(trang 112, hàng 5)

vớt bông lừa ham muốn

(trang 112, hàng 14, Thủy Triều XIX)

XIN ĐỌC LÀ

rặng cau

cho thoảng cho tan

vớt bóng lừa ham muốn

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc Bách Khoa

thơ hà nguyên thạch

LỜI KHÁT VỌNG

bởi cây cỏ ngủ vui trong tim óc
thân xác này mong chồi dậy mùa xuân
sương có xuống cả một vùng nước mắt
vẫn bền lòng người hơi biết cho không

●

mỗi gân lá chia màu xanh, nhựa trắng
từng nỗi buồn mọc nhánh rễ trên tay
tôi cọ sát bàn tay mình với gió
đợi mặt trời xuống nắng thôi khô bay

●

mây với tóc đuổi nhau trên vầng trán
đời vẫn còn xao động bước chân đi
lời khát vọng gọi tên mình hốt hoảng
hồn phủ một trời, thân xác cỏ may

●

hãy trôi xuống những dòng cao nước lũ
cho sông dài nghe bờ cỏ hoang mang
đã xa hút con đường ai qua đó
vỗ từng cơn sóng, vọng núi thương ngàn

●

biển đã khóc bằng những lời sương khói
tôi cũng đành chờ đợi suốt mùa đông
khi đáy mắt xanh lên màu cỏ nội
cửa hồn này xin chút nắng qua song

H.N.T.

(biên động)

NGUYỄN-NGU-Í

SỐNG VÀ VIẾT

với SƠN-NAM



— Hai người mình mà ngồi lại bàn chuyện nước với nhau lúc này, thì thế nào cũng bất đồng ý kiến.

Anh tạm ngừng lại để hít một hơi thuốc bíp, giọng xa vắng như không có người ngồi trước mặt :

— Mà càng bàn sâu chừng nào càng cảm thấy mình càng xa nhau.

Khói thuốc tỏa nhanh và hối hả xa miệng ống bíp. Tôi hơi cười :

— Cho nên tốt hơn chúng ta chẳng nên nói đến « chính chị, chính em », cũng chẳng bàn đến « kháng chiến, hồi cư, mà chỉ trao đổi ý kiến về...

Gương mặt thường khắc khổ của anh bỗng trở nên vui tươi trong khoảnh khắc, và anh nói lời tôi :

— ... « Văn nghệ thuần túy » cho khỏi đụng chạm nhau !

Bỗng nhiên khói thuốc ngưng tỏa và giọng anh trở nên khác lạ :

— Nói anh nghe. Tình thế nước nhà mà cứ thế này mãi, thì độ ba năm nữa, tên Sơn-Nam này sẽ bắt tình với Phù-Dung tiên nữ !

Tôi nhìn anh, ngạc nhiên ra mặt. Anh ngó ra đường hẻm xi măng trước nhà, giải thích :

— Anh nghĩ coi : chịu cực chịu khổ,

(1) Tên thật : Phạm-Minh-Tài, sinh ngày 11-12-1926 tại làng Đông-Thái quận Gò Quao, tỉnh Rạch-Giá.

Tác phẩm đầu tiên : **Hương rừng Cà Mau**, đến 1961 mới xuất bản, sau hai quyền **Nguyễn-Trung-Trực** (soạn với Ngọc Linh) và **Tìm hiểu đất Hậu-Giang**. **Hình bóng** cũ viết và in năm 1959, nhưng đã đăng báo từ năm 1957.

chịu thiếu chịu thốn năm này đến năm khác, mong có ngày được thấy quê hương mình yên ổn, thế mà cảm hôn, chia rẽ, chết chóc cứ diễn ra mãi, mà đã hai mươi năm rồi, chứ ít ỏi gì sao, thì mình cũng có quyền cho phép mình tìm lãng quên và an ủi trong tay nàng tiên nâu. Và đầu sao, mình cũng là chủ đời mình một phần nào chứ. Bằng không sẽ tủi phận đến, chừng nào : người Việt mình có khác nào con ong cái kiến ! »

Mắt anh nhấp nháy. Những đường nhăn trên mặt anh như dài, như cứng hơn, và nổi chua chát hiện rõ trên khoé miệng. Anh đặt ống bíp xuống mặt kính bàn mà phía dưới lồng nào ảnh đào chớp bóng Brigitte Bardot đang uốn ẹo phô trương, nào đào cải lương Thanh Nga đang âu yếm nép vào vai mẹ, nào Kennedy phu nhân đứng mỉm cười trước điện Tah Majah, nào ảnh mấy sĩ quan hiên ngang nhìn thẳng, nào bài thơ đầu năm Giáp thìn của thi sĩ Đông-Hồ, nào cảnh đẹp của quê mình và cảnh lạ của đất người... Bên này là bàn làm việc của anh. Cái hèm ở cạnh rạp chớp bóng có cái tên là Thanh-Bình này chẳng lúc nào bình yên cả. Phải chăng vì vậy mà anh phải tạo ra ngay dưới mắt mình một số thế giới nho nhỏ riêng tư để anh tạm quên cái vất vả của một nhà văn nghèo viết cho bốn tờ báo hằng ngày và phải lội bộ đem bài đến bốn tòa soạn, hai nơi này vào sáng sớm, hai nơi nọ vào xế chiều ?

Tôi nhìn anh. Anh nhìn mặt bàn. Rồi với tay bao thuốc rẻ tiền, đốt một điếu.

Anh chưa đến bốn mươi, mà cái già

thề xác đã hằn lên người anh rõ rệt. Đối diện với anh đêm nay, trong căn nhà mà anh ở trọ đã năm năm rồi, sao tôi lại có cái cảm giác như bốn năm về trước : bàng hoàng, khi đối diện với anh Ngọc Linh, tại nhà tôi, một tối, nghe người bạn thân này của anh cho biết anh vừa bị bắt, vì bị tình nghi hoạt động chánh trị, mà anh chỉ một thân một mình ở đô thành, chẳng có ai thân, ngoài mấy bạn văn... Lúc bấy giờ, tôi bàng hoàng vì e rằng đời sống khắc khe của nơi « cải huấn » đặc biệt ấy sẽ giết mòn anh vốn chẳng khỏe gì. Còn giờ đây, thì vì thấy anh dõm bước chân vào một lao tù khác, tuy làm bằng mây khói, nhưng cũng sẽ giết mòn anh...

Trong trận đại chiến thế giới vừa qua, một nhà văn Áo ly hương đã cùng vợ tự sát bằng súng lục vì không chịu được cảnh gót giày sắt của Đức quốc xã dày xéo văn minh Âu châu. Thì nay, nếu có nhà văn Việt sống trên đất nước mình, không thể nhìn dân tộc mình tự diệt, mà chậm rãi « ra đi trước », ai có thấy đó đáng trách thì cứ trách, phần tôi thì chỉ thấy có đáng thương. Thương bạn, thương mình, thương những ai ai... Và câu Kiều ấy lại lảng vảng trong trí :

*Nghĩ mình mình lại thương mình
xót xa...*

Người lối xóm đi chợ Tết về bàn cái ấm i. Một ít gió lạnh ủa vào. Anh khẽ rùng mình, kéo kín cái phet-mơ-tuya chiếc áo ấm có những lỗ đó đây.

— Ngày thường, anh về thăm chị và các cháu một ngày, nhưng ngày Tết, thì chắc là ở lâu hơn chứ ?

— Lâu hơn một ngày. Cái « nghiệp báo hằng ngày » không cho người ký giả gần bó nó quên nó lâu, mà cái lâu này ta phải lấy giờ làm đơn vị, chứ chẳng phải lấy tháng lấy năm. Lại nhằm buổi báo nhiều, sự cạnh tranh càng gay gắt, thế nào trong số bốn tờ tôi cộng tác, chẳng có tờ ra sớm hơn các bạn đồng nghiệp để được thêm một số độc giả.

— Chị với các cháu ở dưới tỉnh, mà ngay tại châu thành ?

— Nhà tôi với ba đứa nhỏ ở xa châu thành...

— Thế thì hằng tháng anh về, bắc võng ngoài sân, nhìn cảnh đồng quê, cũng đỡ nhớ « hương rừng Cà-Mau » mà anh xa cách mười năm rồi.

— Anh nói, chớ chớ chúng tôi ở nửa quê nửa chợ, an ninh không mấy đảm bảo, người quanh mình, chẳng biết ai thù ai bạn, thì mình đâu có thể hưởng trọn vẹn cái thú nằm dài trên võng đong đưa, để tâm trí lâng lâng theo gió sớm mây chiều !

Và trong cái cười nhẹ của anh, thoáng chút cợt đùa thân mật.

— Nhưng mà cái xứ Gò-Quao chôn nhau cắt rún, tôi nghe cũng chưa đến nỗi nào, thiên hạ cũng thường đi đi về về, sao anh chẳng về thăm quê một chuyến ?

Đầu ống bíp được anh bập bập hồi lâu.

— Quê hương tôi vốn nửa này nửa nọ. Dễ bề cho người ta nói ra nói vô. Mà cái nghề làm báo hằng ngày bây giờ đâm bị thóc cho bị gạo là điều cơm bữa. Có ai ác ý thì thăm với ông chủ rằng

minh về quê là để « bắt liên lạc » hay để « tiếp tế »..., thì nỗi cơm mình bề như chơi !

Giọng anh thấp xuống :

— Tôi còn ba má dưới ấy. Cũng gần đất xa trời. Cũng như tôi có thể về mà không về, ba má tôi có thể lên thăm tôi mà không lên, cũng vì ngại những cái phiền hà có thể xảy ra. Nên chỉ nhắn miệng với người quen lên xuống rằng cả nhà được mạnh giỏi như thường

Anh bỗng hỏi tôi :

— Đố anh biết nguyện vọng thiết tha nhất của tôi lúc này là gì ?

Rồi không đề cho tôi suy nghĩ, anh tự trả lời :

— Được trở về sống dưới mái nhà xưa, rồi có nhắm mắt thì gởi thân cho cái đất U-Minh ấy giữ !

— Làng Đông-Thái của anh thuộc về vùng U-Minh ?

Anh gật đầu, rồi hỏi :

— Anh thấy có gì lạ ?

— Cái tên này không gọi gì lạ, nó nhắc tôi một cảm tưởng thời kháng chiến. Còn nhớ lần đầu được anh em ở Nam ra nói đến tên này — tôi lúc ấy đang ở giữa miền Trung — tôi nghĩ rằng một cái tên... « u u minh minh » như thế, chắc thế nào cũng chứa có gì rùng rùng rợn. Mà quả thật, sau đó, tôi được biết vùng này nổi tiếng vì Pháp thực dân bị quân ta đánh giết khá nhiều và cũng vì « *Rừng u-minh có tiếng muỗi nhiều, này tráng sĩ hãy nghe nó kêu...* » và bây giờ, U-Minh lại nổi tiếng vì đất phù sa mà lại nổi lên một hòn núi...

Anh lấy ống bíp ở trên miệng ra, trở mắt nhìn tôi.

— Hòn núi ấy đặc biệt ở chỗ làm bằng hương của rừng Cà-Mau, tên là Sơn-Nam đó.

Anh cười. Tôi hỏi :

— Sao anh không giữ biệt hiệu cũ, biệt hiệu thời kháng chiến ? Vì chẳng những trong bụng mà cả ngoài thành đều biết tiếng người đã đoạt giải văn chương Cửu-Long.

Tác giả «Hình bóng cũ» phác một cử chỉ, đồng nghĩa với « chuyện năm xưa ấy nhắc chi bấy giờ ». Nhưng tôi nài nỉ :

— Một số anh em cũng như tôi chỉ biết anh được giải văn chương có giá trị nhất và tiền thưởng lớn nhất ở trong Nam thời kháng chiến, mà chẳng rõ nội dung tác phẩm. Sẵn dịp này, xin anh nói sơ qua.

— Chẳng có gì « ghê gớm » lắm đâu. Tôi được giải là vì tôi đã nói đến cuộc khàn hoang miền Hậu-Giang và sự bóc lột tàn nhẫn của mấy ông thực dân da trắng, điều mà... ban giám khảo chỉ biết mơ hồ. Tôi nhớ trong tác phẩm tôi, có một « bằng chứng » mà ban giám khảo xem xong, lấy làm « khoái », đó là việc một tên Pháp thêm thịt bò con, thấy một người công dân nghèo nọ có con bò cái có chữa, bèn ra lệnh mổ bụng bò mẹ để lấy cái hàng nằm ra xơi. Tự nhiên là ông trời tây ấy không đến một đồng xu nhỏ ! Các ông trong ban giám khảo không ngờ người dân quê nước mình phải chịu thiệt thòi như thế. Ngoài ra, văn tôi vốn bình dị, đó cũng là điều ban giám khảo đề ý. À tôi quên nói hai tên tác phẩm ấy là « *Bên rừng cũ lao Dung* », được giải nhất năm 1953, và « *Tây đầu đỏ* » được giải nhì.

Ngừng một chút như đề nhớ một đoạn đời qua, tác giả « Tìm hiểu đất Hậu Giang » tiếp :

— Thấy tôi viết nhiều truyện về đồng quê, nhiều người cho rằng nhờ thời kháng chiến, tôi có dịp đi đây đi đó... Nhưng thật ra cái vốn hiểu biết cùng những điều nghe thấy về cuộc đời bùn lầy nước đọng, tôi có từ trước kia, thời toàn dân chưa đứng dậy.

« Ba má tôi có ruộng, có vườn, thuộc hạng khá trong làng. Nên tôi sống đời các « công tử bột ». La cà đây đó, mở rộng tầm mắt, điều tra... phỏng vấn... sau này cứ việc tuôn ra ».

— Trong lúc sống đời sống công tử vườn ấy, anh có làm gì đáng gọi là « bê bối » lắm không ?

— Không có gì « để hận lại nghìn sau » đâu. Chỉ có cảm ca và nhậu nhẹt !

Anh bỗng nhìn ra sân, mơ màng một chập :

— Chẳng biết có phải tôi nặng tình địa phương không mà tôi cứ tin tưởng miền lưu vực sông Cửu-Long là miền phước địa (Các tu sĩ thì cho là thánh địa). Một người dân cổ công làm một tháng có thể sống thong thả suốt năm. Và miền trù phú đặc biệt này lại sản xuất những nhân vật lạ lùng, khác thường, xưa như thủ khoa Huân, thủ khoa Nghĩa, Nguyễn-Trung-Trực, Phan-Thanh-Giản, đức Phật Thầy... và sau này như giáo chủ Huỳnh-phú-Sồ, chiến sĩ Tạ-thu-Thâu. Dân gian dư ối ấy tin rằng thánh nhân sẽ xuất hiện miền này để cứu dân cứu nước, chẳng phải là không có lý. Phần tươi trẻ, liều lĩnh nhất của dân tộc ở vào cái thế được ưu đãi đặc

biệt, thì chắc hẳn thế nào cũng sản xuất những đứa con phi thường.

Tôi ngăn cái « trốn trử tình » của anh lại :

— Và vì thế, anh làm sống lại người anh hùng thuyền chài « *Nguyễn-trung-Trực* », anh bỏ công « *tìm hiểu đất Hậu - Giang* », anh gom góp « *Hương rừng Cà-Mau* » ?

Anh chỉ cười.

— Mà trong những đứa con phi thường ấy, anh quên kể... Sơn-Nam !

— Sơn-Nam chỉ là một đứa con đi hoang, chưa lập được sự nghiệp gì đáng kể.

Tôi phản đối :

— Anh nói thế chớ cái sự nghiệp văn chương của anh cũng khá vững và có những nét độc đáo. Bây giờ, hễ nói đến nhà văn miền Nam thì người ta nhớ ngay đến Bình-Nguyên-Lộc và Sơn-Nam. Còn với anh em văn nhân toàn quốc, anh cũng « có hạng ».

Anh không cãi lại điểm này mà lại bắt qua điểm khác.

— Hiệp định Genève ký giữa năm 1954, mà mãi cuối năm này tôi mới xuất đầu lộ diện ở thủ đô. Người ta đặt dấu hỏi : tôi đã làm gì trong khoảng thời gian đó và về Sài-gòn để làm gì ? Chẳng lẽ mỗi lúc mỗi phân trần, mỗi thanh minh, chớ thật ra, tôi chẳng làm gì cả. Chín năm kháng-chiến, mệt mỏi quá nhiều, ngưng chiến, được về, thì nằm nhà cho khỏe. Tôi có tánh lười biếng, lúc ấy càng lười biếng hơn lúc nào hết, nên biết rằng lên Sài-gòn sớm ngày nào thì yên thân chắc ngày ấy, nhưng nghĩ đến cuộc sống xô

bồ ở đấy, không thích hợp với con người mình, nên nay lần mai lửa. Vì thế mà...

Anh thở dài, không nói hết câu. Tôi thay anh nói tiếp :

— Vì thế mà anh có ý từ đầu không muốn nói chuyện về « chánh thị chánh em », về « kháng chiến, hồi cư » là vì lẽ : động đến vết thương lòng !

Anh cười, như người gian bị bắt tại trận.

— Đã lỡ đề chân lên đất cấm rồi, thì ta đi vô vậy. Anh nghĩ tôi bị « tội làm chính trị » là oan, đúng rồi, nhưng anh căn cứ trên những cái gì ?

— Con người anh không hợp với « nó » Anh vốn chất phác, đôn hậu, xuề xoà mà « nó » bây giờ là thủ đoạn, mưu mô, rắc rối. Anh vốn thực tế, không đại gì bỏ mối bắt bóng. Cũng như mọi người, anh cũng thích lợi, ham danh. Nhưng trong địa hạt cầm bút, anh sống được rồi, tên tuổi, địa vị trong làng, anh cũng đã có. Bây giờ phiêu lưu vào con đường chánh-trị cam go, anh sẽ được gì ? Ghế bộ-trưởng, đồng lý văn phòng, chắc chẳng ai giao cho anh đâu, mà cả cái chức tỉnh trưởng.

Anh đưa tay lên.

— Đừng nói chi đến cái chức tỉnh-trưởng, quận trưởng thôi, cũng chẳng, ai dám giao chức ấy cho mình. Cám ơn anh đã nghĩ về tôi như vậy. Tôi thuộc hạng người biết phải chăng, nên chẳng điên gì giã từ văn nghệ mà lao đầu vào chánh trị.

Rồi chúng tôi đề yên Chính trị mà chỉ nói về Văn-nghệ. Anh cười mở :

— Viết cho các báo hằng ngày, tôi gặp phải một điều. Nói khổ tâm, thì thái

quá, mà nói khó chịu thì bất cập. Đó là việc tôi viết về đồng quê, mà lại viết những chuyện ma quái. Đồng quê từng ghi những trang kháng chiến oai hùng, đồng quê còn chịu đựng nhiều cảnh bất công, áp bức. Khờ một nỗi, nói đến hai khía cạnh này, lại dễ bị hiểu lầm. « chụp mũ ». Cho nên ngòi bút đành khai thác phần rùng rợn, quái đản vậy. Mà điều này, chính các ông chủ báo muốn thế: dễ ăn khách mà khỏi bị lời thôi. Tôi mong rằng anh em chẳng ai tránh tôi « chậm tiến » hay « xuống dốc », mà hiểu giúp cho: tôi ở hoàn cảnh của anh kếp hát bội!

— Nhưng tôi thấy những khi viết cho tuần báo hay tạp chí, anh đâu có đem... ma quỷ ra làm tình làm tội!

Anh nheo nheo đôi mắt:

— Đúng vậy. Nhờ được tự do chọn đề tài mà tôi hy vọng rằng trong gần năm mươi truyện ngắn tôi viết đăng ở « Tiểu thuyết thứ năm », may ra có được vài truyện sống đời!

— Những truyện mới đây, với những truyện trong tập « Hương rừng Cà-mau » chắc anh viết những truyện sau này lâu hơn!

— Nói vậy là anh thích những truyện trong « Hương rừng Cà-Mau » hơn những truyện trên « Tiểu thuyết thứ năm ». Nhưng thật sự, thời gian để sáng tác một truyện ngắn, nói chung, nó gần như nhau. Ba giờ.

— Chắc anh viết không mấy khó khăn?

— Tôi viết tương đối dễ. Thường thì một mạch. Được vậy, là vì cốt truyện có trước. Những truyện tôi

nghĩ đến từ ba năm về trước. Nên bản thảo tôi ít có dấu vết sửa đi sửa lại.

— Nhưng còn khi xuất bản?

— Cũng không sửa chữa gì lắm. Đối với tôi, cái khó là phần xây dựng truyện, còn viết ra trên giấy là việc dễ.

— Loại truyện « Hương rừng Cà-Mau », anh còn nhiều không mà không thấy anh xuất bản tiếp?

— Còn khá nhiều, có thể ra ba tập, dày như « Hương rừng Cà-mau ». Quyền này tuy bán hết, song tôi chưa nghĩ đến việc cho những truyện cùng loại ra đời.

Anh định nói gì thêm, nhưng lại im. Khiến tôi vừa chớm có ý định hỏi anh vì sao cũng đành thôi, mà vẫn anh việc khác.

— Những sự việc trong « Hương rừng Cà mau » đều có thật hay anh « dựng đứng » lên?

Anh tủm tỉm cười.

— Anh không phải là người đầu tiên hỏi tôi về điểm này. Phần tập tục, anh tin rằng tôi nếu không chính mắt thấy tai nghe thì cũng là mấy ông lão ở địa phương cung cấp tài liệu. Còn sự việc thì tôi bịa ra, nhưng bịa cách nào mà người trong địa phương xem xong, bảo: việc này có thể xảy ra ở đây.

Tiếng ồn ào trước hẻm ủa vào.

— Như thế này, thì anh làm sao viết lách được?

— Xóm này ồn, tôi thường phải đợi đến khuya mới làm việc. Có khi viết ở các quán cà phê. Có những buổi trưa, vào giờ ăn cơm, anh lại đây tìm

tôi mà không gặp, là vì tôi mệt, về đây ồn ào thêm mệt, nên tạt vào tiệm chệt nào đó ăn cơm, rồi tấp vô nhà bạn quen gần đó mà nghỉ một chút. Chắc anh tự hỏi sao tôi không tìm chỗ trọ khác, nhưng kiếm đâu cho được chỗ như ý. Ở đây, phiền cái ồn, nhưng đã năm năm rồi, tôi quen cái, quen nước, lại bà chủ trọ hiền từ, đối đãi với tôi như con cháu trong nhà, nhất là sau lúc tôi bị nạn. Bà chủ tu tại gia, đạo Phật, rồi thành ra quyển luyến. Với ở đây cũng tiện việc đi, về...

Anh bỗng nhớ một việc gì, đứng lên, lại kê sách, lấy ra một quyển sách mới, đưa cho tôi :

— Tác phẩm mới nhất của nhà xuất bản Phù-Sa. Vừa in xong.

Tôi nhìn cuốn sách : *Mái nhà thơ* của Lê-Vinh-Hòa.

— Lại truyện ngắn ! Khó bán lắm. Anh Ngọc-Linh và anh cũng thích mạo hiểm thật !

Ít nhiều khoan khoái hiện lên đôi mắt anh.

— Đó là điều mà Phù-Sa có thể tự hào. Đây là tập truyện ngắn thứ sáu của nhà xuất bản chúng tôi. Truyện ngắn tiêu thụ chậm lắm. Độc giả mình thích coi cái gì dài, « cho nó đã ». Đến đổi lắm khi nhà xuất bản ngại ngừng cho in dưới tên tác phẩm hai chữ : truyện ngắn ! Nhưng anh biết đấy, ngoài tính chất thương mại, chúng tôi thỉnh thoảng cho in một tác phẩm mình thích, tuy biết rằng đó là mạo hiểm chín mươi phần trăm.

— Như cuốn ?

— Như cuốn « *Cách ba ngàn năm* » của Cung-Khanh, tập truyện ngắn pha mùi triết lý này đã được nhà Đời-Nay ở Hà-Nội xuất bản năm 1945, nhưng vì tình hình lúc đó, mà sách chẳng vô tới trong Nam. Tôi may mắn đọc được, lấy làm thích. Nên bàn với anh Ngọc-Linh thương lượng với tác giả để tái bản. Cho *Cách ba ngàn năm* có mặt ở miền Nam.

Anh chỉ bla quyền *Mái nhà thơ*, nói :

— Coi cũng được chứ, phải không anh?

— Nhã lắm,

— Thị hiểu độc giả mình nghĩ cũng kì. Cách đây mấy năm, họ thích bla sách trình bày giản dị, bìa in nhiều màu thì cho rằng « ba tàu », nội dung hẳn chẳng có gì mới « mượn màu sơn phấn v.v... » nay thì chê bla sách giản dị là nhà quê và ưa sách có bìa in ố sết, lờ loẹt, bảo rằng như thế mới là quí phái !

— In bìa thường với in bìa ố sết giá khác nhau bao nhiêu, anh ?

— In ố sết giá mắt gấp ba, gấp bốn.

— Thế cái mắc hơn ấy, ai chịu ?

— Thì còn ai trồng khoai đất này : nhà sản xuất và giới tiêu thụ kê vai mà gánh.

— Sang năm, anh có chuẩn bị quyền nào để ra mắt độc giả chẳng ? Tôi hỏi là hỏi tác phẩm của anh đấy.

Anh lật cuốn « *Mái nhà thơ* » lại, chỉ cho tôi thấy chỗ rao sách sắp xuất bản.

— *Đối diện* ? « Vô duyên đối diện bất tương phùng ». Mà ai đối diện với ai đây. Chàng và Nàng ?

Anh lắc đầu :

— Hai thể hệ. Sống bên nhau mà không hiểu nhau.

Ngõ hẻm đã thừa người qua lại, đã vắng tiếng trẻ nít nô đùa. Hơi lặng bắt đầu thấm thía. Tôi tìm một câu hỏi chót.

— Nhìn chung thì hiện tình nước ta, cái gì cũng một màu xám xám, nhưng anh thấy tương lai văn nghệ nó có hi vọng gì sáng sủa chẳng ?

Anh phà một hơi khói mạnh :

— Tôi thấy ngày mai của Văn nghệ nước ta có nhiều hứa hẹn. Tôi được dịp sống gần và tiếp xúc với đám người trẻ quyết tâm sống chết với nó. Họ biết con đường sẽ dành cho họ lắm gay go mà họ vẫn lẫm lẫm tiến bước. Đó chẳng phải là điều đáng cho ta tin tưởng sao ? Vì tương lai nằm trong lớp người trẻ.

« Có dư luận cho rằng Văn nghệ nước ta khô mà tươi sáng, một phần vì bị kiểm duyệt khắt khe, một phần vì lớp « tre già » bít lối những « măng non ». Tôi thấy không đúng. Tôi được biết hiện nay, « bà » kiểm duyệt sáng suốt hơn trước nhiều, và sẵn sàng nghe ta giải thích, phân trần. Còn lớp nhà văn già ở nước ta còn được mấy người, các bậc đàn anh đàn chị ấy ít « xông pha » lắm, thì buộc tội như vậy là oan cho họ. Nhiều là lớp sồn sồn trên dưới bốn mươi như tụi mình đây, song làm gì có

việc ngăn đường chặn lối, yểm tài lớp đàn em. Có chăng chỉ là đôi trường hợp hi hữu. Còn thì chúng ta nâng đỡ và học hỏi các bạn trẻ ấy không hết, có đâu lại dìm lại phá.

« Theo tôi, trở ngại lớn nhất cho sự phát triển Văn nghệ, chính là cái vốn quá nặng phải bỏ ra để in tác phẩm in bằng chữ chì — độc giả không ưa sách quay ronéo. Vì cái gì ta cũng phải mua của ngoại quốc cả. Từ cái máy đến tờ giấy... Tôi nghĩ nếu in một tập thơ, tối thiểu tốn ba ngàn, thay vì sáu ngàn; in một cuốn tiểu thuyết hoặc một tập truyện ngắn, tối thiểu tốn năm ngàn, thay vì mười ngàn, thì lắm bạn trẻ sẵn sàng nhịn xem xi nê nửa năm, bán xe về lô đề cho đứa con tinh thần mình góp mặt với đời. Thì trung bình, mỗi tháng có ở hàng sách hai chục tập thơ và mười cuốn truyện dài, truyện ngắn. Như thế, trong một năm, ta có tròn hai trăm nhà thơ và trên trăm nhà văn mới trình diện với làng. Trong số ấy, thế nào ta chẳng được hai nhà thơ và một nhà văn có chân tài ! »

Ngồi nghe anh nói một mạch, tôi không khỏi mừng thầm. Anh bắt đầu câu chuyện bi quan hết sức, nhưng kết thúc thì lại vui tươi. Cái vui tươi ấy còn kéo dài trong lời anh viết sau bức ảnh anh tặng tôi :

« *Thân tặng anh Ngu-Í lúc gần giờ... giới nghiêm* ».

Gần hết năm Rong 65

NGUYỄN-NGU-Í

CÁT LẦY

PHẦN THỨ NHẤT

II

B U Ò I mai thơm ngát ngoài vườn. Nền tím hư ảo chập chờn cuối tầm mắt. Những bóng lá động đậy trong khung cửa sổ như một đường vòm sâu trong rừng sáng. Tiếng động loang trong xóm, chiếc xe gắn máy nổ ròn về phía bên đò. Má và chị Lệ nói chuyện tuốt đầu dưới nhà bếp. Tôi nằm im trong sự thấp thỏm rũ liệt, cổ nhìn trước mọi cử chỉ sắp tới khi trở dậy.

Con Liễu mò mẫm dưới chân giường, tay quờ níu mừng. Nó bám vào mép sắt, lặn đi mở mắt nhìn qua màn vải thưa. Cặp mắt dài, ướt trong giống như mẹ nó. Liễu nhoẻn cười, miệng của nó như dấu vết trong sách của mẹ nó những ngày thiếu nữ. Tôi vén mừng chui ra, buông thông căng, ngó con nhỏ. Tôi đưa tay muốn kéo nó đến gần, nhưng nó thụt lui không rời mắt tôi, miệng mếu máo mỗi lúc thêm rõ. Chập choạng con nhỏ buông tay khỏi giường sắt mép giường, ngồi bệt xuống gạch và òa khóc.

— Má đây. Má đây. Coi kia, cậu ba con đó. Cậu ba con đó mà. Chị Lệ bồng con lên, vỗ nơi lưng nó, lặn đi lặn lại : cậu ba con đó, cậu ba con về đó. Tôi gượng cười, bỏ xuống nhà rửa mặt. Chị Lệ nói : Thôi nà... thôi nà... để má cuốn

mừng cho cậu ba. Má tôi đang lúi húi mức nước dưới mương tưới mấy bụi bạc hà và xả nơi góc vườn. Tôi nhìn lên ngọn cau để khỏi nhìn ai. Cuộc hành trình ấy đã đưa tôi đi quá xa, lạc hết mọi người. Tôi không thể nào bảo cho mẹ tôi hay rằng tôi về nhà lần này là lần chót và sau đó tôi sẽ biệt tích. Biệt tích mãi mãi mang theo nốt những khoảng trống tôi đã đào bới trong nhà này.

Đã bao nhiêu lâu nay, tôi cũng đã biệt tích rồi, tôi ở chỗ khác. Gia đình đối với tôi là nhà tù, bóp nghẹt mọi khát vọng bằng những bàn tay dịu dàng chăm sóc. Những người thân bao vây với mớ yêu thương bủn xỉn của họ khuấy rối chân trời viễn vọng của tuổi thanh niên. Tôi cưỡng chống bằng cách trốn lánh ẩn giấu mọi cảm tình. Nỗi kinh hoàng chết đuối trong ao vũng hạnh phúc, chìm ngập cuộc hiện hữu độc đáo tôi mơ mộng, tạo những thói quen, phản ứng bất mãn hằn học xấc láo trong cách cư xử, dựng bức thành phân cách với kẻ xung quanh. Những vách dày của mặc cảm nhốt chặt khó thở, tôi trở thành hung bạo vô lý. Những cơn điên tỉnh táo ngăn nổi tiếp mỗi ân hận luyến tiếc (vòng tròn miệt mài không hở) đục rỗng bản ngã. Trước mắt má tôi và chị Lệ, tôi là kẻ xa lạ, độc đoán, ích kỷ, sống trong nhà như một khách trọ nhiều uy quyền. Tôi xô dồn hai người thành những cái bóng ; những cái bóng khó chịu, vương vãi. Những người thân phải ra khỏi thế giới của tôi, cuộc hiện hữu khốc liệt đòi sự tự hủy của những hiện hữu kề cận, thấu gòm mọi tự do cho riêng mình. Họ sợ sệt quanh quẩn dưới nhà ngang, ngoài vườn với những con vật thân tín. Tôi chiếm ngự gian trên với một người chết — cha tôi. Lúc nào tôi cũng chỉ thấy mình, chỉ nghe vô vàn thứ tiếng hỗn độn trong vùng hư không ăn sâu trong mình.

Cha tôi chết vì cuồng trí. Tôi luôn luôn lặp ở trong đầu : mày không điên, mày không bao giờ điên được. Thường ông uống rượu vào giấc chiều trong bữa cơm. Khi vợ con đã rời khỏi mâm, tản mỗi người mỗi nơi, ông vẫn ngồi ngây trên ván, rượu bắt đầu ngấm. Mặt tím xám, mắt trương lồi như sắp lọt khỏi tròng ngó tới một điểm cố định, dường như ở đó là khe hở của một thế giới nào khác. Ông không nói năng hay la ó gì hết, rồi sau đó ông leo lên vồng ngủ, giấc ngủ lúc chạng vạng. Bữa kia nước mắt chảy ròng từ tròng mắt bất động như hai con ốc chết trong chén nước mắm. Tôi kêu : Coi kia, chị Hai. Tía khóc. Chị Lệ lôi tay tôi ra ngoài vườn đứng dưới gốc mít. Buổi chiều hấp hối trên bột canh mới mọc, đám cây cỏ ven sông được phát quang, những rào kẽm gai lẫn tròn như con trăn lớn. Đôi khi ông leo lên được trên vồng, bất tỉnh sùi bọt mép. Mấy người đàn bà lẳng xăng cứu cấp. Tôi ngủ chung với ông kể bên một làn hơi nóng lộn mùi rượu, mùi dầu cù là ; và hơi thở khô khè tắc nghẹn. Một đêm ông bật khóc nỉ non. Tiếng nước nở như bị kéo níu vùng vẫy làm rung động cơ thể từng nhịp như mắc chứng kinh phong, truyền lan sự khiếp hãi kinh dị qua ván gỗ dày lạnh ngắt. Má tôi mời thầy pháp về bắt tà. Đèn nến thấp giữa sân khuya, đám đông hàng xóm bao quanh và vùng tối đen cây cỏ ngoài đồng như gần tới. Chiêng trống xập xòe lẫn với những câu thần chú và tiếng hú man rợ của ông thầy ăn mặc dị

họm : đầu đội khăn, thắt lưng đỏ, cầm hai cây cờ bắt chéo phía sau. Người bệnh ngồi xếp bằng trên ván trong nhà, nhìn qua cửa sổ, miệng cũng làm xàm không dứt. Đột nhiên tiếng cười khạch khạch, người bệnh xuất hiện ngay trên thềm sau bàn thờ, tiếng cười vỡ đục như miếng sành. Thầy pháp trở tay, bắt ấn, quát lớn. Người bệnh vùng quơ tay nhào tới, mọi người túa chạy như Tây vô làng. Ông xách dao rượt thầy pháp chém loạn đả vào bờ bụi và ngắt xiù dưới nương. Từ đó hằng đêm, tiếng khóc lẫn tiếng cười mỗi ngày thêm dài lâu đến đứt hơi. Ban ngày, trưa nắng, ông lên nóc nhà, xé toang áo quần, râu quai nón tua tủa, ngồi chấp tay niệm Phật. Cuối cùng trong giờ giới nghiêm, ông phá cửa, chạy ra sông nhảy lội về phía đồn Tây. Súng trên bờ bắn xuống. Đầu ông nổi đập dính trong vùng đèn pha sáng quắc lò dò. Vợ con trốn trong bụi cây ven bờ kêu la. Tía ơi. Xác của ông hai bữa sau, nước rút trôi tấp vào con lạch sau nhà.

Những ngày tháng chật chội, nhiều lúc tôi muốn điên như ông, vui đập thể giới vào hư vô, tự trầm xuống vực tối tăm cuốn xoáy. Nhưng không thể được, cho đến mãi mãi không thể nào tôi điên được. Anh hùng, anh hùng lắm, Diệp bảo. Anh muốn điên. Điên như một cơn bão trong đêm trên đồng hoang. Sự xóa trắng những ngày tháng cũng là lối thực hiện của ý thức tự phủ che. Tôi tỉnh hoài và tôi làm ngơ. Và tôi trở lại chốn cũ, (không phải, không phải là đứa con hoang đang hối lỗi), đề hồi tưởng Định Mệnh. Bởi tôi phải sống hết Định Mệnh của tôi.

Khi bỗng được con Liễu lên tay, nhìn đôi con ngươi đen láy, hơi thở thơm tho của nó phì phà trên má, tôi không biết phải làm gì nữa. Bàn tay bé nhỏ của Liễu bóp nắm vành tai tôi nhột nhột. Tôi bắt cười sảng sặc : nhột quá mày. Má tôi và chị Lệ trông nơi góc nhà ngó tới chăm chăm, nửa mừng rỡ vì sự vui vẻ hiếm có của tôi, nửa lo âu sợ tôi như thứ quái vật có thể làm hại đứa nhỏ. Sự ngạc nhiên trên trời của người lớn cùng tiếng la lớn của tôi khiến con Liễu khóc ré, ưỡn người đập căng đòi thoát khỏi tay bỗng. Tôi trơ khấc như thân cây, không phản ứng. Chị Lệ sắp tới đỡ lấy con rơi vào ngực mình.

— Cậu ba thương con đó mà... ư... ư... cậu ba thương con mà...

Tôi nín cầm như hòn đá, bỏ ra vườn. Tôi sẽ như thế trong những ngày ở lại trong nhà. Sự im lặng buông thả như sự len lách thâm thì đến với sự vật và ôm ấp chúng trong sự trù mẫn không biểu tỏ. Tôi nhia ngoái trong thời khắc đợi chờ những lối hoang mang của kỷ niệm. Kỷ niệm ? Không phải. Tôi không có quá khứ, tôi chỉ có một cuộc hiện hữu vẫn vang ngân như những làn sóng đùa tới. Mờ cảm giác, ý tưởng vẫn còn rung không mang dấu thời gian. Tôi thả trôi trong hiện tại dập dềnh, những ngày thanh thoi vô định, giữa cảnh vật dưới bầu trời không thay đổi quen mắt. Quyết định sắp tới tôi giữ chặt trong trái tim rộng tuếch chưa muốn cho trời lên.

Con đường đắp nứt nẻ quanh vườn, những rễ dừa trườn ngang. Con mương nước váng. Cây cầu khỉ rung rinh trên lạch. Lối mòn cỏ phủ dẫn ra đồng, bầu trời nhờ nhạt của mùa mưa sẽ tới. Đầm vũng cỏ gianh cỏ lát, những đàn le le đã bay đi, mấy tháng nắng chúng bay về đây cả ngàn con ngủ trong đầm, chiều chạng vạng liêng rộp trên đồng cỏ, tiếng kêu riu rít hỗn loạn. Buổi sáng bàng hoàng tan mau mang theo những vùng tưởng tượng của tâm trí. Vài buổi sớm, tôi ngược con đường xóm ra bến đò, đứng lại trên bờ. Đất lạch bốc dưới gốc hàng dừa nước đắp lên dẻo và đen. Cửa lạch chảy ra sông vẫn in dấu chân người trên xình lầy khi nước cạn. Tôi nhìn mặt nước êm ả. Châu Thành xa khuất tẻ lạnh. Tôi chợt nghĩ nếu không bao giờ tôi vượt sang đó, tôi chỉ lớn lên trong xóm đồng này, tôi sẽ có cuộc đời khác. Tôi không là Trí, tôi sẽ là cậu Ba, thằng Ba, chú Ba, dượng Ba, anh Ba... Trí, Trí. Nhiều người gọi tôi bằng cái tên ở đây không ai biết. Tôi không còn là đứa con của cha mẹ tôi nữa, tôi sinh ra từ những người khác. (Những người đâu đâu tôi không hay biết).

Tôi nhớ Diệp, nhớ những phút cuối cùng trong cuộc phiêu lưu của chúng tôi. Nụ cười nàng hé nở như tôi hằng ao ước, thoát mọi ràng buộc của quá khứ, tinh túy rục rỏ như trường giao thoa của các nguồn sáng trắng, Mắt nàng ngời như đêm trong không bao giờ hết. Tôi đã lôi cuốn nàng vào trong cơn điên tỉnh thức. Nàng đại đột biết chừng nào. Diệp, phải không Diệp? Em là người tình, khuôn mặt của cái chết. Tại sao tôi lại được cứu thoát? Tại sao người ta lại gỡ tôi khỏi tay Diệp? Buổi mai mờ tối không khi nào lui thành dĩ vãng. Khuôn mặt xanh xao đau yếu của Diệp, sau đêm mưa lũ, hốt hoảng trong cuộc trốn chạy không định trước ra khỏi châu thành chưa thức dậy. Châu thành mù sương, tiếng vó ngựa trên đường phố ướt át, máy xe nổ hực vì khí lạnh chưa tan. Chuyển xe rộng cho riêng hai đứa, Diệp nằm gối trên đầu tôi ở băng sau. Sương trên đồng, trong vườn là là khắp mặt sông nước, đón chúng tôi lưng chừng các dốc. Chúng tôi chạy tới chốn hẹn ước, chốn im lìm tuyệt đối là cõi điên và cõi chết.

Những giấc ngủ muộn chán chê, ủ trong không khí cũ xưa, như ánh nắng tàn nhạt trên đồng, nghiền nát cảm xúc thành bất giác kinh hoàng. Tỉnh dậy tôi vẫn ghi giữ ảnh tượng không thể tan nhòa, dấu tích của nhịp bước hiện sinh, nếu còn sống tôi chẳng sao từ chối thay đổi. Những cuộc gặp gỡ phát hiện bản ngã, tự do. Những khuôn mặt ghé nhìn tìm bóng dáng. Những biển cỏ đầy xô tôi chọn lấy định mệnh. Hằng giờ tôi thu hình trong câm nín. Sự im lặng di chuyển tôi đến sự vật, đời sống. Tôi không còn nghe hỗn độn quay cuồng. Tất cả tinh mịch phẳng lặng. Tôi đã đứng sau lưng cái chết và không thể làm gì được. Sống là bị cuốn hút vào các thể lực ngoài mình trong nhịp hồi tưởng cưỡng chống không dứt,

THANH TÂM TUYỀN

(Còn tiếp)

LỜI CA QUÊ HƯƠNG

theo lời hát ngọt hương đồng cỏ nội,
nhịp vông đưa dịu dịu những trưa hè.
tôi lớn lên trong tình thương của mẹ,
với lời ru êm ái của lũy tre.

ngày bé dại thường ra đồng sông nhỏ,
ngồi lắng nghe xa tít những điệu hò.
hay ra vườn nằm yên trên lối cỏ,
nghe lời chim từ mái rạ líu lo.

ngày bé dại đã yêu lời ca đó,
đêm trăng rằm mẹ dạy bài ca dao.
tôi chăm chú rung làn môi son đỏ,
giọng thơ ngân vang xóm giếng bờ ao.

tôi chợt thấy rằng quê hương mình đẹp,
bỗng muốn ôm muốn giữ hết vào lòng:
lũy tre xanh, con sông hiền khép-nép,
lời gió ru nhẹ-nhẹ dưới cánh đồng...

tôi quên cả xóm làng đang yên ngủ,
vụt hát to trên tiếng mẹ dịu dàng.
mẹ khẽ gõ nhẹ lên gầu tôi rồi nhủ:
« — nhỏ chút nào, con của mẹ hãy ngoan ! »

nghe lời mẹ tôi bắt đầu hát khê,
mẹ mỉm cười vuốt lấy đôi má non:
« — con của mẹ hát hay rồi đấy nhé,
mai lớn lên làm ca-sĩ, nghe con !... »

tôi thầm nghĩ mai này làm ca sĩ,
tôi sẽ ca những điệu nhạc quê hương.
nhạc khúc nào tuyệt vời hơn nữa nhỉ !
tiếng ca nào bằng được tiếng quê hương.

rồi lớn khôn tôi không là ca-sĩ,
mà bơ vơ thất thểu khắp nẻo đường.
quê hương đó với lời ca của mẹ,
đã chìm sâu vào máu lửa đau thương.

quê hương đó sừng bom chừ réo gọi,
lũy tre gãy, con sông nhỏ cô-đơn.
ôi tiếng hát ngọt hương đồng cỏ nội,
còn trong tôi một kỷ-niệm thật buồn.

ĐYNH TRẦN CA

nghìn năm sa mạc

Thành Tôn

người nằm xuống hoang vu hồn sỏi cát
có nghe chẳng lời nói hắt hiu này
tôi ở lại nhìn đời e thẹn mặt
nên vô cùng mỗi mắt cánh chim bay

còn một chút buồn vương lên cỏ mọc
một chút hồn thất lạc phố tình xưa
thấy gì khác hơn giọng cười tiếng khóc
chợt băng khuâng xanh vắng mắt giao mùa

một năm đó còn gì trong cỏ mộ
tình đã đi ai kẻ nhớ về thăm
còn âm hưởng bước chân mòn mấy phố
cũng ngậm ngùi như hơi thở xa xăm

người nằm xuống giữa vô cùng sa mạc
chiếc hồn thơ bé bỏng ghé nơi nào
ai thấp khối cho bóng chiều râm mát
đề canh trường xao xuyến mấy vì sao

còn nhớ gì khi mùa xuân tìm đến
khi tình yêu đánh thức giấc nghìn năm
làm chút nắng vàng che vắng mắt thẹn
nghe hoang vu hồn sa mạc yên nằm

T. T.

(thấp tình)

SINH HOẠT

Giải thưởng Nobel Y-Học 1964 (1)

GIAI thưởng Nobel Y-học năm 1964 vừa rồi đã phát cho 2 nhà bác học người Đức, là giáo sư Konrad Bloch và giáo sư Féodor Lynen.

Giáo sư K. Bloch sinh năm 1912 ở tỉnh Neisse bên Đức. Ông bỏ nước Đức để sang ở bên Mỹ từ năm 1936. Năm 1944 ông lấy quốc tịch Mỹ. Ông đậu bằng tiến sĩ về sinh vật hóa học (Biochemistry) ở Đại-học Columbia. Hiện giờ ông là Giáo sư Sinh-vật Hóa học ở Đại học Harvard và có chân trong Ủy ban Trung ương Nghiên cứu Khoa học Mỹ quốc.

Giáo sư F. Lynen sinh năm 1911 ở tỉnh Munchen bên Đức. Ông bắt đầu công cuộc khảo cứu ở đó, và năm 1937 ông kết duyên với con gái nhà bác học Heinrich Wieland, được giải thưởng Nobel Hóa-học năm 1928. Hiện thời ông là Giám đốc Viện khảo cứu về Sinh vật Hóa học Đại học München và Viện khảo cứu Max-Plank.

Ở Viện Max-Plank, ông chuyên dạy về Hóa học các tế bào. Nhờ Ông mà người ta nay đã biết rõ hơn một phần nào sự biến tính và giảm giải (dégradation) của các chất á-xít béo (acide gras — Fatty acid) trong cơ thể con người. Viện Đại Học Stockholm, nơi phát giải thưởng Nobel, trong một bản thông cáo đã nói rõ tại sao Hội đồng chấm giải đã chọn hai nhà thông thái Lynen và Bloch vì « những bệnh về bộ máy tuần hoàn trong các nước trên thế giới hiện giờ vẫn là nguy hiểm nhất và làm cho nhiều người chết nhất. Đại đa số những bệnh ấy đều có liên quan mật thiết với những bệnh chứng của sự biến hóa các chất béo trong cơ thể (métabolisme des lipides — Trung-hoa và Nhật-bản đều đồng ý dịch chữ *Métabolisme* là *đại-tạ*). Cách điều trị các bệnh đó cũng như là các bệnh

(1) Xin xem « Nobel Khoa-học 1964 » của Võ-Quang-Yến trên Bách-Khoa 192 (1-1-65).

thuộc về lĩnh vực các chất óoc-môn (Hormones = kích tố), từ nay sẽ căn cứ vào những cơ sở vững vàng do hai ông Bloch và Lynen kiến tạo nên ».

Sự thực, đứng về phương diện y học mà nói, thì chưa chắc sẽ có một phương pháp mới nào để chữa bệnh cứng động mạch (atherosclerosis). Nhưng nhờ có công trình nghiên cứu của 2 ông Bloch và Lynen, người ta hiểu rõ ràng sự biến chuyển của các chất béo trung gian trong thân thể. Vấn đề này từ xưa chưa ai chịu khó để ý đến như vấn đề tổng hợp chất dẫn bạch và các chất đường (synthesis of protein and carbohydrate).

Nhờ có giáo sư Bloch, ta mới biết rằng chất « Cô-lê-stê-rôl » (*Cholestérol* Trung Quốc dịch là Đổm - thuần), thường gây các bệnh về mạch máu, là một chất do chất a-sê-tát (acetate : thổ-toan-diêm) bị kích động tạo ra. Chất acetate này là một chất hóa hợp do giáo sư Lynen khám phá ra. Giáo sư Bloch tìm ra được con đường diễn tiến và biến hóa của chất đó. Trong khuôn khổ của bài báo, chỉ có tánh cách phổ thông, chúng tôi không thể nói dài dòng về công cuộc khảo

cứu hoàn toàn hóa học này. Chúng ta chỉ cần biết là chất acetate đó sẽ biến thành chất *squalen*. Chất *squalen* mà công thức là ($C_{30}H_{50}$) là một chất hóa hợp tìm thấy trong gan các động vật có vú và trong da. Da đầu người rất nhiều chất này. Chất *squalen* sẽ biến ra chất Lanesterol ($C_{30}H_{50}O$). Chính chất Lanesterol này sẽ sau cùng cho ta chất Cholesterol ($C_{27}H_{48}O$).

Ngoài ra, giáo sư Bloch còn cho ta biết thêm là chất Cholestérol có thể biến thành các « kích thích tố » về sinh dục (Sex-Hormones — Hormones sexuelles).

Phụ ký : *Vài bài khảo-cứu mới nhất của 2 giáo sư Lynen và Bloch :*

1. Bloch K. và Erwin J. : « Biosynthesis of unsaturated fatty acids in micro-organisms » — Báo Science, 6 March 1964.

2. Bloch K. và Levin E. Y. : « Absence of sterols in blue-green algae » Báo Nature (Luân-đôn) April 1964.

3. Lynen F. và Bortz W. M. : « Elevation of long chain acyl CoA derivatives in livers of fasted rats » Báo Biochemistry số 19 September 1963.

NGUYỄN TRẦN HUÂN

BÁCH - KHOA TRONG SỐ TỚI

- Từ vụ tranh chấp Indonesia - Malaysia đến ngoại-giao giữa Việt-Nam và các nước Á-Phi (*Phạm-Lương-Giang*).
- Vài nét sơ lược về sự phát triển của Triết-học Trung-Hoa (*Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê*).
- Lịch sử Lạc-Việt (*Nguyễn-Phương*).

LIỆT KÊ CÁC BIẾN CỐ ĐẦU NĂM 1965

. . . trên thế giới

● *Tranh chấp Indonésia / Malaysia :*

2-1 : Indonésia thông báo quyết định rút khỏi Liên Hiệp Quốc. Một trong những lý do chính yếu là việc Malaysia được bầu vào Hội đồng Bảo an L.H.Q. Ngày 7-1 Tổng thống Soekarno lại xác nhận Indonésia nhất định dứt khoát rút khỏi L.H.Q.. Sau đó các cơ quan chuyên môn của L.H.Q. cũng được yêu cầu rời khỏi Indonésia. 30-1 Indonésia và Trung Hoa Cộng sản ra Thông cáo chung chống việc Malaysia tham dự Hội Nghị Á-Phi.

Vụ tranh chấp Indonésia - Malaysia đã được trình bày trên Bách Khoa các số 150, 157, sẽ còn được đề cập tới trong bài của Phạm-Lương-Giang trên B.K. số 196 (1-3-65) sắp tới đây.

● *Hội kiến giữa Thủ tướng Nhật Sato và Tổng thống Hoa Kỳ :*

12/1 — 13/1 : Thông cáo chung gồm 11 điểm trong có những đoạn ghi nhận « sự kiên trì sẽ rất cần thiết cho nền tự do và độc lập ở miền Nam Việt Nam » và chính phủ Nhật « liên lạc ngoại giao thường xuyên với chính phủ Trung Hoa Dân Quốc » và đồng thời vẫn duy trì việc tiếp xúc riêng với Trung Hoa Cộng sản về mậu dịch « dựa trên nguyên tắc tách rời chính trị khỏi kinh tế ».

● *Bầu lại các cấp lãnh đạo chính-quyền Trung Hoa Cộng sản :*

Không có sự thay đổi gì trong những chức vụ trọng yếu : Lưu Thiểu Kỳ vẫn là Chủ tịch Trung Hoa cộng sản, Chu Ân Lai vẫn là Thủ tướng Chánh phủ, Chu Đức Chủ tịch Ủy ban thường trực Quốc Hội. (Riêng vị Panchen Lama, đại diện cho Tây Tạng, bị gạt ra khỏi Ủy ban thường trực Quốc Hội). Mao Trạch Đông vẫn là lãnh tụ tối cao và chủ tịch Đảng Cộng sản Trung-Hoa.

Cũng nên ghi lại rằng cuối năm 1964 (30 và 31-12-64), Chánh phủ Ấn-Độ đã mở cuộc lùng bắt một số lớn phần tử Cộng sản Ấn thân Trung Cộng trên toàn lãnh thổ Ấn và đã có hàng trăm thủ lãnh Cộng sản Ấn bị giam giữ.

● *Nguyên thủ các quốc gia Pakistan và Hoa Kỳ :*

Ngày 2-1 Thống chế Mohammed Ayoub Khan được tái cử Tổng thống Pakistan.

Ngày 20-1, tại Hoa Thịnh Đốn cử hành lễ tấn phong Tổng thống Johnson, vị Tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ.

● *Những vì sao lặn :*

— Nhà thơ nước Anh T.S. Eliot (76 tuổi), Giải Nobel văn chương 1948,

đã từ trần tại Luân Đôn ngày 4-1-65. (Tiểu sử và văn nghiệp, xin xem bài của Trần Thiên Đạo, tạp chí Văn số 26 và 27 (15-1-65), Xuân Ất Tỵ).

— Tướng Maxime Weygand của nước Pháp, 98 tuổi, một trong những vị chỉ huy quân đội đã dự trận Thế chiến thứ nhất 1914-18 còn sót lại đến nay, đã từ trần ngày 25-1.

— W. Churchill, cựu Thủ tướng nước Anh, 91 tuổi đã từ trần ngày 24-1 tại Luân Đôn. Lễ quốc táng đã được cử hành ngày 30-1 tại thủ đô nước Anh. Tham dự có 6 quốc vương, 5 vị nguyên thủ và đại diện của 112 nước (không có đại diện Trung-Cộng). Sau 20 năm, ba người phó hội Yalta, (xem bài « Hội nghị Yalta » của Vũ Bảo trên số này) như vậy là không ai còn sống nữa. Cuộc đời và sự nghiệp của W Churchill sẽ được Đoàn-Thêm trình bày trên Bách Khoa trong những số tới đây.

— Kozlov đệ nhất Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nga sơ từ trần ngày 31-1.

● *Chính biến tại Ai-Lao :*

Ngày 1/2 và 2/2 tại Vạn Tượng một cuộc đảo chánh đã diễn ra do Tướng Phoumi Nosavan chủ trương, Đại tá Bounlout Sykosi và Tướng Siho điều khiển. Thủ tướng Phouma phải trốn trong một nhà thương. Ngày 3/2 Tướng Kouprasith Abhay nắm vững quân đội, phản công lại, nã đại bác vào khu vực quân đảo chánh đẩy họ ra ngoài thành phố, làm hàng trăm người thiệt mạng. Tướng Phoumi Nosavan và Siho đã sang tỵ nạn chính trị tại Thái Lan.

... trong nước

● Từ khủng hoảng chánh trị 20-12-64 đến chính biến 27-1-65 :

Phật giáo và dân chúng

3-1 : Mít tình tại Viện Hóa Đạo.

4-1 : Một số học sinh, sinh viên biểu tình phản đối vụ đưa ra tòa án quân sự những học sinh, sinh viên bị bắt trong vụ đám táng trò Lê-văn-Ngọc.

16-1 : Biểu tình có đồ máu của học sinh tại Đalat.

20-1 : Thượng tọa Thích Tâm Châu họp báo tại Viện Hóa Đạo tuyên bố : Đóng cửa V.N. Quốc Tự, các tăng ni trở về địa phương, 5 vị thượng tọa : Tâm Châu, Trí Quang, Pháp Tri, Thiện Hoa, Hộ Giác sẽ tuyệt thực tranh

Quân đội và chánh phủ

9-1 : Tại dinh Gia Long, Quốc trưởng Phan-Khắc-Sửu, Thủ tướng Trần-văn-Hương và Tổng tư lệnh Nguyễn Khánh ký « Thông cáo chung 5 điểm » của chính quyền dân sự và quân lực V.N.C.H. để chấm dứt cuộc khủng hoảng chánh trị từ 20-12-64.

10-1 : Phóng thích tại Kontum các hội viên Thượng Hội Đồng Quốc Gia, các chính khách, sinh viên bị « cô lập » từ biến cố 20-12-64.

15-1 : Thỏa hiệp giữa quân đội và 5 tôn giáo lớn về tuyên ngôn 5 điểm và sự thành lập « Hội đồng quân dân đoàn kết ».

đầu tới cùng chống chính phủ Trần văn Hương.

22-1 : Biều tình của tăng ni trước tòa đại sứ Mỹ tại Saigon.

Thư viện Mỹ bị một số người đập phá.

Từ 23 tới 26-1 . Biều tình tại Huế, Đà-Nẵng, Quảng-Trị, Nha-Trang. Thư viện Mỹ tại Huế cũng bị đốt phá (23-1).

26-1 : Nha Trang biều tình và tuyệt thực : nữ sinh Phật tử Hoàng-thị Yến-Phi tự thiêu.

26-1 : biều tình trước tòa tỉnh trưởng Gia-Định và tại đường Hòa Hưng Saigon.

27-1 : 5 vị thượng tọa chấm dứt cuộc tuyệt thực kêu gọi đình chỉ mọi hình thức vận động bảo vệ Đạo Pháp và Dân tộc.

18-1 : Sắc lệnh cải tổ chính phủ Trần-văn-Hương : 4 tướng lãnh đại diện cho quân lực V. N. C. H. tham gia chánh phủ. Nội các mới cải tổ trình diện Quốc Trưởng ngày 21-1

27-1 : Hội đồng quân lực từ 23-1 tới 27-1 đã có nhiều phiên họp khẩn cấp và đặc biệt.

Sáng 27-1-65 Đại-tướng Nguyễn-Khánh công bố quyết định của HĐ QL về việc bất tín nhiệm chính quyền dân sự vì « không đối phó được nhu cầu tối yếu của tình thế khẩn trương hiện tại ». Sau khi cùng với Thủ Tướng Trần văn Hương từ chức, cụ Phan Khắc Sửu được mời tạm thời giữ chức Quốc Trưởng và ô. Nguyễn xuân Oánh được chỉ định quyền Thủ Tướng.

— Sắc luật bầu cử « Quốc dân đại hội » và sắc luật đại xá, xóa tội trạng án tích của các nhà ái quốc, được ban hành ngày 25-1-65.

— Ô. Mac George Bundy, cố vấn đặc biệt của Tổng Thống Huê Kỳ tới Saigon ngày 4-2-65 để quan sát tình hình.

— Ô. Kossiguine, Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng Nga sô tới Hà-nội ngày 6-2-65.

● Hoạt động quân sự :

Trước và sau Tết Ất-Tỵ. — Những trận đánh lớn đầu năm 1965 : ngày 26-1 Chiến thắng Ấp Bắc (Định Tường) của Sư đoàn 7 và ngày 7-2 chiến thắng Quảng Tín, của khu 12 chiến thuật.

2 giờ sáng 7-2 : Việt Cộng pháo kích vào phi trường và 1 trại binh sĩ Hoa Kỳ tại Pleiku làm thiệt hại nặng về người và các loại phi cơ.

Cùng đêm đó kho xăng ở Tuy Hòa cũng bị tấn công và 330 thùng xăng bị thiêu hủy.

14 giờ ngày 7-2 : 49 phi cơ, từ 3 Hàng không mẫu hạm Hoa Kỳ, trả đũa vụ phá hoại ở Pleiku, đã dội bom một số mục tiêu ở trong vùng tiếp cận với Đồng Hới.

15g30 ngày 8-2 : 24 phi cơ của Không quân V.N. có sự yểm trợ của một số phi cơ Hoa Kỳ, oanh tạc một số căn cứ quân sự tại Vĩnh Linh.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*